

LOUIS PIERARD

LỊCH - SỬ

NƯỚC BỈ

BIBLIOTHECA
Collegii Pontificii

PIE
930

Bản dịch của
THÙY - DƯƠNG

VIỆN ĐẠI - HỌC HUẾ

1963

THÙY - DƯƠNG - LỊCH - SỬ - NƯỚC -

ĐẠI - HỌC HUẾ



LOUIS PIERARD



LỊCH - SỬ
NƯỚC BỈ

Bản dịch của
THÙY - DƯƠNG

VIỆN ĐẠI - HỌC HUẾ
1963



LIBRARY
UNIVERSITY OF CALIFORNIA
BERKELEY

1924

APR 15

Người ta có thể sắp nó cùng hàng với Hòa-Lan, Thụy-Sĩ và các nước Bắc Âu (Thụy-Điển, Na-Uy, Đan-Mạch) giữa các « đại tiểu-quốc » mà Georges Duhamel tán dương với một cảm tình đặc biệt trong cuốn « Địa dư thân yêu của Âu-châu » của ông. Người ta muốn nói lại ở đây và đưa tất cả về phần chủ yếu.

Trước hết không phải là một người « Mác-xít » chính thống, không hy sinh mù quáng cho một lối chủ giải duy vật của lịch sử thì nên nhắc lại rằng xứ này, ngày nay cũng như bốn hay năm thế kỷ trước, là một trong những xứ dân cư đông đúc nhất thế giới. Mật-độ — ngoại trừ dân cư miền đồng bằng sông — Nil cao nhất, mặc dầu gần đây sự sinh nở có giảm bớt, điều người ta nhận thấy cả ở các xứ khác tại Tây-Âu.

Xứ này không có nguyên liệu. Có một ít than lấy ở các mỏ khá sâu và nguy hiểm, sự khai thác khó khăn và đắt đỏ. (Kỹ nghệ than ở một vài vùng mỏ đã có từ cuối thời Trung-Cổ).

Nguồn lợi trong xứ ấy là nhân công. Sức làm việc của họ mạnh khác thường. Dân tộc Bỉ kể cả người Wallons cùng người Flamands — dễ nhận ra ở sức sống dồi dào, ở sự hăng hái làm việc cũng như vui chơi. Từ tháng chín 1944 đến tháng năm 1945, ngày thắng trận, những phu khoán hàng tại bến Anvers, những thợ luyện kim của tỉnh

Liège làm việc rất oai hùng dưới trận mưa bom không ngớt của VI và V2 để giúp các đạo quân đồng minh hoàn thành trận đánh bại quân Đức.

Xứ của kỹ nghệ biến chế, nước Bỉ tiếp nhận nguyên liệu của cả thế giới. Rồi từ các nguyên liệu ấy Bỉ làm ra các sản phẩm để xuất cảng đi khắp các nơi.

Với ngoại tệ thu hoạch đó, Bỉ mua lương thực cung cấp cho số dân sinh sản rất mau chóng của họ. Bỉ nhập cảng hơn 50% lúa mì tiêu thụ hàng năm. Một vị thủ tướng Bỉ xuất thân trong giới thợ thuyền, ông Van Acker, một hôm đã biểu thị đặc tính của đồng bào ông như sau : « ... hay cãi cọ, ưa hưởng không mất tiền, chăm làm ».

Theo lịch sử, nước Bỉ luôn luôn là chiến trường của Âu-châu, một chiến trường đóng kín, nơi đó các cường quốc lâu lâu lại đến trút những xích mích của mình. Steenkerque, Seneffe, Audenaerde, Ramillies, Veerwinden, Fleurus, Jemmapes, Waterloo. l'Yser, la Lys, la Meuse và l'Escaut : bấy nhiêu cái tên đã đánh dấu bi thảm trên lịch sử Bỉ cũng như lịch sử Âu-châu.

Nhưng đồng thời là chiến trường đóng kín, xứ bé nhỏ này ở vào yếu điểm trên bản đồ thế giới là một đại lý liên lạc, một gạch nối giữa các nền văn minh và văn hóa

có khi chống đối nhau, nhưng sự tổng hợp điều hòa có thể gây hạnh phúc cho Nhân-loại.

Ở « giữa nước Pháp hăng hái và nước Đức nghiêm trang » như Emile Verhaeren đã nói trong một câu thơ, hay đúng hơn, ở vào giao điểm của ba nền văn minh trọng đại nước Bỉ vừa La-tinh vừa Nhật-Nhĩ-Man, xứ của hợp lưu, ngã ba của Tây phương, giữ một vai tưởng chính ở Âu-châu.

Mặc dầu những kỷ niệm còn nóng bỏng, những vết thương mới còn rớm máu nước Bỉ có thể dùng cách cần mẫn làm cho người ta hiểu biết lẫn nhau, cởi mở các mối căm thù, và như vậy là giúp cho sự bình định thế giới. Nước Bỉ không thể tự buông trôi trong một chủ nghĩa quốc gia cần cỗi. Thi sĩ danh tiếng nhất của nước Bỉ, Emile Verhaeren, tuy là người Flamand tuy thiết tha quyến luyến quê hương một hôm đã kêu lên :

« Xứ sở của tôi toàn thể sống trong thân tôi.

« Thu hút sức lực tôi vào sức mạnh phi thường của nó.

« Để, qua nó, tôi cảm thông với thế giới,

« Và ca tụng hoàn vũ với tiếng ca hùng mạnh hơn.»

Trong Âu-châu hiện đại nước Bỉ là cái gạch nối giữa hai nước dân chủ miền Tây, cả hai đều là bạn và là người bảo-hộ tự nhiên cho Bỉ. Một trong những nhà ngoại giao

thấy trong nghệ thuật của họ. Tuy vậy các họa sĩ, các nhà điêu khắc của họ đều là những người tha thiết với quê cha đất tổ. Họ có đầy màu sắc bản xứ. Ai chả thấy Rubens — chỉ kể tên vị họa sĩ danh tiếng nhất — hẳn đã không nổi danh như ông đã nổi, nếu không nhờ du lịch sang Ý, không nhờ ảnh hưởng thời đại Văn nghệ Phục hưng, không nhờ thời gian ông giữ chức đại sứ bên Anh và Tây-Ban-Nha, không nhờ tình hữu nghị và cuộc giao dịch tinh thần với những người Pháp tiếng tăm trong thời của ông. Người Flamand cường tráng này ngẫu nhiên sinh ở Siegen tại Westphalie trong một cuộc lưu đày bắt buộc của phụ thân ông, nạn nhân của những sự ngược đãi tôn giáo, là một sức mạnh của thiên nhiên, một sản phẩm của nhựa sống Flamand được soi sáng bởi ánh sáng La-tinh.

Cũng như nước Pháp, nước Ý, nước Bỉ vừa là nơi người ta cần cù làm việc vừa là quê hương của nghệ thuật và thẩm mỹ. Xứ nhỏ, nhưng là một đại quốc về mỹ thuật. Người ta ít thấy trên một khoảng đất nhỏ hẹp như thế lại phát sinh được nhiều nghệ sĩ tài giỏi và nhiều học phái hưng thịnh đến thế. Bruges, Anvers, Bruxelles, Tournai, Liège, Gand, các thành phố này đã thay nhau lưu truyền ngọn đuốc trong nhiều thế kỷ.

Người ta vẫn thường nói đến nghệ thuật Flamand. Danh hiệu này được công nhận trong tất cả bảo tàng viện

trên thế giới. Nhưng, như ông Paul Fierens đã nhận xét trung trực trong cuốn sách nhỏ nói về nghệ thuật Flamand rằng chữ này có thể khiến người ta hiểu nhầm. Trong nền nghệ thuật của các tỉnh tại đất Bỉ ngày nay, phần đóng góp của người Wallons trên bờ sông Meuse và sông Escaut không phải là kém quan trọng so với người Flamands.

Từ thời Trung-Cổ cho đến nay, nước Bỉ có thể tự hào về truyền thống nghệ thuật có thể nói là liên tiếp, không đứt quãng. Chỉ có một lần gián đoạn : Về thế kỷ thứ 18, khi sông Escaut bị đóng không thông thương được, xứ này tê liệt về kinh tế. (Nghệ thuật cần có không khí phồn thịnh mới nảy nở được).

oOo

Xứ này nhỏ mà phức tạp, đầy rẫy bất đồng và hình sắc. Ấy là một xứ dị thường, phức tạp về đất đai, tiếng nói, và dân cư. Những người Flamands. Wallons, Bruxelles họ không là Flamands, Wallons, và cũng không phải là dân của tiếng Đức, ở lân cận hai đô thị Arlon và Eupen. Rồi, ngay trong lòng mỗi nhóm lại có bao nhiêu sắc thái, bao nhiêu đặc tính khác biệt ! Người Tournai và người Hennuyer khác người Liège biết chừng nào ! Cả một thế-giới chia cách người Flamand ở Furnes hay Bruges với người Limbourg ở Tongres hay Hasselt.

Đúng là lúc khiến ta nhớ lại lời phê-bình của Paul Valéry : « Tất cả các nước ở Âu-châu đều phức tạp, và có lẽ không có một nước nào chỉ nói một thứ tiếng ! »

Người Thụy Sĩ, từ Gottfried Keller đến đại tướng Guisan, đã tuyên bố họ lấy sức mạnh ở Liên-bang họ, ở « sự liên hiệp trong bất đồng ».

Người Bỉ cũng thế, họ cũng có thể nhắc đến câu châm-ngôn quốc gia của họ : « Liên-hiệp gây sức mạnh ». Liên-hiệp không phải là đồng nhất...

o O o

Đất phương Tây. Đất của những tiểu chủ-điền có rào dậu bọc kín, đất gia đình. Đất của tự do cá nhân, trên đó mọi công dân được miễn trừ thuế đô thị. Nước Bỉ không có biên giới thiên nhiên. Giang sơn họ không có hàng rào. Các biên-giới của họ là công trình của ngoại giao chứ không phải của địa dư hay Tạo-hóa. Người ta có thể bảo rằng đó chỉ là một từ ngữ chính-trị đơn giản không ?

Emile Banning, đã viện dẫn ở đoạn trên, từng nói cũng trong cuốn sách nhỏ ấy : « Nước Bỉ không phải mới có từ năm 1830; do cội rễ, nó bắt nguồn từ những thế kỷ rất xa xưa. Cái tên Bỉ đã có từ khi chưa có người Anh, người Pháp, người Thổ, hay người Áo. »

Và mặt khác, *Henri Pirenne*, một đại sử-gia Bỉ, khi nói về thời khai-nguyên đến nền độc lập quốc gia, năm 1830, phát sinh ra quốc-gia mới, đã nêu lên: « Không phải là một tân quốc-gia xin gia nhập thế giới ấy là một nước cổ cừu, sau khi đã chịu các chế độ bắt buộc bởi các cuộc chinh phục hay ngoại giao, nay đòi lại nền độc lập mà nó đã để mất. »

Ở Bỉ không có hành động tập trung như ở Pháp và Anh bởi ngôn ngữ hay các vua chúa, và như ở Đức bởi sự cùng chung chủng tộc. Nhưng những dân *Flamands* và *Wallons* tuy khác nhau mà vẫn có chỗ cộng đồng ở một vài khía cạnh xã-hội, cùng một ý thức về văn minh đô thị, cùng đức tính liên-kết, cùng yêu tự do và đặc biệt yêu chuộng tự do đô thị. Từ thế kỷ 14, ở Âu châu người ta thường nói: « Tự do như ở nước Bỉ. »

Michelet đã nói về người *Liège* rằng họ là người tự do lâu đời nhất trên trái đất.

Cũng không nên xem thường ảnh hưởng của Giáo-hội. *Pirenne* nói: « Chính giáo-hội khi thành lập các khu mà không kể đến biên giới tiếng nói, không phân biệt người *Franc* và người *Gallo-Romain*, đã sửa soạn cho nhân dân các tỉnh của chúng ta vai trò trung gian giữa nền văn minh La-mã và nền văn minh Nhật-Nhĩ-Mãn.

o O o

Một quốc gia, nhưng... hai quốc tịch. Chính Henri Pirenne đã công nhận điều này trong một cuộc diễn-thuyết ở Liège năm 1905. Dưới sự cộng đồng văn minh đã biến Bỉ thành một thực-tại mạnh-mẽ, linh động và kiên cố còn có ý thức quốc gia Flamand và một ý thức quốc gia Wallon, nếu muốn không biết đến thì thực là ngây thơ. Và vì đâu có những ý thức quốc gia này? Trước hết, vì tình cách bất dịch của cái biên - giới tiếng nói nó cắt nước Bỉ ra làm đôi, đi từ Tây sang Đông từ miền nam Ypres đến miền bắc Visé và, trong thực tế, từ thế kỷ thứ năm đến nay không hề xê dịch. Cái biên giới đã được sử-gia Thiên Chúa giáo Godefroid Kurth nghiên cứu tỉ-mỉ ấy dính-dấp với cái gì? Một vài người nhìn thấy tại đây bìa rừng than ngày xưa, một vài người khác còn nhớ trước là đường phòng thủ La-Mã, người khác nữa nhận ra dấu vết một đường chiến-lược cũ. Thực sự, người ta không biết. Nhưng cái đường như đã được khắc sẵn, cố định từ bao nhiêu thế kỷ. Miền bắc tiếng Flamand. Những người nói tiếng Flamand dùng chữ Néerlandais (Hòa Lan) trong văn-chương. Miền nam tiếng Wallonie. Từ Tournai của người Franc đến các núi đồi Malmédy, từ Nivelles và từ miền Brabant gốc La-tinh cho đến bờ sông Meuse và tới Ardenne, tiếng Wallonie cũng có nhiều khác biệt như ngôn ngữ Flamand ở xứ

Flandre. Phía tây, ở Hainaut, thổ âm trại tiếng Rouchi và tiếng Picard; gần Virton, trại tiếng Lorrain, về phía Liège hay Verviers miền đông tiếng Wallon càng khác xa tiếng Pháp hơn nữa. Tại đây tiếng Wallon có hầu hết các đặc điểm của một quốc ngữ. Và lại tiếng Wallon không chuyển hóa từ tiếng Pháp nhưng cũng như tiếng Pháp — từ La-tinh mà ra. Tiếng Pháp và tiếng Wallon là anh em một nhà. Nhà ngữ-học Lithé mỗi khi cần tìm cội rễ một vài chữ cho tự-điền của mình lại phải nhờ đến tiếng Wallon.

Các nhà sử-học cho rằng sự kết tinh của tiếng nói nước Bỉ và các miền Bắc nước Pháp đã xảy ra vào khoảng 481 hay 482, khi Childéric qua đời. Ferdinand Lot viết : « Ngày ấy, tại miền Bắc xir Gaule, các đô thị Tournant, Cambrai, Théroouanne và hẳn là cả Vermand (Saint-Quentin) đều ở dưới quyền người Francs-saliens, cũng như miền Brabant và lưu vực sông Escaut, phục tòng ba hay bốn ông vua họ hàng với nhau. Nhưng nên chú ý rằng sự di-dân Franc đã chấm dứt. Trong các thành phố vừa kể không còn nơi nào dùng tiếng Franc, thổ-ngữ Đức miền dưới ngày nay. Các thành phố ấy vẫn còn dùng tiếng La-tinh nô-m-na, thuộc thứ thổ âm chuyển hóa từ La-tinh ngày sau sinh ra tiếng Wallon và Picard.

Biên-giới tiếng nói đi từ Liège, hay đúng hơn, từ một điểm giữa Visé và Maestrich và chạy theo chiều đông — tây

cho đến Bắc-Hải, một nơi phía hữu Calais, bỏ lại các tỉnh Liège, Nivelles, Renaix, Tournai, Ath, Aire, Lille cho các chuyển-hóa ngữ gốc La-Tinh. Những vị trí riêng của hai thổ-ngữ từ ngày ấy đến nay vẫn không di chuyển.

Tại một vài thị trấn như Renaix hay Enghien ngày nay, một dãy phố bên này nói tiếng Flamand và dãy phố bên kia nói tiếng Wallon...

o O o

Cải điều làm cho vấn đề thêm phiền phức là tại miền Bắc nước Bỉ, trước cả thời các quận-công De Bourgogne rất xa, vẫn luôn luôn có một số ít người nói tiếng Pháp rất giàu và thế lực. Tiếng Pháp đã từ lâu là thứ tiếng của người Flamand trí-thức. Sự kiện này đã đổi khác, nhưng ngay khi những quyền hạn của tiếng nói dân tộc, tiếng Flamand, được luật pháp thừa nhận, người ta lại dự kiến một cuộc phản ứng đáng lưu ý ở Gand hay Anvers nhằm bênh vực tiếng Pháp. Mặt khác, ngày nay còn có vấn đề Wallon, cũng như ngày trước có vấn đề Flamand. Nhưng nguyên lý của vấn đề thuộc nhân số hay kinh tế hơn là ngôn ngữ. Chính trong khuôn khổ quốc gia Bỉ mà đa số người Wallons và đa số người Flamands muốn giải quyết vấn đề đối chọi ảnh hưởng không thể chối cãi ở Bỉ.

Chỉ có một điều đáng kể: chính cái ý muốn sống chung, cái cảm giác từng chịu chung đau khổ đó đủ để lập nên quốc-gia (theo lối định nghĩa trừu tượng của Renan).

Về mặt này người ta có thể nghĩ rằng người Wal-lons và Flamands đều còn nhớ những năm 1914 và 1940. Nỗi thống khổ ở Louvain tương xứng với những gian-lao ở Dinant. Và, người dân thành Siége và người dân Anvers đều cùng một lòng căm cự dưới trận mưa bom VI, trong giờ mà uy thế của Hitler sụp đổ.



CHƯƠNG I

TỪ KHỞI THỦY TỚI THỜI ĐẾ-QUỐC CAROLINGIEN.

Nước Bỉ là một trong những cự cứ địa trên trái đất. Ở trong các bảo tàng viện về tiền sử thế giới đều thấy vị trí người xứ Furfooz, người xứ Spy, người xứ Spiennes, họ gọt dừa đá để làm khí giới hay dụng cụ. Những sự cấu tạo dưới lòng đất như hang Han mà nữ-sĩ George Sand đã cảm thán nhiệt thành là dấu hiệu những cuộc biến thể địa chất lớn lao.

Lịch sử nước Bỉ nằm trong lịch-sử các lãnh thổ cực kỳ rộng lớn hơn lãnh thổ Bỉ hiện thời. Danh từ nước Bỉ không luôn luôn chỉ định những miền nhất định nào. Dưới đế quốc La-Mã, danh từ ấy chỉ định xứ ở giữa sông.

Seine, sông Marne và hạ lưu sông Rhin, và biến đi hồi cuối thời đại La-Mã. Phải chờ đến thời kỳ Phục Hưng người ta mới nghe lại danh từ nước Bỉ vì những nhà cổ học làm cho nó hồi sinh và ghép vào những miền ở giữa Ardenne và Bắc-Hải. Vả lại, về thời đó, dân chúng thuộc những miền hiện là nước Bỉ ngày nay thích dùng các danh từ khác như Bourgogne, vùng Bourgogne. Người ta lại cũng gọi : Xứ Hạ (Pays-Bas) và Frandre, những tiếng này thành tên chính thức dưới cuộc đô hộ Tây-Ban Nha. Tuy nhiên lần lần danh từ : Bỉ, hay đúng hơn : quốc gia Bỉ, tỉnh Bỉ, trở thành thông dụng. Cuối thế kỷ XVIII danh từ này bước hẳn vào thuật-ngữ.

oOo

Sau năm mươi năm trước kỷ nguyên Thiên Chúa giáo mới xuất hiện những tài liệu đầu tiên nói về nước Bỉ. Đây là thời kỳ Jules César xâm chiếm nước Gaule,

Những bộ lạc sống trên đất Bỉ thuộc nguồn gốc phức tạp nhưng hợp thành một khối thuần nhất về ngôn ngữ, dùng tiếng nói của người Celtes. Trong mấy năm Jules César lần lượt đánh bại tất cả những bộ lạc Bỉ, chiếm toàn thể lãnh thổ mặc dầu có vài cuộc khởi nghĩa liền bị đàn áp nặng nề.

Tiếng La-tinh nhờ uy thế kẻ chiến thắng và ảnh hưởng các trường học họ lập ra thay dần tiếng nói của người Celtes.

Cuộc La-Mã hóa này quan trọng đến mức cuối thời kỳ đế-quốc nước Bỉ chỉ có một tiếng nói duy nhất : tiếng La-tinh.

Cuộc La-Mã-hóa này nổi bật ở miền nam trong nước, miền giàu có và đông dân cư ; trong khi miền bắc là miền toàn chuôm và đầm lầy hầu như hoang vu.

Mãi tới thế kỷ thứ III nước Bỉ hoàn toàn yên ổn. Đó là thời kỳ cực thịnh. Nhưng qua lúc ấy lại bắt đầu một loạt các cuộc chiến-tranh và xâm lăng. Các sự kiện này đã giải thích phần nào sự xuất hiện một trong những tính cách tối yếu về nước Bỉ hiện tại : ranh giới của ngôn ngữ giữa Wallons và Flamands.

Những nguyên nhân các cuộc xâm lăng đã tràn ngập nước Bỉ rất phức tạp. Trước hết là sự suy yếu của đế quốc La-Mã bởi chiến tranh xảy ra giữa những người tranh ngôi vua và cũng lại do sự biến đổi về kinh tế của xứ Hạ Đế quốc. Sau đó là sự xuất hiện những liên-bang của dân Đức.

Những bộ lạc bên kia sông Rhin không còn sống biệt

lập nữa mà lần lần tụ-hợp thành những tập-đoàn rộng lớn. Người Francs ở phía bắc tỉnh Mein, người Alamans ở miền nam. Người Germans lúc đó cũng không còn du-mục. Sự tăng gia quan trọng về nhân số bắt buộc họ phải cày cấy, càng ngày họ càng cần có nhiều đất hơn.

Hai cuộc xâm lăng đầu tiên giữa thế kỷ thứ III không có kết quả quyết định. Người La-Mã đẩy lui được họ.

Cuộc xâm lăng thứ ba năm 275 mạnh hơn. Đất nước bị phá phách, người La-Mã mất hẳn phía bắc, tuy người Francs không chiếm đóng ngay.

Người La-Mã đứng vững trên giải đất chiều ngang nối từ nước Anh đến nước Đức: con đường từ Boulogne đến Cologne qua Bavay, kinh đô cũ nước Gaule-Belgique.

Con đường này có tính cách chiến-lược và thương mại, được bảo vệ bằng nhiều phòng-ngự-tuyến: không những bằng các đô thị kiên cố (như Tondres chẳng hạn) nhưng cả bằng những thành lũy nhỏ có hào hố và bằng các đồn quân.

Những bộ đội gốc người Đức dưới quyền chỉ huy của các tướng La-Mã được dùng vào việc bảo vệ. Những bộ đội này và một số đoàn người xâm-lăng, bị dẹp mau



chóng, là những người gốc Đức đã đơn độc xâm nhập phía nam con đường Boulogne-Cologne. Nhưng phía bắc đường này cuộc chiếm đóng của quân Franks đã tỏ chức được.

Giữa thế kỷ thứ IV, cả miền Taxandrie (Campine hiện tại) thuộc về các bộ lạc Đức, họ còn tiến cả đến các thung lũng sông Lys và Escaut. Tuy nhiên đến năm 358 hoàng-đế Julien đã chặn đứng được các đoàn này và ký kết với họ một thỏa hiệp theo đó họ sẽ là đồng minh của người La-Mã chiến đấu chung đồng thời vẫn giữ những thể chế riêng của họ.

Song đế-quốc La-Mã càng ngày càng suy nhược thêm. Ngay đầu thế kỷ thứ V những toán lính Đức phải gọi về Ý để chiến đấu chống người Goths. Từ đó người Franks, từ phía đông tới, vượt qua sông Rhin không gặp một cản trở nào.

Vào khoảng 450, sự xâm lăng của người Franks mang một tinh cách mới. Từ trước đến nay chỉ là những phong trào dân chúng đi tìm đất để canh tác, nhưng đến năm 450 người Franks dưới sự hướng dẫn của tướng Clodion quyết mưu đồ một cuộc xâm lăng hẳn hoi, vượt con đường Boulogne-Cologne, tới sông Somme. Cuộc chiếm cứ đó không đưa đến sự đoạn tuyệt với người La-

Mã. Vẫn còn nhiều lần người Francs chiến đấu cạnh người La-Mã chống người Visigoths hay chống người Saxons. Họ còn giữ tinh cách đồng minh với người La-Mã dưới thời các người kế vị Clodion là Mérovée và Childéric. Mérovée giúp tướng La-Mã thắng Attila trong trận Champs Catalauniques.

Việc xâm lăng của người Francs kết thúc vào năm 481 dưới thời Clovis, con kế vị Childéric. Lần này người Francs không còn tinh cách đồng minh nữa. Trong trận Soissons, Clovis chiếm các lãnh thổ La-Mã đến sông Loire, rồi sau khi chiến thắng người Visigoths mở rộng bờ cõi của mình tới núi Pyrénées. Thế là sự thống nhất nước Gaule dưới một lãnh tụ độc nhất được thực hiện vào những năm đầu thế kỷ thứ VI.

Nhưng trong gần năm thế kỷ, miền nam nước Bỉ ở phía nam con đường chiến lược Boulogne-Cologne còn chịu ảnh-hưởng La-Mã. Trái lại miền bắc trong nước ít bị La-Mã-hóa nên thoát khỏi hoàn toàn ảnh hưởng này từ năm 275.

Dưới thời Clovis, xuất hiện ở Bỉ một nền văn-minh mới cấu kết bởi văn-minh La-Mã và văn minh của người Francs.

Nhiều lý do đã làm cho sự cấu kết tiến hành dễ dàng.

Trước hết toàn thể lãnh thổ đặt dưới quyền một lãnh tụ duy nhất. Kế đó người Francs cải giáo theo đạo Cơ-Đốc một tôn-giáo đã quen thuộc với người Gallo-Romains từ hai thế-kỷ. Sau hết, người Francs và người Galo-Romains có những tổ-chức xã-hội rất giống nhau, đặt nền tảng trên chế độ kinh-tế nông thôn với tính cách quí tộc : nhiều vùng đất rộng lớn thuộc quyền sở-hữu những trại chủ giàu có và là những người duy nhất hưởng tự do. Dưới họ là nô lệ bị ràng buộc chặt chẽ với họ và đám người thừa canh. Tuy nhiên sự cấu kết ấy đưa đến thoái-hóa sâu xa cho nền văn-minh bởi ảnh-hưởng người Francs trội hơn ảnh hưởng La-Mã. Về phương-diện chính-trị chế độ của người Francs khác hẳn chế độ của người La-Mã. Ý niệm của quốc gia không còn, vì hoàng-đế của người Francs không tự coi như đệ nhất công-bộc của quốc-gia, mà lại cai quản quốc gia như thuộc quyền sở-hữu của riêng mình, khi chết đem nước chia cho các người nối dõi. Quan niệm khác biệt này đã làm thất bại các cố gắng của các vua Mérovingiens để duy trì tổ chức đối-hợp trong nền hành-chánh La-Mã : hành-chánh địa-phương phụ thuộc hành-chánh trung-ương.

Thực vậy, trong vương-quốc của vua chúa Mérovingiens, hành-chánh địa-phương đều giao phó cho những bá-tước được ủy nhiệm quyền hành lớn như quyền hành của

nhà vua. Các vua Mérovingiens cũng muốn duy-tri thuế trực thu trước kia dùng vào những việc công cộng dưới thời đế-quốc La-Mã nhưng từ đây sẽ thu thẳng vào kho tàng nhà vua.

Luật La-Mã cũng biến mất và được thay thế bằng luật của rợ Francs-saliens (bộ luật này chú trọng về hình nhiều hơn họ trong đó có điều khoản cất quyền thừa hưởng đất cát của đàn bà). Luật này được các hội-đồng những người tự-do họp thành phụ-thẩm đoàn đem áp dụng. Vì phụ-thẩm đoàn xét xử tất cả các việc, nên không thể duy trì luật La-Mã : luật La-Mã phân biệt những vụ ít quan trọng về các vụ kiện dân-sự và đại-hình, hai loại này được giao cho các pháp-quyền khác nhau. Luật La-Mã triệt để biến mất : đến thế kỷ thứ IX người ta không còn tìm thấy vết tích gì nữa. Luật Francs-saliens chỉ là một biểu kê điều-giải để cho các thẩm-phán giải đáp về nhiều trường hợp một cách khác nhau, tùy từng miền. Cho nên luật này đã phát sinh nhanh chóng một số nhiều tục-lệ được bảo tồn suốt trong thời đại Trung-Cổ.

Trái lại, về phương diện tôn-giáo ảnh-hưởng La-Mã trội hơn. Cơ-Đốc giáo xuất hiện ở nước Bỉ vào cuối thế kỷ thứ hai và đến thế kỷ thứ tư, đã trở thành quốc-giáo. Những cuộc xâm lăng không tàn phá hẳn các cơ sở của chủ-giáo-đoàn. Các giáo-khu ở Tongres và Cambrai vẫn

còn, nhưng dù sao sự thần phục cũng không vượt được biên-giới ngôn ngữ miền bắc.

Những giáo-sĩ Ái-Nhĩ-Lan được các vua Mérovingiens và các nhà quý phái nâng đỡ, truyền đạo tại miền nam.

Miền bắc mãi đến giữa thế kỷ thứ VII mới được những thầy tu xứ Aquitaine truyền đạo. Dần dần các giáo-khu lan rộng trong phạm vi các miền hành-chánh cũ của La-Mã trước kia là địa hạt của bộ-lạc người Celtes. Đến thế kỷ thứ IX thì tôn-giáo thống nhất.

oOo

Dưới thời các vua kế vị Clovis, lãnh-thổ của người Francs bị chia ra hai phần lớn : Austrasie ở phía đông sông Escaut và sông Haute-Meuse, và Neustrie. Nhân cơ hội này, lịch sử các con cháu dòng Clovis, suốt trong hai thế kỷ, chỉ là những cuộc tranh chấp đẫm máu giữa những người muốn dành ngôi báu. Các vua cuối đời Mérovingiens để quyền hành cho những bộ-trưởng trong cung là những người phụ trách cai trị trong nước. Một trong những người này, Pépin le Bref con của Charles Martel, người đã chiến thắng quân Á-Rập, chiếm quyền năm 751 và lập ra triều vua Carolingien.

Trong hai thế kỷ ấy nền văn minh thoái bộ hẳn ở

Bỉ, hơn nữa, từ thời Clovis, kinh đô trong nước đã dời đến thung lũng sông Seine. Nước Bỉ thành một vùng ngoại ô. Đó là vùng tiếp - giới miền bắc trong nước.

Nhưng dưới triều vua mới, tình hình thay đổi hẳn nhờ vị đại diện chính : Charlemagne. Do những cuộc chiến thắng trọng đại, Charlemagne mở rộng đế quốc tới sông Elbe. Nước Bỉ trở thành trung tâm của đế-quốc và không dễ mất ưu thế nữa, nhờ đó Bỉ tham gia vào các biến cố chánh trị, kinh-tế, tôn-giáo ở Âu-châu. Vốn nguyên quán ở vùng này và có nhiều đất đai quan trọng trong đó, Charlemagne đặc biệt chú ý đến nước Bỉ.

Nhờ nhà vua thường di chuyển triều đình đến Aix-la-Chapelle nên quê hương Charlemagne thành một trung tâm văn hóa thịnh vượng. Số tu viện tăng lên gấp bội, có những thư viện phong phú. Trường học được thiết lập để dạy những người mới đi tu. Các nhà bác học từ các nơi trong đế-quốc vội vã đổ xô về đây.

Nền hành chánh được cải thiện mạnh mẽ và đem lại cho đế-quốc những tinh cách của một quốc-gia. Luật pháp của Charlemagne, những pháp-lệnh-tập liên hệ đến mọi lãnh vực đời tư và đời công được thi hành bởi các công chức do hoàng-đế bổ dụng và đặt tại các tỉnh. Nhiều đặc phái viên thường đi kiểm soát khắp nơi. Hội

đồng các người tự do xử án trong nước dưới thời Mérovingiens được thay thế bằng thẩm - phán thị - xã chọn trong các thân hào.

Mặc dầu có sự chống đối của các bộ lạc bán dã - man Saxon và Frison hùng cứ trên bờ Bắc-hải, các cơ - chế của đế quốc ở đâu cũng được tôn trọng.

Nền canh nông, thương mại và kỹ nghệ rất thịnh vượng.

Vị trí nước Bỉ ở giữa đế quốc và những nhu cầu của triều đình ở Aix-la-Chapelle đem lại tiến bộ lớn lao cho đời sống vật chất và tinh thần,

oOo

Charlemagne (Carolus Magnus) sanh ngày 2-4-742 tại xứ Liège là con thứ hai của Pépin le Bref, vua người Franks, và của Bertrada, con gái Charibert, bá tước ở Laon.

Những tên Pépin de Landen, Pépin de Herstal v.v... chứng tỏ những giây liên lạc của nước quân chủ người Franks, gốc ở Tournai với nước Bỉ Wallonne. Tuy nhiên không có gì bấp bênh bằng nguồn gốc Charlemagne ở Liège.

Nhưng « đại hoàng đế Charlemagne » vẫn là một nhân vật rất được lòng dân Liège. Ông đã được nhắc nhở

trong các truyện truyền kỳ và trong ca-dao cũng như trong các ca khúc của Pháp. Tượng của Charlemagne, một bức tượng cỡi ngựa rất đẹp được dựng ngay tại công viên đẹp nhất Liège, ngang với tượng ở sân giáo đường Notre Dame. Vị bá chủ Âu-châu cầm trong tay trái quả địa cầu trên có chữ thập. Cánh tay phải chia thẳng về chân trời bàn tay mở rộng, lòng tay ngửa lên trời. Thờ dân thường nói bằng tiếng Wallon rằng : « Charlemagne trông lên để xem có mưa không ».

Trong các tuồng múa rối ở khu Outre-Meuse, nơi sinh-trưởng của Gretry, vai tuồng hay nhất, đẹp nhất là vai Charlemagne, vượt hẳn vai của các nhân vật khác như : Roland, Tristan de Léonois, Amadis de Gaule và Ogier le Danois...

Cổ nhiên dân chúng biết rằng Charlemagne là bá chủ châu-Âu, rằng Haroun al Raschid, quốc vương hùng cường ở Bagdad đã viết cho ông rất giản dị : « Charlemagne Châu Âu... » và dâng các tặng vật quý báu còn được giữ tại Thư-viện Quốc-gia Ba-Lê, bên cạnh văn phòng Charlemagne.

Trên các tranh ảnh cổ truyền người ta thấy hoàng đế thăm viếng những trường học mới lập, thảo luận với các nhà thần học hoặc nhà văn phạm, với Alcuin,

Angilbert hay Eginhard, người viết ký sự trung thành của ông. Ông này đã miêu tả Charlemagne như một nhân vật to lớn cao bảy bộ, mắt to và sáng, mũi dài, tiếng nói nhẹ nhưng rõ ràng. Đời sống thanh đạm, bắn giỏi, bơi tài, Charlemagne có nhiều vợ bé và con ngoại hôn. Charlemagne là một người sùng đạo rộng lượng, rất tốt đối với các con. Chính ông có lẽ cũng là con ngoại hôn. Được đức Giáo-Hoàng Etienne II xức dầu thánh năm 754 ở Saint-Denis cùng lúc thân phụ ông lên ngôi, Charlemagne được công nhận ở Corbény năm 771 là vua duy nhất của người Francs sau khi anh ông, Corloman, từ trần. Charlemagne mở rộng thêm đất nước về phía nước Ý, nước Đức và Tây-Ban-Nha.

Năm 795 Giáo-hoàng Léon III gửi cho ông những chìa khóa của giáo-đường Saint-Pierre và tấn phong ông làm Hoàng-đế vào lễ Giáng-Sinh năm 800.

Charlemagne chết năm 814 tại Aix-la-Chapelle, chôn tại nhà thờ Sainte-Marie. Người ta kể chuyện rằng khi mở mồ ông ra lần thứ nhất thì thấy ông ngồi trên ngai toàn bằng vàng, tay trái cầm quả cầu bằng pha-lê, mắt ông là những viên hồng ngọc rất quý giá.

Hoàng-đế là một nhà chiến-lược dở nhưng là một nhà cai-trị tài giỏi. Ông đặt ra hệ-thống đo lường, canh tân

tiền tệ, dự tính đào một con kênh từ sông Rhin đến sông Danube, sửa lại Thánh-thư và mở những trường học đầu tiên.

Hoàng-đế là người xây dựng đế-quốc đầu tiên có tài, kể từ thời người La-Mã suy vong đến bây giờ.

Ông là người của nước Pháp cũng như nước Bỉ, nước Đức, và nước Ý. Charlemagne là một vị đại-đế của Tây-Phương. Người Bỉ cảm động khi nghĩ rằng ông có thể là người sinh-trưởng nơi quê họ, trên bờ sông Meuse. Cầu mong cho lịch-sử, không nhất thiết phải là «một khoa-học theo sự phỏng đoán» mà trái lại, cần những minh xác về ngày tháng và địa hình, hãy để cho người Bỉ ảo tưởng này!



CHƯƠNG II

THỜI KỲ PHONG KIẾN

Đế quốc Carolingien tập hợp những dân tộc khác nhau chỉ tồn tại được nhờ sức mạnh cá nhân của Charlemagne. Mặc dầu có sự ủng hộ của giáo-hội, một yếu tố dễ thống nhất không gì so sánh được, đế - quốc này cũng không được lâu dài. Ngay khi Louis tức Le Pieux hay le Débonnaire kế vị Charlemagne, đế quốc đã suy yếu một cách nguy hiểm vì sự tấn công của người Normands, một dân tộc miền Bắc Âu có tổ chức chu đáo, đã liên miên đánh cướp lãnh - thổ, phá hoại tận cội rễ nền văn minh phong phú Carolingien vào thế kỷ thứ IX và đầu thế kỷ thứ X.

Uy thế của người Normands buộc các vị hoàng đế

cuối cùng triều Carolingien phải bỏ cho họ xứ Waal và Frise. Chiếm được các căn cứ này người Normands liền tiến sâu vào nội địa tới sông Somme.

Vua nước Pháp mua chuộc sự rút lui của họ, và họ rút về Brabant, tại đây họ bị Arnulf de Carinthie đánh thua năm 891 ở Louvain. Đầu thế kỷ thứ X họ đóng quân ở miền Normandie ngày nay, và, từ đó tiến sang Anh.

Những cuộc xâm lăng của người Normandie có ảnh hưởng chính trị lớn lao trên các miền thuộc Bỉ. Vì chính quyền trung ương khiếm khuyết nên bọn quý phái địa-phương phải tổ chức bảo vệ lãnh thổ. Các bá tước từ địa vị công chức của hoàng triều, chiếm đoạt quyền vua và trở thành những lãnh chúa độc-lập. Hơn nữa, các tu viện bị phá hủy, các nhà tu hành thì biến mất nên họ có cơ hội chiếm cứ các đất đai rộng lớn của nhà chung. Sau hết, những người tự do, tiểu nghiệp chủ muốn được che chở khỏi bị ngoại bang xâm lăng, đã nhường tài sản cho các lãnh chúa và trở thành chư hầu hay người nộp thuế cho họ.

Vì vậy, ở Bỉ cũng như các nước khác bên Âu-châu đã phát sinh ra chế độ phong kiến, chia cắt lãnh thổ thành một loạt các địa hạt lớn cai trị bởi các lãnh chúa hùng mạnh. Các lãnh chúa đã tranh đấu trong nhiều thế-kỷ để

giữ vững nền độc-lập của họ đối với các vương-quốc Pháp và Đức mà theo lẽ họ phải lệ-thuộc sau cuộc qua-phân đế-quốc Charlemagne.

oOo

Nhưng hãy trở lại thời kế tiếp Charlemagne, trở về dĩ vãng trong chốc lát.

Sau khi Louis le Pieux băng hà, người con lớn của ông là Lothaire đòi một mình làm chủ đế quốc. Hai người em là Louis và Charles họp nhau chống lại, thắng Lothaire và chia đế-quốc ra làm ba theo hòa-ước Verdun năm 843, Lothaire hưởng phần giữa, vùng phong-phú nhất nhưng cũng tản mác nhất. Phần lớn đất Bỉ ngày nay nằm trong đó. Đất phía tây sông Escaut giao cho Pháp.

Khi Lothaire qua đời, lại đến lượt ba người con ông chia nhau vương-quốc. Lothaire II được phần đất từ Jura đến Bắc-Hải. Vì thiếu một danh từ có thể áp dụng cho miền kỳ dị này gồm nhiều dân-tộc khác nhau : Frisons, Wallons, Alamans, nên mới lấy tên vua mà đặt là Lotharingie.

Charles le Chauve, chú của Lothaire II tìm cách chiếm đoạt đất này sau khi cháu chết. Ông vấp phải sự chống

đối của Louis le Germanique, và vì sợ xung đột nên kết cuộc hai bên đã thỏa thuận chia xẻ Lotharingie vào năm 870.

Ranh-giới theo sông Ourthe và sông Meuse chia cho Charles phần lớn lãnh thổ nước Bỉ. Sau khi Louis chết, Charles lại nghĩ đến xâm chiếm đất của Louis. Bị thua Louis III d'Allemagne ở Andernach, dự định của Charles thất bại. Louis III may mắn hơn nên năm 879 đã sáp nhập được xứ Lotharingie vào đất Đức mà biên giới lan tới sông Escaut.

Đế-quốc Carolingien tái lập ngắn-ngủi dưới thời Charles le Gros không ảnh hưởng đến việc chia cắt nói trên. Từ đấy, thành lập trên đất Bỉ hai hầu-quốc lớn : Flandre và Lotharingie. Hai hầu-quốc này chịu hai số phận tương phản : Flandre tùy thuộc các vua nước Pháp lúc đó suy yếu nên chóng hùng cường, còn Lotharingie vấp phải vương-triều Đức mạnh-mẽ nên bị kiềm-chế lâu dài trong vòng bảo-hộ. Nhưng về sau, uy thế triều Capétien tăng gia làm cho nền độc lập của xứ Flandre lung lay nghiêm trọng, trong lúc đó nước Đức suy yếu trả quyền tự trị gần hoàn toàn cho các thái-ấp thuộc Lotharingie.

oOo

Các lãnh chúa Lotharingie đã biết lợi dụng khôn khéo sự suy nhược của các vua Carolingiens cuối cùng, nhất là Lothaire II, để tăng cường uy-thế của mình lên rất nhiều. Để gìn giữ uy thế đó họ nâng đỡ Hugues con hoang của Lothaire, người muốn duy trì vương quốc Lotharingie giữa Pháp và Đức như một hàng rào. Họ không công nhận sự phân chia năm 870 và sự sáp nhập của Louis III. Nhưng Hugues thất bại, phải quý tộc phải phục tòng và công nhận Arnulf de Carinthie làm vua.

Aruulf tự tổ chức vương-quốc Lotharingie năm 895 để nhường cho Zwentibold, người con hoang của ông. Ông vua ngoại quốc này đã làm bùng nổ sự chống đối của giới quý-phái hiếu động địa phương do Régnier au Long Col lãnh đạo.

Là con của bá tước Gislebert, người đã cướp con gái vua Lothaire rồi sau lấy làm vợ, Régnier thành có họ với các vua Carolingiens. Ông liên kết với vua nước Pháp, Charles le Simple, chính sách này các người kế vị ông cũng phải theo đuổi, trong cuộc đấu tranh với nước Đức Zwentibold thua. Régnier cầm quyền gần như một ông vua trên đất Lotharingie, từ khước không nhận Conrad de Franconie là vua nước Đức và tuyên thệ với Charles le Simple. Con ông là Gislebert còn thơ ấu lên nối nghiệp ông không chút khó khăn.

Gislebert cố gắng duy trì vương quyền. Vì thế ông bị bắt buộc phải theo chính sách dung hòa giữa Pháp và Đức ; Pháp đòi thi hành bá quyền theo lời tuyên thệ của Rénier và Đức muốn đòi lại lãnh thổ mà họ coi như của họ. Sự hùng cường càng ngày càng tăng của vương quốc Saxon khiến cho Lotharingie phải qui phục vào năm 925. Được giữ lại để cầm đầu vương-quốc với danh-vị công-tước, Gislebert lợi dụng tình-trạng loạn-lạc ở Đức nổi lên bạo động. Ông xin nước Pháp giúp một lần nữa. Nhưng ông bị Othon Ier đánh thua, và Lotharingie từ đó bị sáp nhập hẳn vào đất Đức.

Để củng cố quyền thống trị trên xứ này Othon Ier và các người kế vị lo phòng-thủ biên giới miền Tây chống các hầu-quốc hùng mạnh ở Flandre. Đồng thời, họ tìm cách bắt giới quý tộc địa phương phải phục tòng. Othon Ier chọn công tước cầm đầu xứ ngay trong gia đình mình : em ông, Brunon, tổng giám mục Cologne. Ông này có hai người phụ tá giúp việc chỉ huy quân sự cũng được ban danh-vị công-tước. Một người trông coi miền Basse Lotharingie (địa-phận tòa giám-mục Cologne) một người miền Haute Lotharingie (địa-phận tòa giám-mục Trêves).

Với Brunon khởi đầu chế độ « Giáo-hội đế quốc » mục đích bành-trướng quyền-thế của các giám mục để đánh bại phái quý tộc : đế-quốc ban cho các giám-mục đất đai

riêng tại đó họ có quyền như những bá-tước, ban cho họ các tu viện, nhượng họ các quyền săn bắn.

Việc bổ-nhiệm các giám-mục thuộc về hoàng-đế. Othon Ier còn muốn xóa bỏ quyền hành của các công-tước để sáp nhập hoàn-toàn xứ Lotharingie.

Brunon không được thay thế. Othon Ier thử để các giám-mục cai trị lãnh thổ dưới quyền trực tiếp của ông ta. Công tước ở Basse-Lotharingie khuyết cũng không được thay.

Nhưng phái quý-tộc Lotharingie mạnh thế và theo gương Pháp, chọn một thái độ độc lập. Họ không tranh đấu chống hoàng-đế vì thống nhất quốc-gia-hắn không dễ gì tìm được sự thống nhất trong một xứ gồm quá nhiều chủng tộc khác nhau như xứ này họ tranh đấu để duy trì các đặc quyền của họ.

Ngay dưới thời Brunon, Régnier III đã khởi nghĩa, Bị thua và phải đi đày, Régnier III chết ở Bohème, nhưng các con ông : Régnier và Lambert ẩn náu ở Pháp liền trở về nước khi Othon đệ nhất chết. Người kế vị Othon đệ nhất là Othon II phải nhượng bộ trước sự đòi hỏi của Réguier và Lambert, nhượng cho họ các thái-ấp Brabant và Hainaut. Việc quan trọng hơn là ông phải tái lập chức công tước ở Basse Lotharingie cho Charles, em vua nước

Pháp. Lambert de Louvain, nhờ lấy con gái Charles, được thừa hưởng đất đai, lại muốn được phong tước công nữa. Hoàng đế Henri II từ chối, nhưng e sợ thế lực phong kiến không dám hủy bỏ chức vị ấy, cũng không dám phong cho một ông hoàng người Đức. Hoàng-đế chọn gia đình Verdun mà hoàng đế tin tưởng là trung thành. Godefroid de Verdun được phong công tước. Thế nhưng mưu toan mới này của nhà vua bị thất bại. Gia đình Verdun thuộc dòng Lotharingien và phong kiến. Quyền lợi của họ dĩ nhiên tương phản quyền lợi của hoàng đế. Hơn nữa gia đình này không đủ thế lực chống chọi với các gia đình thù nghịch như : Hainaut, Louvain, Namur, Looz và Luxembourg.

Tuy nhiên sự liên kết của các bá tước này bị Godefroid làm tan rã bằng cách nhượng bộ họ : kết thân về gia đình, nhượng đất trong vương quốc. Do đó, chính sách của hoàng - gia trở thành ảo tưởng. Gia đình Verdun từ đây theo đuổi một chính sách riêng. Uy quyền và ngay cả tước công cũng biến mất.

Sau những cải cách về tôn giáo của Gérard de Brogne và de Cluny, đế - quốc bị mất chỗ dựa cuối cùng : Giáo hội. Từ trước đến nay giáo hội đã ủng hộ nhà vua một cách trang thành trong hơn một thế kỷ. Sự cải cách của

cả hai đều bênh vực quyền giáo chức cho là trên quyền hoàng-gia trong việc bổ nhiệm các giám - mục. Ý kiến này thắng thế trong suốt thế kỷ XI. Trên nguyên tắc sự bổ nhiệm các giám mục giao cho các tư giáo phụ tá giám mục các giáo - khu, mà trên thực - tế lại do phái quý - tộc. Như vậy giáo hội phong - kiến đã thay chân giáo-hội đế quốc.

Đến thế kỷ XII quyền của hoàng - đế trên lãnh thổ Lotharingie chỉ còn dựa trên một hình thức đơn sơ : lời tuyên thệ của các công tước và bá tước trong nước. Sau ba thế kỷ đấu tranh Lotharingie phân chia ra thành những tiểu bang phong kiến đã tách rời khỏi nước Đức.

o O o

Địa hạt miền tây sông Escaut tức là xứ Flandre sáp nhập vào nước Pháp bởi hòa ước Verdun, thời ấy đã có một phái quý tộc mà lời truyền tụng cho rằng đã xuất hiện từ thời Charlemagne. Vị thủ lãnh quý tộc đầu tiên trở thành bá-tước xứ Flandre là Baudouin Bras de Fer, kẻ thù may mắn của người Normands. Cũng như ở Lotharingie, việc cướp công chúa chính dòng hoàng-tộc liên-kết triều-đại địa-phương vào dòng Carolingien. Baudouin bắt Judith con gái Charles le Chauve và lấy làm vợ.

Sau một thời gian chống đối khá lâu và bị Baudouin dọa liên minh với người Normands, Charles rốt cuộc phải nhận Baudouin làm rể.

Đến cuối thế kỷ thứ X, Baudouin truyền cho con là Baudouin II những đất rộng lớn lan đến vùng Lille.

Baudouin II tự hào với dòng dõi Carolingien, thừa cơ hội chiến tranh giữa Charles le Simple và công tước Eudes đã can thiệp vào nội bộ nước Pháp và hành-trương lãnh-thổ về phía nam xâm lấn vào đất Thérrouanne và Boulonnais. Bờ biển Bắc-Hải thuộc về Baudouin II từ Zwyn tới La Somme. Như vậy lãnh-thổ của Baudouin gồm có dân-tộc Đức và La-tinh. Danh từ Flamand áp dụng cho tất cả dân chúng, nó chỉ một công dân ở hầu-quốc Flandre.

Arnulf le Vieux kế vị Baudouin II mở rộng quyền hành tới Artois và đạt tới Canche. Tới đó, cuộc hành-trương lãnh thổ về phía nam bị công-tước De Normandie chặn đứng, Arnulf không thể vượt nổi. Arnulf áp dụng trong xứ lối cải cách của Gérard de Brogne để tước thế-quyền của giáo đoàn: ông tuyên bố thay mặt cho tất cả các tu-viện. Như vậy vai trò các giám-mục ở Flandre không giống như vai trò các đồng nghiệp ở Lotharingie. Trái lại, họ gây ảnh hưởng sâu xa cho nền văn minh của

thời đại. Tournai trở thành một trung-tâm mỹ-thuật phồn thịnh. Nhà thờ Notre Dame là một trong những siêu-phẩm kiến-trúc La-Mã. Cả một học-phái về điêu khắc và làm nhà mồ đã phát-triển dưới bóng nhà thờ ấy. Người ta có thể nhận thấy trong một ít kiểu kiến-trúc của họ nghệ thuật kích-động của Roger de la Pasture (tức Van der Weyden) thuộc dòng các nhà hội họa trứ danh, sau hết nghệ thuật làm đồ bạc và dệt thảm đã nảy nở rất mạnh ở tỉnh Tournai.

Bị ngăn cản về phía nam, các bá-tước ở Flandre xoay ra hoạt động về phía đông. Họ xâm chiếm mấy hòn đảo Tây-Lan (Zélande) Quốc gia Tứ nghệ (pays des Quatre métiers) ở phía nam cửa sông Escaut, và thừa cơ hội bất hòa giữa hoàng đế Đức và người Lotharingie chiếm xứ Alost. Năm 1056, Baudouin V được hoàng đế tấn phong cho các đất chiếm được này hợp thành xứ Flandre Impériale bên cạnh xứ Flandre Royale thuộc Pháp.

Như vậy, vào giữa thế-kỷ thứ XI xứ Flandre tỏ ra một cường quốc rất mạnh trên lãnh vực chính trị tuy không thống nhất về ngôn ngữ và chủng tộc. Flandre phát triển điều hòa, không phải đấu tranh với một lãnh chúa hay một giáo đoàn thế lực nào cả. Nền thương mại trong nước phục hồi và bá tước giúp đỡ sự thành lập các đô thị từ lúc sơ khởi.

Uy thế của Baudouin V đã đưa lại cho ông quyền bảo

hộ vua nước Pháp: Philippe I. Trong thời bảo hộ này, ông để cho Guillaume le Bâtard, công tước Normandie đã được ông gả con gái cho, xâm chiếm nước Anh, ông lo-là với quyền lợi của triều đình Capétien như vậy nên sự kiện này sẽ đem lại nhiều hậu quả. Nhưng, cũng nhờ cuộc hôn nhân này những mối bang giao chặt-chẽ được thiết-lập với nước Anh để thêm vào những liên-lạc đã có với nước Pháp và nước Đức.

Baudouin VI con Baudouin V kết hôn với Richilde nữ bá tước Hainaut. Xứ Flandre hình như được chỉ định để thu hút xứ Lotharingie, nhưng Baudouin VI chết chỉ để lại hai người con vị thành niên. Nhân dịp này, miền Flandre duyên hải ở phía bắc lãnh thổ là nơi giao thông khó khăn, dân cư gồm những phần tử người Frise còn giữ cá-tánh Nhật-Nhĩ-Man và đã chống lại những toan tính thiết lập uy quyền và nền cai trị của bá-tước trên đất này, họ nổi dậy dưới sự chỉ huy của Robert le Frison em Baudouin VI. Robert thắng. Cháu ông chỉ còn giữ được Hainaut, Robert được công nhận là Bá tước ở Flandre.

Robert le Frison đã làm cho triều đại Flandre sáng chói. Ông thiên đô đến Bruges, đem cho xứ Flandre cục diện một quốc gia duyên hải. Để đề phòng sự hùng cường ngày càng lớn lên của nước Anh, ông tìm cách kết liên với Đan-Mạch. Mặt khác, ông giao thiệp mật thiết với

đức Giáo hoàng nên đã nắm được giáo đoàn ở Flandre. Cuộc hành hương đến Jérusalem trước cuộc viễn chinh đầu tiên của Thập-tự quân đã làm cho cái tên Robert le Frison rạng rỡ phi thường.

Con ông, Robert II xứng đáng là con dòng cháu giống. Sau khi theo đoàn Thập-tự quân trở về, Robert II xâm lăng xứ Cambrésis, muốn làm bá chủ tất cả lưu vực sông Escaut. Các vua Đức không chống nổi sức mạnh của ông ta.

Để chống lại nước Anh, ông bỏ không liên kết với Đan-Mạch nữa, và người con ông cũng vậy, ông gần gũi thân thiện với nước Pháp cốt để thắng kẻ thù chung ở Normandie. Điều này không ngăn cản ông ký hòa ước với nước Anh hai lần, khi quyền lợi của ông bảo ông nên có thái độ này.

Con ông, Baudouin VII là người cuối cùng dòng dõi trực hệ của Baudouin Bras de Fer. Sau Boudouin VII hầu-quốc sang tay người anh em họ là Charles le Bon, năm 1119.

Thời kỳ bành trướng xứ Flandre đã chấm dứt. Từ đây trở đi, Flandre vấp phải một nước quân chủ hùng

cường ở phía nam họ muốn đưa xứ Flandre lại vào vòng
đô hộ. Ở phía đông nhiều gia tộc phong kiến vững chắc :
Hainaut, Brabant, Hòa-Lan, ngăn cản mọi cuộc xâm
ấn mới.

Nhưng vào đầu thế kỷ thứ XII xứ Flandre cũng như
các xứ phong kiến ở Lotharingie ra mặt là một thực thể
riêng biệt.



CHƯƠNG III

NHỮNG THỊ XÃ

Vào thế kỷ thứ XII một lực lượng chính trị xuất hiện ở Bỉ bên cạnh Hoàng-Gia và Giáo-hội : các thành phố. Sự quan trọng của các thành phố tỏ điểm cho lịch sử xứ này một trạng thái đặc biệt mà Pirenne, hơn ai hết, đã làm nổi bật. Dù các thành phố không được độc lập như những thành phố ở Lombardie hay ở Đức, dù quyền hành hoàng - triều vẫn đặt trên đó, nhưng các thành phố này cũng đã khá hùng cường để giao dịch với hoàng-triều một cách bình đẳng, hoặc có khi buộc hoàng triều phải theo ý họ.

Vai trò của các thành phố về phương diện xã hội, kinh tế và văn hóa cũng quan trọng vào bậc nhất. Gồm

những người chuyên chú về thương mại, tìm kế sinh nhai, các thành phố tỏ ra trái ngược với lý tưởng sinh hoạt thời Trung-Cổ có tính chất không vụ lợi.

Sự tăng gia dân số tại thành thị đã đưa đến việc phát sinh một giai cấp vô sản mà những yêu sách xã hội thường là những dịp bạo động mãnh liệt. Sau hết, các thành phố tuy phát triển theo mức độ khác nhau, ở những miền khác nhau trong nước, là một yếu tố căn bản cho sự thống - nhất đối với quốc gia Bỉ, bởi sức bành trướng và quyền lợi của các thành phố đều giống nhau, ở Flandre cũng như ở Wallonie.

Tất cả các địa điểm không phát triển cùng một cách. Các thành phố chỉ mọc ở những nơi dân cư đông đúc có thể cung cấp cùng một lúc số người muốn tìm kiếm trong nền thương mại và kỹ nghệ những nguồn lợi mà nền canh nông cồng kềnh không cung cấp được, và số người tiêu thụ đông đảo để thu hút các sản phẩm đã làm ra ở trung - tâm. Đáng khác sự mở mang các thành phố đi cùng với sự tăng gia tiêu thụ các sản phẩm nông thôn, đưa lại sự phát triển các vùng thôn quê lân cận.

Tới thế kỷ thứ XI, khi nền ngoại thương, từ trước sút kém rất nhiều vì các cuộc xâm lăng của người Normands và vì cảnh tan vỡ của đế quốc Carolingien, bắt đầu phục

hồi đôi chút thịnh vượng, thì chính các thị xã vừa thành lập này lôi cuốn các lái buôn.

Để thay thế con đường cũ Boulogne — Cologne, một đường mới đã được thiết lập nối liền Cologne với Bruges đi qua Maestricht, Louvain, Bruxelles và Gand. Đồng tuyến của con đường này hình như chứng minh rằng, trái hẳn với một thuyết đợc công nhận từ lâu, không phải nền ngoại-thương là nguồn gốc thành lập các thành phố mà chính là sự phát triển các địa-hạt trung-tâm : khi một con đường được lập xong, nó nối liền thành phố này với thành phố khác đã sẵn có.

Khi tới một giai đoạn sinh hoạt nào đó, các thành phố này biến chuyển thành thị xã, tức là những cù-lao nhỏ có tinh cách pháp lý, hưởng pháp-quyền riêng và có những đặc quyền khác hẳn thôn quê. Ngay từ thế kỷ XI dân thành phố trình yêu-sách lên lãnh chúa. Tổ chức xã-hội thời Trung-Cổ thích ứng với sự bất động của một thế giới tù hãm không phù hợp với đời sống thương mại. Vì vậy dân thành phố đòi tự do cá nhân, tự do xử dụng đất đai của họ, đòi lập các tòa án đặc biệt và luật hình riêng biệt, đòi tự trị về mặt chính trị. Các yêu-sách trên bị các lãnh chúa thuộc giáo hội thâu nhận một cách hằn học cho rằng thương mại trái với đạo đức Thiên Chúa giáo, nhưng

được các lãnh chúa phi tôn giáo chấp nhận vui vẻ, vì họ coi thành phố là một nguồn hoa lợi.

Cho nên ở Flandre, Robert le Frison đã ban đặc quyền cho thành phố. Khi Charles le Bon từ trần, các thành phố đều thịnh vượng đến mức họ chỉ công nhận Guillaume de Normandie là lãnh chúa với điều kiện lãnh chúa phải chấp nhận nhiều đặc nhượng chính trị cho họ. Khi Guillaume muốn lấy lại các đặc nhượng này, các thành phố liền đem ủng cử viên của mình ra đối chọi với Guillaume : đó là Thierry d'Alsace và ông đã thắng.

Vì vậy trong xã hội thời Trung-Cổ đã xuất hiện một giai cấp mới : giai cấp tư sản, quản trị bởi một quy chế riêng bao gồm các tổ chức về đô thị. Các tổ chức này theo nguồn gốc có tính cách quý phái. Thực thế, muốn được làm thẩm phán thị xã nghĩa là hội viên hội đồng quản trị thị xã phải là sở hữu chủ một mảnh đất. Mặt khác, các người hữu sản này, vì là những người giàu có nhất, có thể kinh doanh với ngoại quốc : nhà buôn ở Flandre mua len ở Anh, thương gia ở Mosane mua kim khí cho kỹ nghệ đồng thau của họ (1). Tổ hợp thành

(1) — Nghệ thuật làm đồ đồng, với *Régner de Huy*, người làm ra chậu đựng nước rửa tội *Saint-Barthélémy* ở *Liège*, cùng ngành kiến trúc, ngành điêu khắc và ngành kim hoàn, là những phát hiện mỹ-nghệ đầu tiên của Bỉ trong miền Wallon hơn là ở miền Flandre. Đầu thế kỷ XII ở giữa khoảng *Sambre* và *Meuse* có một nhà kim hoàn-đồ sứ rất khéo, *Hugo d'Oignies* đối thủ với họ *Nicolas de Verdun* và *Godefroid de Claire*, những tác phẩm tinh xảo, thanh tao của anh vẫn còn để tại các kho tàng ở *Namur* và *Tournai*.

ngiệp hội, các thương-gia ấn định giá cả cho thợ thuyền biến họ thành giai cấp lệ-thuộc. Tình trạng này đưa nhanh chóng đến một quả-đầu chính-thể, các thẩm-phán được hoàng-đế bổ nhiệm giữ chức vụ trọn đời.

o O o

Ở Flandre nhân cơ hội bất hòa giữa các bá tước và các vua nước Pháp, nền hành-chánh quý-tộc xin được nhiều đặc quyền làm cho họ gần như độc lập đối với quyền hành trung ương.

Nhờ có sự ủng hộ của các thành phố mà Thierry d'Alsace trở thành bá tước ở Flandre. Philippe con ông, tiếp tục cuộc tranh đấu cổ-truyền giữa Flandre và nước Pháp.

Philippe Auguste, vua nước Pháp, trước hiềm họa chư-hầu hùng cường hợp-tinh lãnh thổ, đã cương quyết chiến đấu chống lại. Philippe d'Alsace mất năm 1191 tại Saint Jean d'Acre nên Philippe Auguste chiếm được Artois và Tournai, tuy thế thái-ấp Flandre lại chuyển sang tay anh rể Philippe là Baudouin V, Bá tước ở Hainaut và trở thành Baudouin VIII ở Flandre. Hainaut và Flandre lại hợp nhất.

Người nối ngôi Baudouin VIII là Baudouin IX liên kết vận mệnh mình với các thành phố đương tìm đồng minh với Anh để duy trì việc nhập cảng len cho thợ cán da ở Gand. Sự kháng cự việc sáp nhập với Pháp vì thế càng trở thành mạnh mẽ. Baudouin IX thành hoàng-đế ở Constantinople mất tích rất bí mật năm 1205 trong trận Thập-tự chiến thứ tư khi đánh nhau với người Bulgares. Baudouin IX để lại hai người con gái: Jeanne và Marguerite.

Philippe Auguste lợi dụng cơ hội để loại trừ một chư hầu quá hùng mạnh. Ông lãnh chăm nom giáo dục cho hai công chúa trẻ tuổi, và cho Jeanne kết duyên với Ferrand de Portugal một ứng viên do ông lựa chọn. Tuy Ferrand là người xa lạ với xứ Flandre nhưng am hiểu quyền lợi của thái ấp của mình. Ông từ chối không chịu ủng hộ chúa mình trong cuộc tranh hùng với nước Anh. Trái lại, ông gia nhập cuộc liên-minh Anh - Đức để chống Pháp.

Philippe Auguste thắng liên-minh trong trận Bouvines (1214) : uy quyền nước Pháp được tái lập vững vàng ở Flandre.

Cuộc chiến thắng này rất quan trọng, ảnh hưởng của Pháp không những chỉ giới hạn ở Flandre mà còn lan

tràn khắp cả nước Bỉ. Các công tước ở Lotharingie cũng xin đồng-minh với Pháp.

Tình hình rối loạn ở Đức trước đây đã giúp các công tước Lotharingiens được độc lập dễ dàng nhất là đối với công tước De Brabant nhân vật chính trong số. Trong lãnh-địa của công tước, hoạt động của các thành phố cũng có ảnh hưởng rất lớn về chính trị. Sự cần thiết gìn giữ an ninh trên con đường lớn từ sông Rhin đến Flandre, — sự phồn thịnh của các thành phố tùy thuộc con đường này, — đã đưa các công tước De Brabant vào một loạt các trận xung đột với các lãnh-chúa giám mục ở Liège, mục đích là tranh giành phần đất ở hai bên con đường này.

Jean 1^{er} người xuất sắc nhất trong gia đình De Louvain đã nâng cao uy quyền của Brabant bằng cách hợp tỉnh đất Limbourg sau khi thắng trận Woeringen năm 1288, đánh bại cuộc liên minh do tổng giám-mục Cologne cầm đầu. Như vậy, giữa sông Rhin và Escaut trên lãnh thổ xứ Basse Lotharingie cũ chỉ còn một lãnh chúa là công tước De Brabant đồng minh với vua nước Pháp.

Hầu quốc Liège cũng tách khỏi nước Đức. Sự tranh giành tấn phong đã cho giáo-chi các nhà thờ quyền bổ nhiệm các giáo-mục. Giáo-chi Liège chịu ảnh hưởng Pháp.

đã nhiều lần lựa chọn các giáo-mục Pháp suốt thế kỷ thứ XIII. Tại đây cũng thế, sự can thiệp càng ngày càng rộng lớn của các thành phố vào nền cai trị hầu-quốc đã làm cho nền độc lập của hầu-quốc càng vững mạnh thêm. Lấy quyền lợi vật chất làm nền tảng cho chính sách, các thành phố liên kết nhau lại. Phong trào này đã nhiều lần bị các hoàng đế Đức giải tán, song vẫn tái lập ngay.

Sự tranh đấu của các tỉnh chống lãnh chúa có tính cách sâu sắc dưới thời Henri de Gueldre là người giáo-chi phải tấn phong vì có sự bắt buộc của đức Giáo-hoàng. Henri de Gueldre muốn lập lại chế độ đế quốc.

Các thành phố dưới quyền chỉ huy của Henri de Dinant, một nhà quý tộc, bị thất bại. Nhưng nhờ sự ủng hộ của Jean 1er de Brabant tình hình lại đảo ngược.

Henri de Gueldre bị truất ngôi và các người kế vị ông bỏ hy vọng tái thiết hầu-quốc thành một tỉnh đế-quốc nhất là sự khai trừ dòng quý tộc địa phương trong những trận đánh nhau liên miên đã khiến họ mất nơi nương tựa vững vàng. Các trận đánh ấy cũng lôi cuốn theo sự tan rã của một phần giới quý phái đó thị, để cho các thành phố tự do theo đà dân chủ.

Trong lúc ấy, xứ Flandre và xứ Hainaut lại thêm một lần

chia rẽ. Sau Jeanne, vợ Ferrand, người em là Marguerite lên kế vị, Marguerite trước kết duyên cùng với một lãnh chúa, Bouchard d'Avesnes, sau ly dị và kết duyên lần thứ hai với một hiệp sĩ ở Champagne tên là Guillaume de Dampierre. Khi Jeanne chết, Marguerite muốn truất phần gia tài của các con chồng trước. Sự phản kháng của các người con này là một dịp cho vua Pháp đặt quyền tài phán. Ông chia xứ Hainaut cho các con Avesnes và xứ Flandre cho các con Dampierre, làm giảm thế lực dòng họ Flandre.

Như vậy cho đến cuối thế kỷ thứ XIII ảnh hưởng Pháp mạnh đến nỗi coi như chắc chắn có thể đưa tới sự thống nhất các tỉnh Bỉ bằng cách sáp nhập vào nước Pháp.

Nhưng lúc đó những lộn xộn trong xã-hội đã có từ lâu lại xuất hiện tại các thành phố với một tình trạng cực kỳ gay gắt. Nền hành chánh quý phái suy đồi trở thành độc tài. Tuy nền hành chánh này đã góp phần nhiều vào sự bành trướng lực lượng các thành phố bằng cách ban các đặc quyền, thực hiện các việc thuộc công chính, mở những trường học phi-tôn-giáo để cho thanh thiếu niên giới hữu sản thụ hưởng một nền giáo-dục thích hợp với nhu cầu thương mại, nhưng nền hành chánh đó cũng đã đưa đến những sự lạm dụng hiển nhiên. Nhiệm kỳ các thẩm-phán thị xã thành vĩnh-viễn. Họ không để ai kiểm soát công việc

của họ dù là người thường hay những nhà quý tộc xa cách chính quyền. Họ hoàn toàn là chủ trong việc ấn định lương bổng. Quyền hành của họ thể-hiện ra bằng sự đè nén về kinh tế không thể chịu đựng nổi. Sự đè nén càng nặng nề hơn đối với các thứ hàng cần thiết nhất đều bị đánh thuế rất nặng. Vì lẽ ấy, thường dân đã đòi lại nếu không được một phần quyền hành-chánh ít ra cũng được quyền kiểm soát, nhất là phần tài-chánh của các thẩm-phán. Thường dân đô-thị gồm có thợ thuyền và các nhà thủ công-nghệ (thuộc giai-cấp trung-lưu) đã hợp thành các phường nghề-nghiệp vào thế kỷ thứ XII, khai sinh cho một lực-lượng chính-trị mới.

Ngay đầu thế kỷ thứ XIII, thời kỳ lộn xộn thứ nhất về xã-hội đã xảy ra ở Flandre, Brabant và Liège. Dân chúng khởi loạn trong nhiều thành phố. Họ bị dẹp ở mọi nơi, nhưng sau các việc xảy ra các thành phố trong nước liên-kết lại để lập nơi cư trú cho các thợ dệt, thợ cán da, những người bị các thị-trấn trục xuất. Đây là một đòn quyết định đánh vào các biên-giới phong-kiến xưa.

Đến cuối thế kỷ, sự bất mãn của giới thường dân lên đến cực độ bởi thái độ ngoan cố của phái quý tộc đối với các yêu sách của các phường nghề nghiệp, nhất ở Flandre là nơi có những thành phố quan trọng. Giới thường dân được Guy de Dampierre, con trai Marguerite nâng đỡ. Chính ông này cũng đã vấp phải khuynh-hướng tự-trị

của các thẩm-phán. Mặt khác, thái độ thù hiềm của Philippe le Bel đã xui Guy liên-minh với nước Anh. Nhưng viện-binh Anh không tới và một đoàn quân Pháp chiếm đóng xứ Flandre. Xứ Flandre không còn tồn tại nữa mà trở thành một tỉnh thuộc Pháp.

Tin tưởng được vua Pháp giúp đỡ, giới quý tộc cũng cố uy quyền, áp dụng những biện - pháp khắc nghiệt đối với các phường nghề nghiệp, cốt ngăn cản mọi ý chí độc lập. Thường dân phản ứng một cách bạo tàn. Một cuộc khởi nghĩa rộng lớn bùng ra ở Bruges — nơi đây người Pháp và quý-tộc bị giết hỗn độn — đã lan khắp xứ Flandre.

Sáp nhập với nước Pháp có nghĩa là chiến tranh với nước Anh, và sự ngưng nhập cảng len là đi tới tan rã kỹ nghệ làm len dạ, nghề sinh nhai của đa số dân Flamands.

Chẳng ngờ quân đội Pháp bị loạn quân do cháu của Guy lãnh đạo đánh bại ở Courtrai năm 1302. Đây là trận đánh người ta gọi là trận những « *Cựa gà vàng* »,

Trận thắng bất ngờ này có tiếng vang rất lớn. Bouvines đã gây ảnh hưởng chính trị Pháp. Courtrai bãi ngay ảnh hưởng này và đồng thời xóa bỏ mọi hi - vọng sáp nhập Frandre vào nước Pháp. Mặt khác, trong các lãnh

thổ Brabant và Liège, trận thắng ở Courtrai đã kích thích việc xuất hiện ngay các chính thể dân-chủ. Khắp mọi nơi, các nghiệp đoàn nghề nghiệp được chính thức công nhận và trở thành các tổ-chức chính trị.

Diễn tả trận thắng năm 1302 như một đòn đánh vào tinh thần, vào nền « văn-hóa » mà Pháp đại diện — một số người Flamingant nghĩ thế — là một trò đùa vô duyên. Thường dân Flamands được người Wallons ở Namur giúp đỡ...

Trận Courtrai tuy thế cũng không phải trận quyết định giữa thường dân và quý tộc, vì nó không phản ảnh chút nào tầm quan trọng thật sự của các lực lượng hiện diện. Lực lượng Pháp trội hẳn và ngay năm sau cuộc chiến đấu lại tiếp tục. Nhưng sự ngạc nhiên ở Courtrai là người dân Flamand coi thường sự sống đã tỏ ra đáng sợ khiến Philippe le Bel chưa dám nghĩ tới việc đơn phương sáp nhập lãnh thổ Flandre. Ông buộc xứ Flandre ngưng chiến; hòa ước Athis năm 1305 là hòa ước của kẻ thắng.

Khắp nơi, giới quý-tộc phục hồi quyền thế, nắm lại quyền cai trị trong thành phố bên cạnh các phường nghề nghiệp. Nhưng tình thế này không làm thỏa mãn bên nào cả.

Chẳng bao lâu ở Flandre dân chúng lại nổi dậy chống bá tước Louis de Nevers, liên minh của giới quý tộc. Với sự giúp đỡ của vua nước Pháp, Louis đã đánh bại các phường nghề nghiệp một cách thảm khốc ở Cassel năm 1328.

Dòng dã suốt thế kỷ thứ XIV đã xảy ra những cuộc tranh chấp xã-hội. Vài năm sau trận Cassel một cuộc khủng hoảng mới lại bùng nổ. Louis đã vào phe vua nước Pháp từ đầu trận giặc Một Trăm Năm. Một người ở Gand, Jacques Van Artevelde lật đổ giới thẩm phán quý tộc ở Gand, liên minh với Anh trong nhiều năm, và đã làm chủ xứ Flandre thực sự. Vì muốn chống lại nhóm thợ dệt đặc biệt hiếu-dộng nên ông ta đã bị họ giết. Louis de Male, vị tân bá tước, thừa cơ hội lật đổ nền đô hộ của các thợ dệt nhờ sự giúp đỡ của giới quý tộc và các phường nghề nghiệp khác.

Tại Brabant và Liège nền dân chủ cũng không thể đứng vững, giữa thế kỷ thứ XIV giới quý tộc đã lấy lại gần hết địa vị trước.

Hậu bán thế kỷ XIV lại xảy ra lộn xộn dữ dội nhất ở Brabant. Lãnh địa của công tước mới đầu được Anh nâng đỡ sau bị thương tổn nặng nề vì chế độ bảo hộ mậu dịch của Anh đặt ra hồi ấy. Việc mất tỉnh Anvers vì xứ Flandre

chiếm là thêm một đòn mạnh đánh vào sự phồn thịnh của lãnh địa. Do Coutercel lãnh đạo, dân xứ Louvain nổi lên đánh đuổi giới quý tộc. Công tước xứ Brabant vì nhu cầu tiền bạc buộc lòng phải ủng hộ giới quý tộc, liền trục xuất Coutercel. Trước sự bạo động của dân chúng ngay sau biện pháp này công tước Brabant đã phải điều đình và thiết lập hiến chương quy định sự đại diện theo tỷ lệ các tầng lớp dân chúng vào nền cai trị. Những biến cố ở Flandre lại gây thêm nhiều náo động mới. Coutercel bị ám sát, nhưng chế độ hỗn hợp vẫn tồn tại.

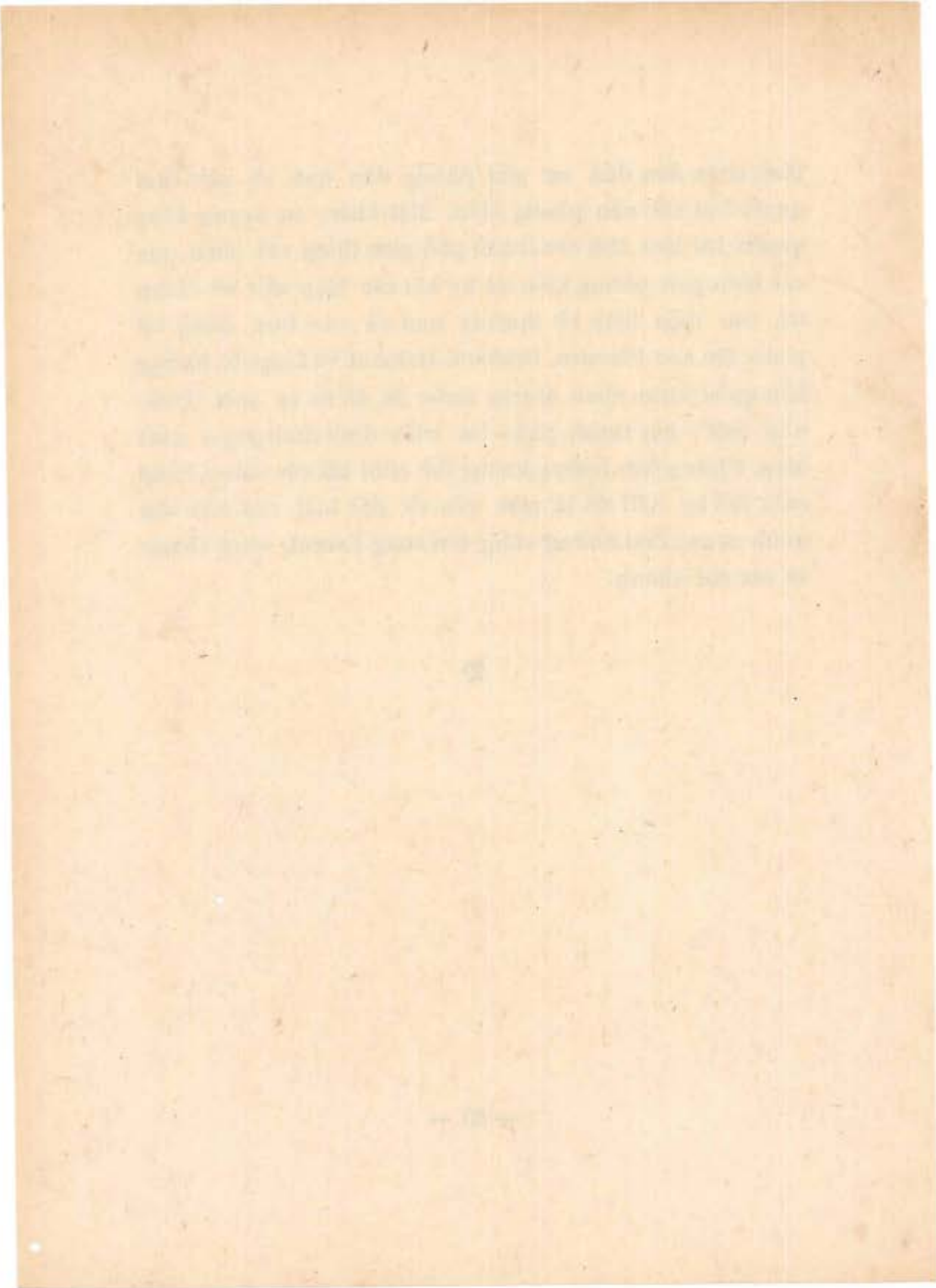
Tại Flandre việc đào con kinh từ Lys đến Bruges là một dịp để cho xứ Gand lại nổi loạn vì tự cho là bị thiệt thòi. Thợ dệt chiếm quyền được Bruges, Ypres và các thành phố khác tán trợ. Louis de Male cầu cứu nước Pháp. Ở West-Roosebeke, năm 1382 quân đội Pháp đã trả thù người Flamand ghê gớm về trận Courtrai. Gand tiếp tục cuộc kháng cự tuyệt vọng trong ba năm. Cuối cùng tân bá tước Philippe le Hardi, công tước Bourgogne giàn xếp. Nền cai trị hỗn hợp tái lập trên khắp mọi nơi.

oOo

Như vậy trong gần hai thế kỷ các thành phố đã giữ vai trò quan trọng ở Bỉ. Hậu quả những trận thắng các

lãnh chúa đưa đến sự giải phóng dân quê, và một đòn quyết liệt cho nền phong kiến. Mặt khác, sự tương đồng quyền lợi làm cho các thành phố giao thiệp với nhau qua các biên giới phong kiến và ký kết các hiệp ước về chính trị, các thỏa hiệp về thương mại và các hợp đồng tài phán. Dù cho Flandre, Brabant, Hainaut và Liège là những hầu-quốc khác nhau nhưng nước Bỉ đã tỏ ra một khối, như một « hội thành-phố » lúc triều đình Bourgogne xuất hiện. Những ảnh hưởng không thể chối cãi của nước Pháp suốt thế kỷ XIII đã là một yếu tố đặc biệt của nền văn minh chung cho những vùng ven sông Escaut, sông Meuse và các chi nhánh.





CHƯƠNG IV

TRIỀU ĐẠI BOURGOGNE

Năm 1369, Philippe le Hardi công tước Bourgogne, em vua nước Pháp Charles V, lấy vợ là Marguerite con gái bá tước ở Flandre, Louis le Male. Ông sắp đóng một vai trò quan trọng trong lịch sử thống nhất các tỉnh Bỉ.

Thời ấy các yếu tố : kinh tế, địa dư, xã hội, chính trị văn hóa đã dựng cho nước Bỉ một nền thống nhất chắc chắn : nhưng dù sao cũng còn những đặc tính địa phương rất rõ rệt. Thí dụ như ở Brabant nảy ra một chủ nghĩa ái quốc địa phương bởi họ được các công tước cho đặc quyền rộng lớn. Vì cạnh tranh về kinh tế các thành phố lớn đối chọi nhau : Bruges chống Gand, Namur chống Dinant. Hơn nữa ở những vùng mà các thành phố không

giữ vai quan trọng như Luxembourg, trình độ văn minh không cùng mức với những nơi khác trong lãnh thổ. Sau hết, nói chung, sự mâu thuẫn giữa thành thị và thôn quê, từ lâu thôn quê đã được ban nhiều đặc quyền đáng kể là một trở ngại cho sự thống nhất thực sự. Chính vào lúc ấy, tài chính-trị xuất chúng riêng biệt của Philippe le Hardi đã tỏ ra quan trọng và quyết định,

Ngoài lãnh thổ Bourgogne sẵn có, cuộc hôn nhân của ông đã đem cho ông lãnh thổ Flandre. Anh ông là Charles V trả lại ông xứ Flandre nội thuộc Pháp quốc Giáo-hội (Lille, Donai, Orchies). Xứ Artois và Franche-Comté cũng được chuyển về bá tước de Flandre do sự thừa hưởng di sản. Philippe còn nhận được Anvers và Malines dưới hình thức bồi thường sau khi nhạc phụ ông bị ám sát. Sau hết ông còn thu được một loạt lãnh thổ nhỏ, trong đó có Charolais.

Philippe quyết định sáp nhập những tỉnh khác ở Xứ-Hạ vào các đất sở hữu này.

Ông chú trọng trước hết đến Brabant mà Limbourg và Luxembourg đã sáp nhập.

Từ năm 1383 Brabant do một người cô của Marguerite de Male tên là Jeanne cai trị, khi bà qua đời lãnh thổ này đáng lẽ trở về dòng Luxembourg, nhưng Philippe đã

mua chuộc lòng bà được hưởng quyền cai quản tiền tệ ở Brabant và vận động cho một đạo quân Pháp đến giúp đỡ để chống lại công tước Gueldre, cuối cùng ông đã thành công trong việc đưa người con thứ hai của mình tên là Antoine lên kế vị nơi đây với sự tán trợ của các tiểu bang Brabant.

Ông đưa triều Bourgogne vào Hainaut Hòa-Lan và Zélande bằng chính sách hôn nhân khôn khéo. Con trai cả ông tên là Jean lấy con gái bá tước ở Hainaut, cùng ngày ấy, con gái ông là Marguerite lại kết duyên với người kế vị cũng của xứ Hainaut ấy là Guillaume de Bavière.

Khi Philippe chết năm 1404, triều đình Bourgogne, trên thực tế đã làm chủ cả các lãnh thổ Xứ Hạ nhờ sự khéo léo của ông.

Ngày nay người ta có thể xem lăng của ông hiện còn ở Dijon, trong cung điện các Công tước. Lăng này do Claudius de Werve chạm trổ. Claudius là một trong những người Flamands, cũng như Claus Sluter, tác giả Puits de Moise ở Chartreuse de Champmol, đã từ miền Bắc đến Bourgogne để sáng tác những công trình lỗi lạc.

Jean Sans Peur tiếp tục công nghiệp của cha. Cuộc nổi dậy của dân Liège chống lãnh chúa họ là anh rể

Jean Sans Peur do chính họ bầu lên, đã cho ông này có cơ hội can thiệp vào đất Liège. Dân quân Liège bị đánh tan và Liège bị đặt dưới quyền bảo hộ của Bourgogne. Chính Liège, Liège bị Louis XI bội phản lúc nào cũng ngăn cản giấc mơ xâm lược của các công tước Bourgogne. Michelet khi nói đến Liège đã dùng danh từ : « Nước Pháp nhỏ đứng cắm ở vùng sông Meuse ». Muốn nối liền Xứ Hạ vào Bourgogne cần phải chiếm đoạt Luxembourg. Đồng thời Jean sans Peur vừa củng cố lãnh thổ vừa can thiệp vào công việc nước Pháp và từ địa vị chư hầu trở thành kinh địch độc lập.

Ông bị giết ở Montereau năm 1419. Vụ ám sát này đưa đến sự tuyệt giao với nước Pháp. Con ông, Philippe le Bon liên minh với nước Anh nhưng chú trọng nhiều về xứ sở hơn là đánh nhau với nước Pháp.

Trước hết ông mua lãnh thổ Namur. Tuy đã chống đối nhiều năm sau Jacqueline, em họ ông, con gái Marguerite de Bavière, đành phải nhường Hainaut, Hollande và Zélande cho ông. Cùng lúc ấy mặc dầu có sự phản kháng của Đế quốc, Philippe cũng được công nhận là người thừa kế ở Brabant khi người anh họ ông, Philippe de Saint Pol con của Antoine qua đời. Vài năm sau ông làm lành với nước Pháp, được hưởng thêm xứ Picardie và được xóa bỏ các trách vụ chư hầu đối với vua Pháp.

Triều đình Bourgogne cường thịnh đến cùng độ. Tất cả Xứ Hạ đều thu vào trong tay, những tòa giám mục đều do họ hàng của Philippe đảm nhiệm, các thành phố đều bị đàn áp. Chỉ vì sự phản kháng của Pháp mà Philippe không được hoàng đế nước Đức phong vương. Cần phải chú ý là ông cầu xin phong chức ấy đối với tất cả các lãnh thổ dưới quyền sở-hữu của ông, tái lập xứ Lotharingie như cũ, chứ không phải chỉ đối với các Xứ-Hạ mà dưới mắt công tước Bourgogne không hợp thành một khối riêng biệt.

oOo

Sự thống nhất lãnh thổ được củng-cố hơn lên bằng việc thiết lập cơ cấu quốc gia chung.

Philippe le Hardi, theo phong tục thời ấy, có rất nhiều cố vấn do ông tuyển lựa và đài thọ trong đám những người thế tục hay giáo sĩ, quý phái hay tiện dân, và ông có thể tùy tiện bãi truất họ. Ấy là «Hội-đồng Cố vấn của vương-hầu» với nhiều quyền bất định: chỉnh trị đối nội, luật pháp, tài chính v.v. Mỗi khi triều đình Bourgogne được thêm đất thì đại biểu các tỉnh sáp nhập được vào Hội-đồng. Sự hoạt động của Hội-đồng trở nên quan trọng. Hội đồng lấy tên là Đại-hội đồng, chủ tịch là viên Thủ Tướng Bourgogne. Philippe chia Hội đồng ra

làm hai ngành: một ngành hành chánh, tư pháp và một ngành tài chánh.

Khi ông được đất Flandre ông cũng theo phương pháp ấy và lập ra một viện Hội-đồng, một viện Thẩm-kế.

Antoine, con ông cũng muốn đặt một qui chế tương tự ở Brabant. Ông ta lập được viện Thẩm-kế, nhưng viện Hội-đồng thì phải bỏ vì các nhà quý tộc và các thành phố phản kháng kịch liệt để giữ các đặc quyền của họ. Nhưng đến đời con ông này thì khiến được họ theo ý mình mà lập ra viện Hội-Đồng.

Philippe le Bon với mục đích duy-trì các đặc quyền riêng cho mỗi phần lãnh thổ, tạo ra các Hội đồng tư pháp ở khắp các tỉnh nhưng hết sức tập trung các phòng Thẩm-kế. Thế là giữa thế kỷ XV, Hội-đồng của Vương-hầu khai sinh ra hai cơ quan lớn: cơ quan thứ nhất vẫn giữ tên lúc đầu: Đại Hội đồng, giữ địa vị tòa án tối cao; cơ quan thứ hai là Hội-Đồng Tư-vấn trông nom về hành chánh. Vấn đề tài chánh cũng phụ thuộc vào đây.

Thời Philippe le Bon còn phát hiện một cơ-quan mới: đó là Quốc-hội gồm đại biểu của các tỉnh hội. Các Công tước Bourgogne đã xem Brabant, Flandre và Liège như những « nghị-hội » phát sinh từ cuộc tranh đấu trường-kỳ của các thành phố chống lại vương-hầu và

mục đích là để bảo vệ các đặc quyền của họ. Ở thế kỷ XV, các thành phố còn mạnh thế quá khiến người ta không thể bãi bỏ các nghị hội này mà nhiệm vụ chính là nghị quyết các quốc-thuế cho Vương-hầu. Để được dễ-dàng, Philippe hội họp họ lại. Nhưng nhiệm vụ của họ quá ít ỏi: các đại biểu có ủy nhiệm hạn chế không thể thủ xướng việc gì hết.

Philippe le Bon có triều đình ở Bruges và Dijon. Chính ở kinh đô cũ xứ Flandre, mà dân chúng hiếu loạn, hay bốc giận, thỉnh-thoảng nổi lên chống lại chúa họ, là thời kỳ cực thịnh và tuyệt đỉnh huy hoàng. Đây là thị trường lớn nhất Âu-Châu, thị trường buôn bán lớn nhất với Venise. Các thương gia, chủ tàu, chủ ngân-hàng giàu có nhất như: Alberti và Peruzzi de Florence hay Arnol-jini, người đã được Jean Van Eyck vẽ chân dung (ở National Gallery). Jacques Coeur de Bourges và Societas Magna Alemaniae đều có cửa hàng và chi điểm ở Bruges. Rượu của Pháp, hương liệu phương Đông, len Anh-Quốc, nhưng Gênes, gấm Venise: tất cả các kho tàng trên thế giới đều tụ hội trên các bến xứ này. Sự xa-hoa-hỗn xược phơi bày khắp nơi. Than ôi! thời suy sụp sắp đến. Cửa sông Zwyn và phía ngoài hải cảng Damme, xứ sở của Thyl Uylenspiegel lừng danh và bất kham bị cát bồi dần dần. Bruges bị Anvers choán vị. Từ năm 1460 xuất

hiện trên bờ sông Escaut thị trường buôn bán quốc tế đầu tiên. Bruges bị tiêu diệt vì không biết kịp thời từ bỏ một vài đặc quyền với những thuế cũ như : tức-dinh, môi giới, đậu bến. Bến địch thủ là Anvers cho bãi ngang các thứ thuế đó. Ấy là cuộc chiến thắng đầu tiên của nền tự do buôn bán.

Thịnh vượng và suy tàn của Bruges... Thành phố đặc sắc với những con thiên nga có thể tự phụ đã từng là thủ đô thương mại, đồng thời cũng là một kinh đô chính trị quan trọng vào bậc nhất. Chính ở đây Philippe le Bon đã đặt ra huy chương Toison d'Or. Trên tấm áo nhung chiếc vòng cổ bằng vàng có treo hình con cừu nhỏ mới đẹp làm sao ! Lịch sự thay và kiêu lãnh thay, các vương tôn công tử đội mũ trùm như những nhân vật ta thường thấy trong các bức tiểu họa của các tập ký sự danh tiếng rực rỡ màu sắc mở đầu nghệ thuật ảo hoặc của phái hội họa cổ sơ Flamand ! Chính ở Bruges năm 1430 đã cử hành hôn lễ của Philippe le Bon với Eléonore xứ Bồ Đào Nha mà nhà họa sĩ trứ danh Jean Van Eyck đã cùng với một sứ đoàn gồm những người cầm đầu là các nhà quý phái ở Roubaix và Noyelles, đi Lisbonne để cầu hôn cho vị chúa tể.

Các Đại quân công Tây-phương đã theo đuổi cái mộng của xứ Lotharingie thuở xưa, muốn đặt một quốc

gia trái độn giữa Pháp và Đức, một quốc gia thế lực dựa một bên vào Bắc-hải, một bên vào giới-tuyến Alpes. Tổ ý tiếc hận cho cuộc thất bại của họ nào có ích gì? Những sự này chỉ ích lợi cho quá khứ. Nước Pháp cần phải tự lập. Người miền Bourgogne ngày nay là những người Pháp trung kiên. Louis XI, người thâm hiểm hẳn phải thắng con người khinh xuất nóng nảy và điên điên, người đã được gọi là Téméraire, hay làm rồi việc, luôn luôn sống trong ảo tưởng. Ngày 5-1-1477 quân của Téméraire bị người Thụy-Sĩ và Lorraine tiêu diệt trước thành Nancy. Ông chạy trốn. Một nhóm dung binh người Berne mai phục sẵn chặn đường và cắt cổ ông. Xác ông bị lột sạch áo quần và chó sói sâu xé mất phân nửa ba ngày sau người ta mới tìm ra trong đồng tuyết và bùn đọng rồi đưa về Bruges. Còn những tấm thảm do Roger Van der Weyden vẽ tìm được trong hành lý của ông thì người ta đưa về Berne.

Trong nhà thờ Notre-Dame ở Bruges, mà cái chóp nhọn lầu chuông màu hồng cao ngất trên nền trời màu tro cân xứng với gác chuông tứ giác màu xanh lơ của nhà thờ Chúa Cứu Thế, Téméraire yên giấc ngàn năm cạnh Marie, con gái ông, trong một ngôi mộ tô điểm bằng tượng đồng chạm. Cách đó không xa, tượng Trinh-Nữ do Michel-Ange tạc bằng cẩm thạch Ý-đại-Lợi thứ trong

nhất nhìn về ông như muốn rọi một ánh sáng tha thứ vào linh hồn đau khổ của ông.

Thời đại Bourgogne đã làm vẻ vang cho nước Bỉ vì nền mỹ thuật nảy nở thịnh mãn đến nỗi người ta chỉ thấy một thời kỳ tương đương vào thế kỷ 17, thế kỷ của Rubens.

Chung quanh anh em Hubert và Jean Van Eyck khai triển một học phái rực rỡ, thường gọi bằng một danh hiệu không xác đáng là phái Hội-họa Cồ-sơ Flamands, khi phái này được nổi tiếng hay nổi tiếng lại, thì không hẳn đúng. Những bậc thầy như: Van Eyck, Memling, Gérard David, Petrus Christus, Thierry và Albert Bouts, Broederlam Ysenbrant, Hugues Vander Goes, Roger de la Pasture (tức là Van der Weyden) mà là Cồ-sơ ! Họ là những người trong nhóm đã đưa nghệ - thuật « giả tạo » thiên nhiên lên đến mức cao nhất. Và phần đông trong bọn đều có tinh thần sâu sắc, đời sống nội tâm phong phú, một khuynh hướng thần bí cuồng nhiệt thay hình đổi dạng chủ nghĩa tả chân của họ cho thành toàn mỹ có một không hai.

Người Flamands ? Không phải tất cả. Trong bọn họ cũng có người Pháp miền Bắc, người Wallons như Marmien hay Jean Prévost, và về sau có Jean Gossart tức Mabuse, hay về thế kỷ XV và đầu thế kỷ XVI có những

người gốc Hòa-Lan như Mostaert hay Jérôme Bosch.

Sự thực thì Bruges, Bruxelles, và về sau Anvers trong những thời ấy là nơi quy tụ các học phái dôi-dào với một chủ nghĩa siêu quốc giới, một sức thẩm thấu hiếm đâu sánh bằng.

Dưới danh hiệu nghệ thuật Flamand lúc ấy một nghệ thuật phổ thông cũng phát triển mạnh ở các miền Bắc và Nam Xứ-Hạ. Sự thực như chúng ta đã lưu ý nhận xét trong bài tựa, nghệ thuật gọi là Flamand là nghệ thuật triển khai trên khắp đất nước Bỉ hiện thời, trên bờ sông Meuse, sông Escaut và các chi nhánh.

Tất cả huy hoàng của nền nghệ thuật có một không hai này chôn vùi trong Kho-tàng lớn của Bourgogne ngày nay còn giữ ở Viện Bảo-tàng ở Vienne mà nước Bỉ trong cuộc đàm phán Hòa-bình mở đầu các hiệp ước Versailles và Saint Germain đã đòi lại không được. Trong Kho-tàng này có hàng trăm thứ, người ta thấy bên cạnh thanh gươm của Téméraire chén rượu bằng pha-lê và bằng vàng mà phụ thân ông thường uống với không biết bao nhiêu đồ trang hoàng nhà thờ, thứ nào cũng lộng lẫy sang trọng dùng vào lễ « mét » cho các hiệp sĩ được thưởng huy chương Toison d'or.

oOo

Nếu từ quốc gia Bourgogne phát xuất các Xứ-Hạ mà sau này khai sinh ra nước Bỉ và Hòa-Lan hiện thời thì mặt khác có điều chắc chắn là chính sách của các quận vương Bourgogne đã vượt xa biên giới xứ này.

Philippe le Hardi và cháu nội ông, Philippe le Bon đã có một chính sách như chính sách miền sông Rhin. Charles le Téméraire nối ngôi Philippe le Bon năm 1467 cũng theo chính sách ấy, khuếch đại hơn lên và thêm vào đó chính sách của miền Méditerranée. Ông dòm ngó Provence và kết liên với các vương hầu Ý-Đại-Lợi. Sự hoạt động quá đỗi này làm cho Louis XI và hoàng đế Đức quốc căm giận, ông này từ chối không chịu phong vương cho Charles.

Charles cải cách nền hành chánh để có thể theo đuổi các cuộc chiến đấu không ngừng của ông. Ông đặt Đại Hội-đồng ở Malines. Ông cũng lập ở Malines một viện Ngân-kho để kiểm soát thuế cộng-sản và một viện kiểm soát các tước thuế khác, thay cho các viện Thăm-kế cũ. Các viện này giảm bớt đặc quyền của các hầu-quốc xưa rất nhiều. Đến khi Charles từ trần, con gái ông là Marie, trước sự phản đối chung, phải bỏ tất cả các biện pháp cải cách của cha và tái lập qui chế của Philippe le Bon. Và lại, hồi ấy Quốc-gia Bourgogne trải qua một khủng-hoảng trầm trọng. Louis XI xâm chiếm Picardie và Bourgogne. Hầu-

quốc Liège và cả xứ Gueldre mà Charles đã thôn-tĩnh đều nổi loạn.

Tuy thế Quốc-gia Bourgogne cũng không mất hẳn. Ấy là vì một ý thức hợp quần giữa các tỉnh đã thành hình, ý-thức phát sinh do các cơ chế chung. Điều mà xứ này chống đối là chính sách chuyên chế của các quận vương. Người ta thấy rõ điều đó ở Gand, nơi mà Marie tuy còn trẻ tuổi và không người nâng đỡ, cũng được Quốc-hội tự nhiên coi như một nữ-hoàng với điều kiện bà chấp thuận đạo luật Đại Đặc quyền quyết định các phiên nhóm có định kỳ của Quốc hội. Ấy là lần đầu tiên xuất hiện tại Xứ Hạ một đặc quyền chung cho tất cả các tỉnh và cũng lần đầu tiên xác định một đặc tính địa phương làm tan rã ý muốn tập trung của các quận vương Tây-phương.

Trong lịch sử của họ lúc ấy, lý tưởng của các tỉnh thành là một chế độ liên bang, bảo toàn các đặc quyền địa phương trước một chính phủ trung ương tương đối yếu.

oOo

Charles, quận vương cuối cùng dòng Bourgogne mất đi, Quốc-gia này sắp bước vào một chính thể quyết định.

Con gái Charles, Marie de Bourgogne kết duyên với

Maximilien nước Áo. Cuộc hôn nhân này ràng buộc lịch sử Xứ-Hạ với lịch sử dòng Habsbourg, và chính dòng này hoàn thành sự hợp nhất.

Dưới thời Maximilien và những người kế vị là Philippe le Beau và Charles Quint, các tỉnh tách khỏi Quốc-gia lúc Téméraire tạ thế lại được đoạt về, và nền bảo hộ Liège đã tái lập. Năm 1543 Charles-Quint sáp nhập toàn vẹn lãnh thổ Gueldre, cuộc thống nhất các Xứ-Hạ đã xong. Các địa hạt này được gọi bằng cái tên « Mười Bảy Tỉnh ».

Sự thống nhất các cơ cấu quốc gia còn quan trọng hơn nữa. Philippe le Beau đặt lại Đại Hội-đồng ở Malines. Đó là, tuy không đặt thành tên, Nghị viện của Charles le Téméraire. Bên cạnh Đại hội-đồng là một thứ Tòa Phá Án, còn hai ngành cùng hoạt động trở lại: hội đồng tư vấn, là cơ quan hành chánh và tư pháp, và hội đồng tài chánh. Khi Philippe le Beau được thừa hưởng Castille (một vương-quốc trong xứ Y-pha-Nho hiện thời) và rời các Xứ Hạ để lên ngôi bá thì ba cơ cấu quốc gia này được đặt ở Malines, một vị Toàn quyền được cử làm đại diện cho Vương hầu. Chức vụ này sau gần như trường tồn.

Dưới thời Charles-Quint các cơ-cấu này được bổ khuyết gồm những nhà quý tộc và chỉ chuyên lo về mặt hành chánh. Sau hết đến 1531, viên Toàn-quyền các Xứ

Hạ có ba Hội-đồng phụ tá: Hội đồng tư vấn, Hội đồng Quốc gia, Hội đồng tài chánh. Cho tới khi hết chế độ cũ các cơ quan do hội đồng cũ của Vương-hầu lập ra vẫn còn giữ ít nhất là phần hình thức. Các Xứ Hạ được ban bố một công pháp chung.

oOo

Mặt khác Charles Quint thực hiện một dự định mà tổ phụ của ông, Maximilien không làm được đến nơi đến chốn vì sự chống đối của Quốc-hội: do sự điều đình của Augsbουργ, các Xứ-Hạ dưới cái tên « Vòng đai Bourgogne » được tập hợp vào Đế-quốc. Sự điều đình này gần như không hiệu lực gì trên thực tế.

Hậu quả nặng hơn hết là Luật Thừa-Kế, khi thống nhất chế độ thừa kế, trong khắp các tỉnh, luật này duy trì Xứ Hạ dưới quyền một vị chúa tể chung. Hơn nữa, vì qui chế áp dụng giống như qui chế ở Tây-Ban-Nha, nó đưa đến sự hợp nhất vĩnh viễn với xứ này.

oOo

Chính sách hợp nhất của các chúa tể tất nhiên va chạm vào sự hiện tồn của các đặc quyền cũ: đặc quyền

của các giáo đoàn, của qui tộc và các tỉnh thành.

Vấn đề giáo đoàn, nói cho đúng ra, không gây khó khăn bao nhiêu, các quận vương Bourgogne dùng mưu chước riêng để can thiệp vào việc bổ nhiệm các giám mục. Charles-Quint thu được những kết quả rõ rệt bên cạnh Giáo-Hoàng bằng cách vận động để được giao quyền bổ nhiệm các vị thụ hưởng quyền lợi giáo hội. Mặt khác ông tiếp tục một phương pháp tài chánh quan trọng của Charles le Téméraire : lập một thứ thuế chiết cựa trên tài sản của giáo đoàn từ trước đến giờ vẫn được miễn thuế.

Sự giải phóng cho dân quê đã đưa đến sự sụp đổ chế độ cộng sản mà Charles Quint đã đánh một đòn quyết liệt bằng cách cấm lập địa-tô vĩnh-viễn và cho phép mua lại những địa-tô hiện hữu, sự cải cách này mãi đến 1789 nước Pháp mới áp dụng. Như vậy là giới tiểu qui phái bị phá sản, họ biến mất trong tư cách một phần tử chính trị. Biện pháp này không ảnh hưởng gì đến giới đại qui tộc, họ đã lập ra từ lâu những thừa-địa cho muôn thích hợp với sự lên xuống của tiền tệ. Vương-hầu tìm được một chỗ tựa trong từng lớp đại tư bản điền địa này, họ không có lý gì mà ủng hộ những đặc quyền địa phương. Vậy là một giới quý phái triều đình xuất hiện và, như chúng ta đã biết, Philippe le Bon lập ra huy chương Toison d'or để ban thưởng họ và nhiều đặc

quyền quan trọng phát sinh từ thứ huy chương đó. Người được huy chương Toison d'Or đều có chân trong Hội đồng Quốc gia của Charles-Quint. Trừ khi Vương-hầu tỏ ra chuyên chế muốn cai trị nhờ sức người ngoài giúp đỡ giới quý phái rất trung thành với ông, hết lòng phù trợ ông trong công cuộc thống nhất.

Các thành phố thì không thể, vì đã mất tích cách dân chủ. Tổ chức tổ hợp thái quá đã xóa mất sự cạnh tranh làm tăng giá hàng và hệ-thống-hóa các giai cấp. Thợ mới không thể bước vào nghề được : chế độ bảo hộ mậu dịch của Anh mặt khác đã làm lung lay kỹ nghệ dệt dạ (nỉ) ở Flandre và Brabant. Tình trạng sút kém của các nghề không còn biện hộ cho việc giữ các đặc quyền cũ nay đã trở nên lỗi thời. Nguồn lợi không đủ cho họ duy trì dân vệ, họ không thể chống lại các quận vương Bourgogne, các quận vương cũng không có ý dè bẹp họ và chỉ muốn tái lập sự tự do kinh doanh về thương mại và kỹ-nghệ là nguồn cội cho những lợi tức quan trọng. Vả lại các Vương hầu được một phần giới trưởng giả ủng hộ, giới này nhờ buôn bán đã trở thành giới tư bản. Mặc dầu bao nhiêu nỗ lực, mặc dầu bao nhiêu sự tái lập ngăn ngừa các đặc quyền khi Téméraire chết, các thành phố cũng bị đánh bại. Hòa ước Cadzand năm 1492 chấm dứt cuộc nổi dậy vũ trang của họ : tuy còn giữ đôi

chút quyền tự trị, các tỉnh không còn là những Quốc-gia trong Quốc-gia nữa.

oOo

Khi đạo Tin-Lành xuất hiện ấy là một biến cố lớn cho các Xứ Hạ. Thực vậy, chính đạo Tin-Lành đã gây ra chia rẽ trong Quốc gia Bourgogne và làm phát sinh ra hai xứ trở thành nước Bỉ và các Xứ Hạ, hay nước Cộng-hòa các Tỉnh Hợp-nhất.

Nguyên nhân gây ra sự cải cách trong các Xứ-Hạ cũng như ở các nơi khác : giáo sĩ cao cấp chuyên về chính trị kiêm nhiệm các chức vụ của các giáo đoàn, phong tục tồi bại và sự dốt - nát của một vài giáo sĩ.

Tân-giáo Luther được thiện cảm của giới thương gia không bị chánh quyền phá đổ ngay. Marguerite nước Áo, chấp chánh thời bấy giờ tỏ ra khoan hồng. Nhưng đến khi La Mã tuyệt giao với Luther, Charles-Quint liền sát phạt ngay : đặt giáo phái Tin-Lành vào tội phạm, ban hành lệnh tra xét và kiểm duyệt. Các biện pháp này ít có hiệu quả. Các lý do về tà giáo rất sâu xa và biến nó thành phong trào xã hội do sự tán thành của những kẻ xấu số. Giáo phái Tái Tẩy Lễ xuất hiện ở Anvers, cổ xúy cho sự bình đẳng xã hội. Các tầng lớp chỉ huy liền xôn

xao và đòi tăng gia sự đàn áp. Một chế độ khủng bố được thiết lập. Thế nhưng chưa đủ, các tòa án ghê tởm không chịu áp dụng một pháp-chế quá nghiêm - khắc. Nhiều biện pháp dự phòng để bài trừ nguyên nhân của các phong trào xã - hội cứu trợ người nghèo và giáo dục con cái họ đều thất bại vì các thị xã thiếu phương tiện tài chánh.

Đến cuối triều Charles Quint các sắc lệnh bài trừ tân giáo còn khắt-khe hơn. Người muốn đến lập nghiệp ở Xứ Hạ, trừ các nhà buôn bán ngoại quốc, phải xuất trình chứng chỉ Gia-tô-giáo. Tuy thế đến khi nhà vua thoái vị, người theo đạo Tin - Lành vẫn còn nhiều. Lý do của « tà giáo » vẫn đứng vững. Mặt khác, nhiều lý do kinh tế cản trở sự theo đuổi các nhà buôn quá ngặt, nhiều lý do chính trị cản trở sự tằm nã một vài nhà quý tộc quyền thế. Những sắc lệnh thiết thực vẫn có ảnh hưởng mạnh về sự mở rộng một qui chế chung cho báo chí, học-chánh, cứu trợ xã-hội. Kết luận chỉ có sự tuyên truyền tự do là bị đình chỉ.



CHƯƠNG V

CHẾ - ĐỘ TÂY - BAN - NHA

Mặc dầu mọi vận động của Charles Quint, các cử-tri Đức không chịu cho Philippe con trai cả ông lên ngôi Hoàng-đế. Năm 1555 Philippe II đánh phải bằng lòng xứ Tây-Ban-Nha và Xứ-Hạ. Từ đấy, ông muốn buộc chặt Xứ-Hạ vào giang-sơn ông. Trong lịch sử Bỉ, người ta đặt cho cuộc tranh đấu chống các đặc quyền địa phương, và việc thiết lập một chế độ độc tài có khuynh hướng dành ưu thế cho quyền lợi Tây-Ban-Nha cái tên: chế độ Tây-Ban-Nha.

Philippe II mới đầu thực hành một chính sách hù ngụy, triệu giới quý tộc các Xứ-Hạ vào Hội-đồng Quốc-gia, như các bá tước d'Egmont và De Hornes và vương tử

d'Orange và không thêm điều gì vào các sắc lệnh của phụ hoàng. Tuy thế các lãnh chúa Bỉ cũng nhận ra ngay rằng ảnh hưởng không có gì, và nhà vua ra những chỉ-thị bí mật buộc các tòa án áp dụng chặt chẽ pháp-chế của Charles Quint về tôn giáo. Hơn nữa giáo đoàn Jésus được đưa vào trong xứ.

Nhu cầu về tài chính của Philippe để theo đuổi chiến tranh với Pháp giúp Quốc-Hội trình bày một vài thỉnh nguyện như hạn chế quân số người Tây-Ban-Nha vào Xứ-Hạ, hạn chế các quyền tra xét, duy trì các đặc quyền. Khi hòa ước đã ký xong, Quốc-Hội đòi việc cai trị trong xứ phải được họ đồng ý, và các đạo quân Tây-Ban-Nha phải rút về. Philippe II hứa nhận rồi rời Xứ-Hạ để Marguerite de Parme ở lại chấp chánh. Nhưng ông đã được Giáo-Hoàng cho quyền can thiệp vào các việc bổ nhiệm trong giáo đoàn, ông liền đưa người của ông, Hồng-y giáo chủ Granvelle lên cầm đầu tòa giám mục Malines mới thành lập và ủy cho giáo chủ nhiệm vụ trông chừng vị nữ nhiếp chánh.

Trước sự bổ nhiệm này, nhất là trước ý nghĩa chính trị của sự bổ nhiệm, giới quý tộc xin từ chức ở Hội-đồng Quốc-gia và được toàn thể dư luận ủng hộ. Philippe phải nhân nhượng và rút cuộc gọi Granvelle về. Trong một thời gian Marguerite bị giới quý tộc đè nén.

Trong lúc ấy một hình thức của đạo Tin-Lành, giáo

phái Calvin, bành trướng tại các Xứ-Hạ. Giáo chủ Calvin được nhiệt liệt hoan nghinh nhờ tổ chức khéo, sẵn sóc đến dân nghèo và dạy rằng chính đạo phải được cưỡng chế mặc dầu không được Vương-tước chấp thuận.

Philippe II muốn áp dụng thẳng tay các sắc lệnh tôn-giáo. Ông chạm mạnh vào lòng dân, và cả giới quý-tộc bản tính khoan hồng nghĩ cả đến những hậu quả kinh tế của sự ngược đãi đối với người buôn bán. Họ tìm cách trình bày với nhà vua để ông nói tay trong việc thăm sát nhưng vô ích. Một mùa đông ác liệt lại thêm nạn đói trầm trọng làm cho dân chúng náo động. Giới tiểu quý-tộc quyết định triệu-tập một cuộc hội họp gọi là Thỏa-hiệp của những nhà quý phái, xin thủ tiêu luật Thăm-Sát. Giới đại quý-tộc cũng ủng hộ phong trào này và Marguerite phải phái sứ sang tường trình với anh bà.

Nhưng lúc ấy trong phái chống đối nhà vua xảy ra sự chia rẽ. Sự sôi nổi trong tôn giáo lại xen lẫn những rối loạn xã-hội phát sinh bởi các khó khăn về kinh tế. Những đoàn người cuồng tín nhằm hủy thánh tượng, tràn vào các nhà thờ phá phách. Giới đại quý tộc hoảng sợ. Phần đông vội liên minh với Marguerite, bà này cho quân ra giữ trật tự. Thế là thành nội chiến. Guillaume d'Orange nhận đối chiến. Nhưng những thất bại của phe Tin-Lành buộc ông phải chạy sang Đức.

Nghe tin phái Tin-Lành làm quá, Philippe đưa quân công d'Albe về thay em gái. Ông này đàn áp không nương tay. Egmont và Hornes bị xử tử ở Grand' Place tại Bruxelles. Người Tin-Lành dưới quyền chỉ huy của Guillaume d'Orange lại bị đẩy lui nữa. Làm chủ tình thế rồi quân công d'Albe cai trị xứ này với độc sự ủng hộ của người Tây-Ban-Nha, đặt ra những thứ thuế nặng nề làm khuynh gia bại sản các nhà buôn và nhà kỹ nghệ, gây ra thất nghiệp và nghèo đói. Đó là thời kỳ đen tối nhất trong lịch sử Bỉ.

Năm 1571 những dân « Căn bã mặt biển » thuộc đám người bị quân công d'Albe thải trừ và người trong nghề hàng hải của Hòa-Lan thỉnh linh chiếm cứ La Brielle ở Zélande. Ấy là dấu hiệu một cuộc nổi dậy của toàn thể người Tin-Lành. Quân công d'Albe nhờ cuộc thám sát Saint - Barthélémy cứu, cuộc thám sát này đã làm cho loạn quân mất hẳn viện trợ của tin đồ Tin-Lành Pháp, quân công d'Albe lập lại quyền hành ở miền nam trong xứ. Nhưng hoàn cảnh địa lý các tỉnh miền Bắc Hòa-Lan và Zélande giúp họ kháng cự được người Tây-Ban-Nha. Thế là quốc-gia Bourgogne đã bị phân tán.

Requesens đến thay Albe, lãnh nhiệm vụ làm dịu bớt chính sách tai hại của người tiền nhiệm. Nhưng ông cũng không thể lấy lại Hòa-Lan và Zélande.

Khi Requesens chết đi, các nhà quý phái Thiên-chúa giáo xin Philippe II rút quân Tây-Ban-Nha và họp Quốc-Hội. Nhà vua làm ngơ. Lúc đó các đạo quân của nhà vua không được trả lương, thiếu tiền nên nổi loạn. Trước nguy cơ, dân chúng phải tổ chức cuộc kháng cự, Nghị viện Brabant quyết định mộ binh đánh quân Tây-Ban-Nha. Nghị viện của các tỉnh khác và giới quý tộc Thiên-chúa giáo liên kết với Brabant lập ra một đạo quân đánh thuê.

Hòa-Lan và Zélande đứng ngoài vòng, tự đặt trong tình trạng chiến tranh với phần còn lại trong xứ. Các cuộc đàm phán được xúc tiến ở Gand để kết thúc hòa bình với họ. Vậy nên năm 1576 người ta đi đến « Bình-định ở Gand », bản thỏa hiệp này quyết định kết hợp tất cả các tỉnh Xứ-Hạ và tuyên bố tự do tín ngưỡng, nhưng vẫn không giải quyết dứt khoát vấn đề tôn giáo.

Viên toàn quyền mới, Don Juan d'Autriche, người chiến thắng Lépante, em cùng cha khác mẹ với vua chuẩn y bản thỏa hiệp. Nhưng vì là đại diện cho một quốc vương độc tài, ông gặp sự chống đối của mọi người, cả giới quý tộc Thiên-Chúa giáo là giới vẫn bảo vệ nguyên tắc phục tòng vương. Nhiều phong trào cách mạng lại bùng lên ở Bruxelles, ở Gand, và phái Calvin kêu gọi đến vương tước — d'Orange. Muốn chơi khăm, phái Thiên-chúa giáo hiến

vương-vị Xứ-Hạ cho thân vương Mathias, em hoàng-đế Đức, cùng với Guillaume d'Orange phụ tá ở chức vị trung tướng. Tuy thế, các cuộc rối loạn vẫn chưa hết. Người xứ Gand cố dùng sức mạnh đặt tổ chức dân chủ theo phái Calvin.

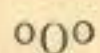
Cũng như dưới thời Marguerite de Parme người Thiên Chúa giáo sợ ý nghĩa xã hội của phong trào Calvin hơn là ảnh hưởng tôn giáo của phong trào, lại tách xa phái tân-giáo mặc dầu Guillaume kêu gọi đoàn kết để chống kẻ thù chung.

Các nghị viện Artois, Hainaut, Flandre, Gallicante ký hiệp ước Arras với Alexandre Farnèse, người kế vị Don Juan. Hiệp ước ngoài các điều kiện khác còn qui định duy trì Thỏa hiệp Bình định Gand và tăng thêm quyền cho Hội-dồng Quốc-gia gồm toàn đại biểu bản quốc. Như vậy là lại đặt xứ này dưới ảnh hưởng của giới quý tộc Thiên-Chúa giáo.

Để trả lời, các tỉnh miền Bắc cũng kết thúc cuộc Liên minh d'Utrecht, không nhận Farnèse làm toàn quyền. Ba năm trước hầu-quốc Liège đã tuyên bố tự trị và tuyên cáo trung lập vĩnh viễn. Cho đến năm 1790 xứ này chỉ tùy thuộc Thánh-tòa mà thôi.

Trong vài năm Farnèse đặt lại uy quyền của Philippe II trên tất cả các tỉnh miền nam nhưng cũng không thể

làm gì nổi Hòa-Lan và Zélande là những nơi được thiên nhiên bảo vệ mạnh mẽ. Liên minh d'Utrecht ký ngày 28-1-1579 đã xác định sự chia rẽ vĩnh viễn các Xứ-Hạ tân-giáo với các Xứ-Hạ Thiên-chúa giáo. Đến đây là chấm dứt hẳn Quốc-gia Bourgogne.



Hiệp ước Arras có vẻ như thủ tiêu chế độ Tây-Ban-Nha vì nó phủ nhận sự chuyên chế của Hoàng gia. Sự thực, bắt đầu từ Farnèse chế độ này mới thực hành trọn vẹn. Chiến tranh chưa kết liễu, Farnèse còn phải chiến đấu với các tỉnh rối loạn. Sau nữa, hiệp ước Arras chỉ thi hành với ba tỉnh có ký tên, các tỉnh khác chỉ tuân theo vì bắt buộc. Sau nữa phái tăng lữ và quý tộc tán trợ Tây-Ban-Nha vì sợ ảnh hưởng xã hội của phái Calvin. Farnèse cố tránh không để người Tây-Ban-Nha ở kề bên mình, khéo lợi dụng cơ hội để lập một chính phủ độc tài. Sau ông trong xứ được những vị chúa độc lập — trên nguyên tắc : Công chúa Ysabelle, con gái Philippe II và chồng là đại quân công Albert. Nhưng chế độ Tây-Ban-Nha không vì thế mà dứt hẳn được vì khi nhường lại các Xứ-Hạ cho Ysabelle Tây-Ban-Nha đã buộc những điều kiện bí mật bãi bỏ mọi tính cách độc lập của các vị chúa mới. Hơn

nữa, Philippe đặt ở bên cạnh họ một nhân vật mới : một Tổng-trưởng Ngoại-giao và Chiến-tranh, luôn luôn là người Tây-Ban-Nha, đề độ thám nhà vua và là chủ nhân thực sự của xứ này.

Vợ chồng đại quân công không có con, lúc Albert chết xứ này lại trở về Tây-Ban-Nha. Ysabelle chỉ là một người nhiếp-chính mà thôi. Sự tham dự của người Bỉ trong chính phủ càng ngày càng giảm đi. Hội-đồng Quốc-gia chỉ đóng một vai danh dự. Đại quân-công đã giải tán Quốc-hội đòi kết thúc hòa bình với Hòa-Lan. Cuộc tiếp tục chiến tranh với xứ này đưa Anvers đến suy đồi và phá sản vì cửa sông Escaut bị đóng.

Những thất bại của Tây-Ban-Nha cho giới quý tộc cơ hội can thiệp một lần cuối cùng. Ysabelle phải triệu tập lại các đại biểu Quốc-Hội. Họ đòi hòa bình. Một phái đoàn quý tộc gởi đi Madrid bị bắt. Năm 1634 Philippe IV giải tán Quốc-Hội. Họ không còn được hội họp cho mãi đến 1789. Các nghị viện tỉnh còn tồn tại để biểu quyết về các khoản quốc-thuế. Cuộc biểu quyết này thực ra chỉ là vấn đề hình thức trước thế lực của chính phủ. Chế độ độc tài Tây-Ban-Nha không còn có trở ngại nào ngăn cản.

Sự an tĩnh tôn giáo (cái an tĩnh của các nghĩa địa) đã tái lập bằng cách quay về với Thiên-Chúa giáo. Một chính

sách khoan dung được áp dụng từ thời Farnèse. Nếu người tân giáo không tấn công người Thiên-Chúa giáo thì họ không còn bị truy nã. Các luật lệ của Concile de Trente thực hành ở Xứ-Hạ từ 1565 bắt đầu cải cách giáo đoàn. Nhưng chính dòng Jésuite đã đóng vai trò thiết yếu về tôn giáo. Tuy người ta sợ tính cách độc lập của họ, họ vẫn là người ủng hộ chánh-phủ mạnh mẽ. Họ lập ra rất nhiều trường, nơi đây họ đào tạo con cái các giai cấp chỉ huy, do đấy có một ảnh hưởng quyết định cho xứ sở. Lẽ tự nhiên là họ theo chánh sách chuyên chế hoàn toàn.

Đời sống thương mại và kỹ-nghệ bị tổn hại vì chế độ Tây-Ban-Nha còn ít hơn vì nội chiến về cuối thế kỷ XVI. Sự suy kém vật chất là hậu quả của tình trạng xứ này lệ thuộc quá chặt-chẽ vào các cường quốc láng giềng. Chế-độ bảo-hộ mậu dịch Pháp của Colbert, sự cự tuyệt của Hòa-Lan và Anh về dự định thành lập tại Ostende một Công ty Ấn-Độ, thị trường Đức mất đi vì bị tàn phá bởi trận giặc Ba Mươi Năm, chỉ còn để cho nước Bỉ một ngả độc nhất: Tây-Ban-Nha. Về thế kỷ XVII chỉ còn nước này là không theo chế độ bảo hộ mậu dịch vì yếu kém và vì các nghề ở thành thị sợ giá hàng tăng nên một mực chống đối.

o O o

Dưới triều đại ngắn ngủi của quận công Albert và Ysabelle, Các Xứ-Hạ miền Nam, nhờ sự yên ổn và thịnh vượng trong một thời gian ngắn trở lại phát triển rực rỡ về phương diện tri thức và mỹ thuật, mặc dầu chánh sách chuyên chế của Tây-Ban-Nha. Một chủ nhà in lớn ở Touraine, Christophe Plantin, đến lập nghiệp tại Anvers. Ông này in sách bằng các thứ tiếng để bán khắp hoàn cầu.

Cộng tác với ông có một Rubens hay một nhà cổ-điển học như Juste-Lipse thừa kế một truyền thống khởi thủy từ nhà cổ điển học Erasme sinh ở Hòa-Lan, sang ngụ nước Bỉ và đã dung hòa tại đây tín ngưỡng Thiên-Chùa giáo với tinh thần Phục-hưng. Bên cạnh những nhà đại thông thái như Vésale, Simon Stevin hay Van Helmont, nước Bỉ còn sản xuất một nhóm tinh tú rực rỡ vô song, ấy là những họa sĩ và điêu khắc gia đại tài quần tụ chung quanh Pierre Paul Rubens, một bá vương, một vị bán thần của Nghệ-thuật. Tài hoa lỗi lạc của ông đã in dấu cả một thế kỷ. Lối kiến trúc các nhà thờ lạ lùng ở Bruxelles và Anvers là lối của Rubens, lối điêu khắc của Duquesnoy hay Delvaux cũng là lối Rubens. Nhưng chúng ta phải nghĩ trước hết đến ngành hội họa nếu chúng ta muốn hiểu sự phong phú của học phái Anvers mà người cầm đầu là Rubens và các « tiểu sử » có những tên khét tiếng như Van Dyck Jordaens, Teniers, Jan Fyt,

Snyders, Corneille de Vos, G. de Craeyer, Sieberechts, Craesbeek, Breughel de Velours hay Brouwer...

Không làm gì tỏ rõ sinh khí của dân tộc Bỉ, sức sống mãnh liệt của họ trong việc mưu sinh cũng như trong việc vui chơi, bằng thời kỳ hoan lạc ngắn ngủi dưới triều Albert và Ysabelle, kế tiếp những cảnh hãi hùng trong thời quân công d'Albe. Về điểm này, có một trang đậm đà của Taine, nhà phê bình Pháp, trong những trang mà ông đã công hiến cho nghệ-thuật các Xứ-Hạ.

Về phương diện đất đai, chế độ Tây-Ban-Nha gây ra nhiều thiệt hại lớn có lợi cho Hòa-Lan do Hiệp ước Munster năm 1648 và lợi cho Pháp do hiệp ước Pyrénées năm 1659, Hòa ước Aix-la-Chapelle năm 1668 và Hòa ước Nimègue năm 1678.

Mặc khác, để đề phòng sự đe dọa của Pháp, Hòa-Lan điều đình với Tây - Ban - Nha được quyền đóng quân trong những thành phố chính của các Xứ-Hạ. Nước Bỉ gần như trở thành một thứ đại lộ quân sự cho các Tỉnh-Liên-Minh.

oOo

Chế độ Tây-Ban-Nha chấm dứt khi Charles II qua đời vào năm 1700. Ông để các Xứ-Hạ cho Philippe V

d' Anjou, cháu Louis XIV. Ông hoàng này được tiếp đón nồng hậu vì xứ này hy vọng rằng mối quyến thuộc với Louis XIV đem lại hòa bình với nước Pháp. Hy vọng này bị tan biến ngay. Cuộc chiến - tranh giành ngôi báu Tây-Ban-Nha làm bùng nổ một cuộc xung đột Âu-châu, lôi cuốn luôn các Xứ-Hạ. Louis XIV được cháu để cho toàn quyền hành động, chỉ còn chờ sáp nhập vô điều-kiện xứ này vào nước mình. Ông cũng lập ra một chế độ độc tài để cải thiện năng xuất của các Xứ-Hạ. Các Hội đồng bành hệ cũ được thay bằng một Hội-đồng của vua do một viên toàn quyền chủ tọa. Những quản nhiệm tay sai của hoàng gia được bổ nhiệm trong mỗi tỉnh. Chế độ quân dịch cưỡng bách được ban hành, việc cho lãnh trưng thuế khóa và bán các chức vụ bày ra.

Các cải cách này không tiến được xa vì đến năm 1705 nước Pháp đã mất Bỉ.

Do hiệp ước Utrecht, nước Pháp nhường các Xứ-Hạ cho các Tỉnh Liên-minh, và các tỉnh này cam kết giao hoàn cho hoàng đế nước Áo (Autriche) là Charles VI với một vài điều kiện. Tháng ba năm 1714 hiệp ước Rastadt chuyển về nước Áo các Xứ-Hạ vừa thâu hồi các đặc quyền đã có dưới thời Charles II.



CHƯƠNG VI

CHÊ ĐỘ ÁO-ĐẠI-LỢI

Sự sáp nhập các Xứ-Hạ vào nước Áo không thay đổi số phận họ chút nào. Từ trước bị hy sinh cho chính trị của triều đại Tây-Ban-Nha thì lần này họ bị hy sinh cho chính trị Áo-Đại-Lợi.

Các Tỉnh-Liên-minh chỉ nhường Xứ-Hạ cho Áo với điều kiện duy trì các đạo quân Hòa-Lan tại vài thành phố do các Xứ-Hạ đòi hỏi, xác nhận việc đóng cửa sông Escant, và giảm các thứ quan thuế cho họ và nước Anh.

Các vua Áo không tìm cách sáp-nhập chặt chẽ các Xứ Hạ vào đế quốc của mình. Đối với họ chỉ là một thứ hóa tệ để trao đổi. Thực sự, họ hy vọng đổi miền sở hữu này lấy những miền gần Áo hơn, như đất Ý chẳng hạn.

Nhưng trong lúc chờ đợi cơ hội đó họ tìm cách thu các tài nguyên của Bỉ càng được nhiều càng hay. Muốn đi đến kết quả này cần phải va chạm những đặc quyền cũ, cải cách nền hành chánh và cải thiện chính sách kinh tế.

Chính phủ trung ương không hoạt động mấy. Các Hội-đồng bàng hệ, bị Louis thứ XIV bãi trước đây lại được tái lập, nhưng nó mất đi rất mau tính cách quốc gia. Hội đồng quốc-gia trở thành một hội đồng hàm và hai Hội đồng Tư-vấn và Hội-đồng Tài-chánh được trao cho các viên chức tận tâm với chế độ. Bên cạnh viên toàn quyền chỉ có tính cách tiêu biểu người ta đặt thêm một nhân vật gần như Tổng Trưởng Ngoại Giao và Chiến Tranh trong chế độ Tây-Ban-Nha : đó là Toàn-quyền Công sứ, bao giờ cũng là người ngoại quốc.

Trong ngành hành chánh tỉnh các viên quản nhiệm của Louis thứ XIV không được giữ lại, nhưng nước Áo muốn dùng chính sách thị uy đối với các Nghị-viện hàng tỉnh nào muốn giữ đặc quyền cũ về việc biểu quyết các quốc-thuế. Những sự phản kháng bị khắc phục. Agneessens, một niên-trưởng của bách-ngệ ở Bruxelles bị hành hình. Từ đấy các Nghị viện tỉnh không dám nhắc tới đặc quyền lúc trước một cách bộc lộ. Năm 1764 một Bình-nghị-hội các ngành hành-chánh và các thứ quốc-thuế được lập ra, sau khi xem xét, hội bãi một số lớn trường hợp

miễn thuế và nhận lấy việc giám sát nền hành chánh hàng tỉnh và hàng xã.

Công nghiệp kinh tế của người Áo, tuy còn thiếu thống nhất vẫn rất xây dựng. Thế nhưng việc thể hiện đầu tiên lại là một sự thất bại. Charles VI muốn nghiên cứu lại dự án thành lập một Công ty Ấn ở Ostende. Cũng như cuối thế kỷ trước, Hòa-Lan và Anh-cát-Lợi tỏ ý phản đối dự án này. Charles chỉ có một người con gái : Marie Thérèse. Ông sợ con gái sẽ không được thừa nhận lên kế vị ông. Vì thế ông bỏ dự án Ostende để được Hòa-Lan công nhận quyền nối nghiệp của con gái ông đối với nước Bỉ. Tuy nhiên sự kế tự của Áo làm chiến tranh bùng lên và nước Bỉ bị quân Pháp tràn vào chiếm đóng nhiều năm. Hòa bình trở lại, công nghiệp kinh tế được tiếp tục dưới hình thức chính sách bảo vệ mậu dịch, kết hợp với việc tạo một hệ thống đường xá và thủy lộ để cho sự trao đổi trong xứ được thuận tiện, Nhưng mặt khác nhiều thứ thuế thông hành, qua cầu, đậu bến được đặt ra, làm cản trở hiệu quả của các biện pháp trên. Nền công kỹ-ngệ cũng được một phen hồi sinh.

Mặc dầu các tiến bộ thực hiện trên phương diện kinh tế, sự nghèo khó vẫn tăng lên rất nhiều trong vòng thế kỷ XVIII vì dân số không quân bình với tài nguyên trong nước. Nạn thất nghiệp càng lan rộng, các văn

phòng từ thiện lập ra để giúp đỡ những kẻ xấu số không đạt được kết quả bao nhiêu. Mãi đến thế kỷ XIX nạn thất nghiệp mới tiêu tan trong các cuộc cách mạng kỹ-nghệ.

Chính sách tôn giáo của Charles VI và Marie Thérèse cũng theo nguyên tắc tăng cường quyền trung ương như chính sách cai trị. Nhân danh chính sách « sáng suốt » các đặc quyền của tăng lữ bị giảm bớt, việc mở thêm các nhà tu bị bác bỏ, các tài sản của giáo hội bị đánh thuế. Các trường trung-học dòng J su te do Giáo-ho ng Cl ment thứ XIV đã bãi đi năm 1773 được thay thế bằng các trường trung học ho ng-gia. Độc quyền Thiên-ch a-gi o về bậc trung học bị mất nhưng vẫn còn tồn tại trên bậc tiểu-học và cao đẳng.

Charles de Lorraine, toàn quyền ở Bruxelles do Marie Th r se bổ nhiệm là một triều đại khá r c rỡ. Trong thời  y thành lập được viện H n-L m, ngày nay là viện H n-L m Ho ng-gia về Mỹ-thu t, Khoa-học và Văn-Chương nước Bỉ. Hội họa ở thế kỷ XIX không được huy ho ng như thế kỷ trước. Họa ho n mới c  thể tìm thấy ở Flandre một hậu sinh ngang hàng với Rubens như Verhaegen, hay ở Li ge một tiểu-sư về d t s  như Defrance. Thành phố Bruxelles đẹp l n nhờ các kiến trúc sư Ph p như Guimard và Montoyer hay một nh  điêu-kh c bản xứ như Godecharle.

Liège có một điêu khắc gia đại tài : Delcour, là người đồng phạm với Bernin đã cống hiến cho vua nước Pháp một vài người chạm đúc huy chương và khắc chữ trong đó có Varin.

Tuy nhiên, các xứ Bỉ hiến cho thế giới, nói cho đúng hơn cho Âu-châu thuộc Pháp, những nhà trí thức lỗi lạc như Hoàng tử De Ligne mẫu người Âu-châu hoàn-toàn đã quan niệm một cộng đồng Âu-châu ngay từ bấy giờ, hay những nhạc sĩ có tài như Grétry và Gossec. (Ngay từ thời kỳ Phục - Hưng xứ Flandre và Wallonie đã tỏ ra là nơi sản xuất nhiều đại nhạc sĩ, là xứ sở của Roland de Lassus hay Willaert, Tinctoris hay Guillaume Dufay, những người sáng tạo ra loại nhạc đa-âm).

oOo

Năm 1780 khi Joseph II lên cầm quyền chính sách độc tài của Áo càng mạnh thêm. Ông tự phụ lại thẩm nhuận các ý tưởng duy lý của thế kỷ XVIII, ông chỉ thực hành các ý tưởng này trong mức độ mà nó có thể bảo vệ cho uy quyền ông. Viên Toàn-quyền Công-sứ trở thành vị đại diện độc nhất của chính quyền trung ương, dưới sự kiểm soát của một tổ chức cảnh binh hùng hậu.

Joseph II công bố bãi bỏ Hiệp-ước Barrière. Người Hòa Lan yếu quá không chống cự được phải bỏ xứ. Nhưng dựa vào thế lực Pháp, họ từ chối không công nhận việc mở lại cửa sông Escant như Hoàng đế đã ra lệnh.

Chính sách tôn giáo của ông, cấp tiến hơn các vị tiền nhiệm. Tuy chính ông cũng là người Thiên-Chúa giáo, ông nhất định thu quyền giáo đoàn vào nguyên nhiệm vụ tôn-giáo mà thôi. Giáo đoàn thế-tục phải chịu quyền kiểm soát của quốc gia, những bài thuyết-pháp phải kiểm duyệt, việc đào tạo các giáo sĩ phải trao cho chủng-viện hoàng-gia. Chính phủ bãi bỏ tăng-hội các vị tu sĩ dòng nguyên ngấm.

Sự bãi bỏ nghiệp đoàn các nghề không thể thành được vì vai trò quan trọng của nó trong nền hành chánh xã. Sự thay đổi kinh tế này sẽ có hậu quả chính trị. Nhưng các luật lệ quá khe khắt về nghiệp đoàn bị đập tan.

Năm 1787 nền hành chánh hoàn toàn canh cải. Các Hội đồng cũ biến đi nhường chỗ cho một Hội đồng của phủ Toàn quyền do ông Toàn-quyền Công sứ chủ tọa với hai ủy-hội phụ-tá một là giáo đoàn, lo cai quản giáo hội; hai là Từ-thiện Cơ-kim đoàn nhằm mục đích chống họa nghèo đói với tài nguyên của các anh em tín đồ

cung cấp. Trong xứ chia ra làm chín đoàn mỗi đoàn có một quản nhiệm đứng đầu. Các đoàn lại chia ra nhiều quận, mỗi quận có một ủy-viên cai-trị. Luật pháp cũng được cải tổ. Các cơ-cấu cũ biến đi, thay vào đấy là một Hội-đồng Tối-cao ở Bruxelles, hai Thượng thẩm viện và sáu mươi ba tòa án Sơ-thẩm.

Tất cả cải cách này làm cho giáo đoàn và đoàn thể chánh trị cũ bị phế truất bất mãn vô cùng. Một cuộc phản đối chung với tinh cách hỗn hợp nổi lên chống Áo. Đảng ái quốc được lập ra. Một mùa đông ác liệt gây nên nhiều rối loạn trong dân chúng. Trước sự náo động này Joseph II xé bỏ các hiến chương cũ về xứ Brabant và Hainaut. Quân đội Áo được phái đến đất Bỉ. Một trong những người cầm đầu phe chống đối, Van der Noot, cho phát hành năm 1789 một bản tuyên-ngôn với dân chúng Brabant truất quyền Joseph II đối với xứ này. Thế là báo hiệu một cuộc nổi dậy vũ trang đuổi người Áo ra khỏi xứ. Nghị viện Brabant tuyên bố độc lập, các nghị viện ở các tỉnh khác cũng làm theo. Một Hội-ngị nhóm họ lại, lấy lên là « Các Quốc-gia Bỉ Thống-Nhất » thành lập một liên bang mà mỗi hội viên đều được phục hồi toàn vẹn các đặc quyền lúc trước. Quyết định này gây bất mãn cho một vị chỉ huy khác, Vonck và những người theo ông, họ muốn lập một quốc gia độc nhất theo một hiến pháp mới.

Sự chia rẽ đáng buồn của những nhà cách mạng khiến cho chánh quyền Áo lập lại được dễ dàng. Quân của Léopold II, người kế vị Joseph II chiếm lại xứ này rất mau. Với danh vị đặc nhượng, chế độ Marie-Thérèse được tái lập.

oOo

Hầu quốc Liège từ khi Charles le Téméraire qua đời đã tuyên ngôn độc-lập và trung-lập, nay tạm bỏ trung-lập để liên kết với Charles Quint; đến năm 1577 lại theo chế độ trung lập. Lịch sử của họ từ lâu riêng biệt hẳn với phần còn lại của nước Bỉ. Suốt thế kỷ XVIII các giám mục thuộc gia đình Bavière giữ ghế chủ-giáo, tranh chấp với người Liège; và, vốn là những nhà tư-giáo chuyên chế, muốn bãi bỏ các quyền tự do của dân Liège. Một cuộc xung đột đâm máu thất lợi cho người Liège. Năm 1684 một Qui luật bắt họ phải chịu tiêu hủy chủ-quyền quốc gia của họ.

Trong gần một thế kỷ, khắp nơi đều yên tĩnh. Đến năm 1789, các biến cố ở Pháp tán thưởng ảnh hưởng của Bách-khoa toàn-thư trên tinh thần các nhà ái-quốc Liège. Một cuộc cách mạng nổ bùng, các thị trưởng bị đuổi đi và người ái-quốc thay thế họ. Vị Hồng-Y chủ giáo phải thừa nhận việc bổ nhiệm những người này. Cuộc cách mạng ở

Liège cũng ngăn ngủi như cuộc cách mạng ở Brabant. Năm 1791 nước Áo đem binh tới lập lại quyền hành của Hồng - Y chủ - giáo. Nhưng cũng chỉ được ít lâu thôi, bởi đến 1792, ngay sau trận Jemmapes, Dumeuriez trước thêm cổ của người Liège, biểu hiệu quyền tự trị của các thị xã, đã tán dương người Liège như là « những chiến sĩ ưu tú của cách mạng nhân dân thực sự » và đến năm 1794 vị chủ giáo cuối cùng bị truất phế, còn hầu-quốc thì sáp nhập vào nước Pháp.



1. The first step in the process of
the development of the human mind
is the acquisition of language. This
process begins at birth and continues
throughout life. The child learns
to use words to express his thoughts
and feelings. This is the first step
in the development of the human
mind. The child learns to use words
to express his thoughts and feelings.
This is the first step in the
development of the human mind.

CHƯƠNG VII

CHẾ ĐỘ PHÁP.

Sự can thiệp của hoàng-đế Áo giúp vua Louis thứ XVI đưa các Xứ-Hạ vào một cuộc chiến tranh chống Nghị-Hội Ước-Pháp. Cuộc thắng trận của Dumouriez ở Jemmapes bắt buộc người Áo lần đầu tiên phải bỏ nước Bỉ năm 1792. Đến năm sau, 1793, họ trở lại và bị Jourdan ở Fleurus đuổi ra khỏi nước Bỉ vĩnh viễn, ấy là ngày 25-6-1794. Nước Bỉ đã sáp nhập vào nước Pháp và phải chia xẻ số phận với Pháp cho đến khi đế-quốc chấm dứt. Các đạo quân cách-mạng Pháp được đón tiếp ở Wallonie như những đạo quân giải phóng. Những tư tưởng đưa đến cuộc bùng nổ năm 1789 đã lộ ra trên đất Bỉ.

Chế độ cũ dựa trên đặc quyền và tổ chức nghiệp hội

đột nhiên được thay thế bằng chế độ bình đẳng. Trong thời kỳ Cách-mạng và thời Tổng-tái-chế sự biến đổi cấp tiến này gây bất bình sâu xa trong giới quý tộc và giai cấp tư hữu. Hơn nữa nước Bỉ bị khai thác nặng nề để cung cấp cho nhu cầu của nước Cộng-Hòa mới. Các cuộc trưng thu của nhà binh không chút nương tay. Tự tự do trên khắp các lãnh vực được ban hành nhưng đạo Thiên Chúa bị ngược đãi và của cải của giáo-hội bị cướp bóc hay sung công. Giáo-hội cũng mất luôn vai trò xã-hội vì qui chế mới thiết lập về hộ tịch : việc đăng bộ giá thú và sinh, tử không còn thuộc quyền Giáo-hội. Cuộc trưng binh càng làm cho sự bất mãn thêm tràn đầy. Dân quê nổi loạn, nhất là ở Hageland và Campine, họ bị đàn áp tàn nhẫn. Chế độ chiếm đóng quân sự kéo dài tới thời đế quốc biểu lộ một lối tập-trung quyền hành-chánh rất hà khắc. Xứ này bị chia ra làm chín quận.

Thời đế-quốc cải thiện tình thế. Dân luật cũng như hình luật được thống nhất vì ban hành Luật Nã-Phá-Luân. Nền trung-học được cải cách. Năm 1808 thể chế Đại-học Hoàng-gia đặt cả ba cấp : đại, trung, tiểu học dưới quyền kiểm soát quốc-gia.

Sự quá tin ở đế-quốc không phải là không có hiệu lực ở Bỉ cũng như nơi khác. Rất nhiều bác lính già thời Đế nhất Đế-Chinh gốc ở Flandre hay Wallonie.

Khi Nã-Phá-Luân đổ, Hội-nghị Vienne sáp nhập Bỉ vào Hòa-Lan để lập thành Vương-Quốc các Xứ-Hạ dùng làm hàng rào ngăn cản các mưu toan bành trướng của nước Pháp.

oOo

Cuộc đô hộ Pháp ảnh hưởng rất lớn trên địa hạt kinh tế. Cuộc phong tỏa lục-địa rất thuận tiện cho nền kỹ-nghệ thoát khỏi những ngăn trở cuối cùng của nghiệp-hội. Ngành dệt vải ở Gand và mỹ-nghệ nỉ (dạ) ở Verviers tiến triển thêm nhờ cơ-giới-hóa đang lên. Kỹ-nghệ sắt được kiện toàn và khuếch-trương. Cửa bể Anvers, tuy hoạt động trên mặt bề bị giảm đi vì chiến tranh liên-tiếp với nước Anh, cũng được xây lớn lên theo các họa đồ Bonaparte Đệ-nhất Tổng-tài phát họa. Việc canh tác kỹ-nghệ được đưa vào Flandre và Wallonie nhưng bị trở ngại vì thiếu nhân-công do các cuộc chiến-tranh của Đế-quốc làm tiêu nhân số một cách ghê gớm. Việc trồng củ cải để thay mía có kết quả tốt đẹp. Sau đến các hệ thống đường xá và thủy lộ cũng được bỏ khuyết.

Ảnh hưởng tinh thần cũng không kém. Sự kiểm duyệt hạn chế tự do ngôn luận nhưng không ngăn cản trào lưu tư tưởng và văn chương. Nhưng việc dùng tiếng Pháp

làm ngôn ngữ chính thức có hiệu quả làm cho sinh-ngữ Flamand thoái bộ, sự thoái bộ này đã khởi đầu từ trước khá lâu.

Người ta có thể tưởng tượng rằng sự thể có thể khác đi chăng? Không còn nghi ngờ chút nào, cuộc cách-mạng đã thống nhất nước Pháp, nhất là về ngôn ngữ. Chính bây giờ là lúc danh-từ Quốc-gia mang đầy đủ ý nghĩa. Tu sĩ Grégoire đã kêu lên một cách ngây thơ: «Chiến-tranh với thổ-ngữ!» Và đối với ông các thổ ngữ ấy là: tiếng *basque*, *provençal*, *breton* hay *catalan*, tóm lại tất cả các thứ tiếng địa phương mà người ta khó lòng khinh bỉ coi như thổ-ngữ. Làm thế nào tiếng Pháp là tiếng mà Rivarol đã tự hào về tánh cách đại-dồng trong tập ký sự nổi tiếng được giải thưởng của viện Hàn-Lâm Bá-Linh (Berlin) lại có thể chịu lùi bước trước tiếng *Flamand* ở Gand hay ở Anvers hơn là Dunkerque hay Hazebrouck?

Tuy thế lửa vẫn âm ỷ dưới lớp tro tàn. Tiếng nói flamand lại sắp hồi sinh. Kề cũng thú vị mà nhận thấy rằng người đầu tiên có công trong sự phục hồi này là con trai một viên chức Pháp của Đế-Quốc, nhà tiểu thuyết bình dân Henri Conscience, đã dạy dân đọc «tiếng mẹ đẻ của họ».

Khi chế độ Pháp chấm dứt, những tư tưởng bắt nguồn từ cuộc Cách-mạng Pháp đã ăn sâu vào đất Bỉ. Các cơ cấu của chế độ cũ đã biến mất không còn hy vọng tái-sinh.



CHƯƠNG VIII

VƯƠNG QUỐC XỨ-HẠ VÀ CUỘC CÁCH MẠNG NĂM 1830

Do Anh xúi giục, một trong những quyết định quan trọng nhất của Hội-ngị Vienne là sự kết-hợp Bỉ và Hòa-Lan thành một nước độc nhất dưới quyền Guillaume Ier d'Orange. Các cường quốc Âu-châu đặt điều kiện: phải kính trọng tất cả các tôn giáo, người Bỉ và người Hòa-Lan đều bình đẳng về việc cử đại biểu vào Quốc-Hội, công bằng trong việc phân phối các nhiệm vụ và lợi lộc giữa hai dân tộc.

Một ủy ban Bỉ-Hòa-Lan soạn thảo hiến pháp, thiết lập hai viện lập-pháp bảo đảm các tự do dân sự, tự do tín ngưỡng và tự do báo chí.

Hòa-Lan và Bỉ như vậy có thể hợp thành một nước quân chủ hùng cường. Về kinh tế, Hòa Lan là xứ chuyên về thương mại, về có nhiều thuộc địa sẽ cung một thị trường tốt đẹp cho nước Bỉ kỹ nghệ đang tiến mạnh nhờ cơ-giới hóa. Nhiều xí nghiệp lớn được thành lập như « Tổng Công ty Tán-trợ Kỹ-nghệ Quốc-gia ». Kỹ-nghệ than tiến một bước dài, theo sau là kỹ nghệ sắt.

Khốn một nỗi Guillaume Ier là người thừa kế các vị quân chủ « sáng suốt » của thế kỷ trước có những khuynh hướng độc tài, điều người ta không thể chịu đựng nổi sau cuộc Cách mạng Pháp. Ông va chạm dư luận khi ông hạn chế tự do báo chí là việc đã được Hiến-pháp bảo đảm. Ông mất tin nhiệm của giáo đoàn vì theo đuổi việc canh-tân học-chánh bằng cách đặt nó dưới sự kiểm sát của chánh phủ. Mặt khác, món nợ Hòa-Lan mà Bỉ phải gánh chịu một nửa quá lớn lao, muốn trả dần phải đặt ra nhiều thuế rất nặng. Cuối cùng trở ngại lớn nhất cho sự hòa hợp thật sự là hai nước từ lâu đã theo tôn giáo khác nhau và ảnh hưởng văn minh Pháp đã quá sâu xa ở Bỉ khiến cho khó mà liên kết chặt chẽ được với Hòa-Lan. Ảnh hưởng Pháp mạnh hơn bao giờ hết vì sự hiện diện ở Bỉ của một số khá đông những người theo Nã-phá-Luân và những đảng viên cộng hòa bị trục xuất ; đứng đầu những người này là họa sĩ trứ danh

Louis David, ông đào tạo học trò ở Bỉ và gây ra một cuộc hồi sinh mạnh mẽ cho nền mỹ-thuật.

Sự phản đối vua Guillaume ngày càng tăng lên đến năm 1828, người Thiên Chúa giáo và đảng viên tự do đều muốn hạn chế quyền lực của nhà vua nên liên kết với nhau, người Thiên Chúa giáo đòi tự do về học chánh, đảng viên tự do đòi tự do báo chí. Trước sự đồng lòng này Guillaume trả tự do cho báo chí và nói rộng phần nào tự do cho nền học chánh. Nhưng các nhượng bộ này đến quá chậm không làm dịu được lòng dân quá sôi nổi. Nếu phần đông người Thiên Chúa giáo và phái tự do chỉ đòi chia đôi nền cai trị hai xứ thì những người cực đoan của cả hai phái lại chủ trương sự chia rẽ không điều kiện.

oOo

Tin cuộc cách mạng tháng bảy ở Pháp làm cho các biến cố dồn dập tới. Một việc rắc-rối bất ngờ, buổi trình diễn vở ca kịch « La muette de Portici » của Auber tại rạp Monnaie ở Bruxelles đưa lên sân khấu cuộc chiến đấu cho nền độc lập của dân tỉnh Naples là cơ hội cho một cuộc dấy loạn của nhân dân bùng lên vào cuối tháng tám 1830. Cuộc cách mạng mở màn.

Một đạo vệ quốc quân được lập ra để giữ trật tự trong lúc các thân hào xin vua chấp thuận yêu sách của dân Bỉ. Lúc Guillaume I nghĩ đến việc nhận cho tách đôi về mặt hành chánh thì các cuộc rối loạn bùng nổ trong nhiều thành phố. Hoàng tử Frédéric được lệnh đem quân đến Bruxelles. Thế là dân chúng Bruxelles đứng vào cuộc tranh đấu vũ trang, có dân quê ở quanh miền và những người tình nguyện ở các tỉnh khác như Tournai, Borain, Liège đến phụ giúp. Từ 23 đến 26 tháng chín trận đánh diễn ra chung quanh Parc de Bruxelles và cuối cùng người Hòa-Lan phải đánh tháo lui. Tin thắng trận đã làm cho giới trưởng giả và giới quý tộc còn ngập ngừng và ủng hộ Guillaume, ngã về phe Cách-mạng.

Một chính-phủ lâm thời thành lập ở Bruxelles trong lúc các biến cố xảy ra, đã bác bỏ sự thừa nhận chậm trễ của Guillaume về việc tách đôi nền hành chánh, tuyên cáo nước Bỉ độc lập và đặt một hiến-chương cho quốc-gia mới, triệu tập một Đại Hội Quốc-gia.

Các cường quốc Âu-châu không hưởng ứng lời kêu gọi giúp đỡ của Hòa-Lan để dẹp cuộc cách-mạng. Nước Nga lúc ấy còn bận về việc Ba-Lan nổi loạn, nước Phổ (Prusse) thì sợ xung đột với Pháp vì Pháp ủng hộ Bỉ. Nước Anh giữ một thái độ thân thiện, vận động mở cuộc đàm

phán ở Luân-Đôn. Hội nghị Luân-Đôn công nhận nền độc lập và trung lập của Bỉ vào cuối năm 1830.

Hòa-Lan không chịu chấp nhận quyết nghị này, cố dùng sức mạnh để chiếm lại đất Bỉ. Họ vấp phải một đạo quân Pháp và bị đánh lui. Năm 1832 Hiệp-ước Hai mươi bốn điều do cuộc Đàm-phán ở Luân-đôn soạn thảo buộc Guillaume công nhận nền độc lập của Bỉ. Vì sự ủng hộ của Pháp, vì các đạo quân của thống chế Gérard và tướng Belliard, quân Hòa-Lan bị đánh bật ra khỏi thành Anvers là nơi họ còn chiếm giữ.

Ngày 10-11-1830 Đại Hội Quốc-gia bắt đầu thảo hiến-pháp Bỉ. Đa số nhân viên Đại-hội có tinh thần cộng-hòa. Có người, một số rất ít, muốn sáp nhập với Pháp. Những kẻ bảo đảm cho Bỉ là hai nước quân chủ Anh và Pháp không chấp thuận chế độ cộng-hòa. Chính thể quân chủ được thừa nhận song bị ràng buộc trong những giới hạn chặn đứng mọi uy-quyền cá nhân của nhà vua. Người Bỉ do kinh nghiệm trong nhiều thế kỷ đã hiểu rõ những sự không hay của uy quyền cá-nhân. Người ta dự phòng tất cả để ngăn ngừa nó tái hiện. Thêm nữa các quyền tự do rộng rãi phát sinh từ cuộc Cách-mạng đã được thừa nhận.

Ngôi vương nước Bỉ mới đầu được dâng cho quận công De Nemours, Con trai thứ hai của Louis-Philippe.

Ông này từ chối không cho con nhận, sợ phản ứng mạnh mẽ của các cường quốc, vì hẳn các cường quốc sẽ không thích thấy ảnh hưởng Pháp trở lại đất Bỉ. Hội nghị suy nghĩ tìm một ông hoàng trong xứ, Mérode hay Ligne, sau hiến ngôi báu cho Léopold de Saxe-Cobourg.

Ngày 21-7-1831 ông này lên làm vua nước Bỉ và tuyên thệ theo hiến-pháp. Bởi thế ngày 21-7 là ngày lễ quốc khánh ở Bỉ.

o O o

Các nhân vật lỗi lạc dự cuộc xây dựng nước Bỉ năm 1830 đã nhiễm đầy tư tưởng Cách-mạng Pháp và các nguyên tắc của bản tuyên ngôn nhân quyền.

Đồng thời người Thiên Chúa giáo Bỉ công nhận Lamennais là người dẫn đạo tư tưởng họ. Người ta biết rõ ảnh hưởng mà sau ông đến một người trong họ Montalembert, thông gia với những vọng tộc ở Bỉ, và sau nữa đến Albert de Mun, đã đưa vào các thể hệ người Thiên Chúa giáo ở Bruxelles, Liège và Louvain.

Hiến pháp Bỉ, thường được kể như gương mẫu ở Âu-châu, là thứ hiến pháp đại nghị và tự do. Tại Đại Hội Quốc-gia Alexandre Rodenbach, ông chủ của tác giả

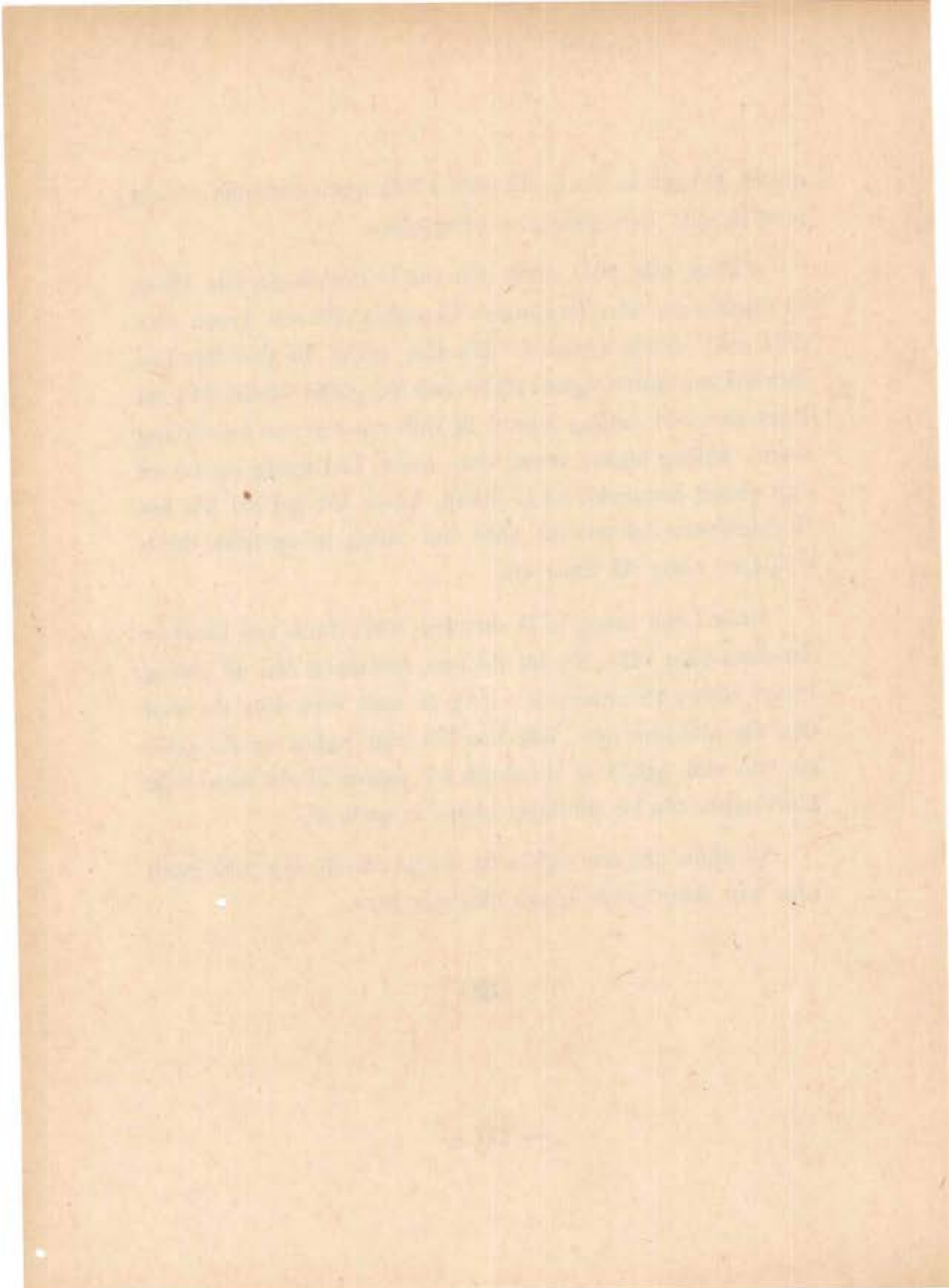
quyền Bruges la Morte đã nói: « Nền quân-chủ của chúng ta sẽ là một nền quân-chủ cộng-hòa ».

Không cần phải nhắc đến các lý-thuyết-gia của Pháp từ Condorcet đến Benjamin Constant đã rèn luyện tinh thần cho những người đỡ đầu cho nước Bỉ độc lập. Chỉ nhớ tới bao nhiêu người Pháp anh dũng đến chiến đấu tại Bruxelles với những người Bỉ tình nguyện vận áo choàng xanh, những người trong đạo quân Lê-dương Ba-Lê và anh chàng Jenneval, ca sĩ thành, Lyon tác-giả lời hát bài Brabançonne và sau đã chết oai hùng trong trận đánh ở Lierre cũng đã thừa đủ.

Cuộc Cách mạng Bỉ là đòn thứ nhất đánh vào tổ chức Âu-châu năm 1815. Nó lật đổ bức rào dựng lên để chống Pháp. Henri Pirenne nói: « Ấy là một việc lớn do một dân tộc nhỏ làm nên. Khi hòa lẫn chủ nghĩa tự do quốc gia vào chủ nghĩa tự do chính trị người Bỉ đã đưa cuộc khởi nghĩa của họ đến một phạm vi quốc tế.

Số phận của chủ nghĩa tự do và chế độ lập hiến hình như tùy thuộc cuộc tranh đấu của họ ».





CHƯƠNG IX

TỪ 1830 ĐẾN 1914.

Như chúng ta đã nói, cuộc cách-mạng Bỉ năm 1830 không có dự tính trước. Nó phát sinh do sự ngẫu nhiên: vở kịch Muette, sự ngoan cố của Guillaume I và sự ngẫu hợp của các điều kiện kinh-tế: sinh hoạt đắt đỏ và nạn thất nghiệp gây bất mãn sâu xa trong dân chúng, nhất là ở Bruxelles. Một nhóm nhỏ mấy nhà trí thức mà người cầm đầu là luật sư hùng biện Alexandre Gendebien, nhóm này có Louis de Potter thuộc học phái của triết gia Saint Simon lập thành «Phái người Pháp». Hai người này ở trong đoàn đại biểu ngày 3-9-1830 đi đề nghị với Hoàng-tử d'Orange, con trai cả đức vua về việc «tách rời hành chánh lập pháp và tài chánh của hai xứ cùng đặt chung

dưới một triều vua». Sự ngang ngạnh và kiêu căng của nhà vua, cái giọng làm cao của báo chí ở La Haye coi người Bỉ như những kẻ bướng bỉnh, vô lại đưa đến sự đổ vỡ hoàn toàn.

Nhân viên Đại Hội Quốc-gia ngày 7-2-1831 tạo một hiến pháp cho nước Bỉ độc lập phần đông là người trẻ trung, có tinh thần mới, không có nhiều kinh nghiệm chính trị. Họ đang phấn khởi trong tư tưởng lãng mạn. Nhờ người Thiên Chúa giáo và phái tự do biết nhường nhịn lẫn nhau mà Đại Hội làm được công cuộc tốt đẹp: thảo bản Hiến-ước căn bản mà về sau chỉ phải sửa đổi có hai lần vào năm 1894 và 1921. Bản Hiến-ước này công nhận các quyền cá nhân không thể thất hiệu: tự do cá nhân, bất xâm phạm gia cư, bình đẳng trước pháp luật. Ngoài ra Hiến ước còn tuyên bố tự do tín ngưỡng, các tự do: báo chí, hội họp, lập hội, thỉnh nguyện, dạy học và sử dụng ngôn-ngữ. Sau hết, và là điều quan trọng hơn cả, Hiến-ước tôn trọng quyền tự trị của các tỉnh, các xã theo tập tục từ xưa.

Nước Bỉ trẻ trung bắt các cường quốc có mặt tại Hội nghị Luân Đôn phải thừa nhận mình. Talleyrand khôn khéo, vô luân, đã gần tám mươi tuổi, đại diện cho nước Pháp, tử tước Palmerston đại diện nước Anh. Ngày 20-12-1830 các cường quốc công nhận nền độc lập của Bỉ. Ngày

20 tháng giêng năm sáu họ chấp thuận đường giới-tuyến giữa hai nước chia cách là biên giới năm 1790 giữa các Xứ-Hạ thuộc Áo và các Tỉnh Hợp-nhất. Nước Bỉ thấy bị mất khoảng dòng sông Meuse cho đến Maestricht và một phần lớn hầu quốc Luxemdourg cũ, xứ khi xưa đã trao cho Bohême một ông vua : Jean l'Aveugle.

Những người cầm đầu Cách-mạng phản đối. Nhưng theo bản năng họ cảm thấy trước tất cả mọi sự, họ cần phải xác định qui chế, xác nhận trước thế-giới phẩm cách quốc-gia trẻ trung dù là có bị cắt mất phần nào. Nhóm người chủ trương sáp nhập với nước Pháp hay ít ra cũng liên kết riêng tư với xứ này, không thắng được phái trên. Các nhà lập hiến muốn có một chính thể quân chủ đại nghị. Bởi không một hoàng tử nào của nước Bỉ chịu nhận ngôi vua nên người ta nghĩ đến một hoàng tử Pháp, quận công De Nemours con trai thứ hai Louis Philippe hay quận công de Leuchtenberg con trai hoàng tử Eugène de Beauharnais, là cháu của Joséphine. Trước sự phản đối triệt để của Anh, Đại Hội quốc-gia thấy tình trạng rối rắm thêm nên khôn khéo quyết định cử người Nhiếp-chánh cho tân vương quốc. Ngày 24-2-1831 Đại hội trao danh dự này cho vị chủ tịch Đại-Hội, nam tước Surlet de Shokier, sinh trưởng ở Liège, nhiều kinh nghiệm, tánh tình giản dị và dịu hiền, đức thanh liêm của ông đã được mọi người khâm phục.

Ngày 26 tháng ba, sau nội các đầu tiên ngăn ngủi ông chỉ định một chánh phủ do Joseph Lebeau, luật sư cầm đầu sau là tổng trưởng Ngoại-giao và cùng với Charles Rogier (gốc Pháp) đã tổ ra những người tài giỏi nhất trong những ngày khó khăn này. Ông rất ghét những thói my dân và chống thái độ hiếu chiến của những người quá hăng hái, những người này không thiếu gì, chính ông đã nghĩ ra việc đưa lên ngai vàng nước Bỉ hoàng tử Léopold de Saxe-Cobourg Gotha. Sinh ở Cobourg năm 1790 ông hoàng này đã chiến đấu trong hàng ngũ quân đội Nga ở Bautzen và Leipzig. Sau chiến dịch ở Pháp, ông tới Luân-đôn xin nhập tịch dân Anh và ngày 2-5-1816 cưới công-chúa Charlotte người kế vị ngôi vua Anh-quốc. bà này qua đời ngay năm sau. Vị hoàng tử «trượt» này rất có uy thế trong triều đình nước Anh. Ông là một cố vấn được vị nữ hoàng trẻ tuổi Victoria quý trọng và ở Âu-châu người ta luôn luôn hỏi ý kiến ông như một nhà «hiền triết lão thành». Trước ngôi vua nước Bỉ, người ta đã hiến ông ngai vàng ở Hi Lạp. Ông rất đẹp trai. Bức chân dung ông do Liévin de Winne vẽ nay viện Bảo-tàng tối tân thành phố Bruxelles còn giữ khiến người ta chú ý ngay đến dáng điệu vừa cương quyết vừa thanh nhã của ông. Với một cá tính mạnh mẽ như ông, thỉnh thoảng ông phải khó khăn mới-chọn được những sự kiềm chế mà Hiến-pháp Bỉ trông lên quyền nhà vua. Nhưng thận trọng và khôn

ngoan, ông biết dùng quyền của mình đối với các đồng bào mới — chúng ta không thể gọi được là các thần-dân của ông — Người ta kể về ông nhiều giai-thoại : ông vừa hiền lành vừa chua chát với người Bỉ — thái độ mà sau này đôi khi người ta còn thấy ở Albert đệ nhất cháu ông.

Theo lời khuyên của Lebeau và Sylvain Van de Weyer, nước Bỉ nhận các điều khoản sơ bộ về hòa bình ngày 26-6-1831 dưới cái tên Hiệp-ước Mười Tám Khoản. Bỉ mất xứ Flandre Zélandaise. Kể ra, trên thực tế, xứ này đã mất từ năm 1648 tức là mất quyền kiểm - soát miền Bas-Escaut, nhưng Bỉ hy vọng vào lúc giải quyết chung cuộc sẽ giữ được Maestricht, Venloo, Ruremonde và Luxembourg. Có một thiếu sót hiều động chống đối kịch liệt các điều khoản sơ bộ. Lebeau bị xỉ vả thậm tệ và bị hăm dọa giết chết. Ông vẫn không sờn và ngày chín tháng bảy Đại-Hội quốc-gia phê chuẩn Hiệp-định. Ngày 21, Léopold I từ Anh tới do ngả Dun-kerque và La Panne vào thành Bruxelles và tuyên thệ trung thành với Hiến - pháp và luật lệ của dân tộc Bỉ tại Công-trường hoàng gia.

o O o

Buổi đầu triều-đại này rất khó khăn. Vua Hòa-Lan không chịu thua cuộc cách-mạng Bỉ, đột nhiên trở lại tấn công với một đạo quân viễn-chinh hùng - hậu, trang bị đầy đủ, có kỷ luật và một lòng quyết chiến. Nước Bỉ mới vừa thành lập chỉ có một đạo quân thừa thớt, ộ-hợp và một số đạo thương lâm binh khí.

Quân Hòa-Lan không phải khó nhọc gì để tách rời đạo quân ở Escaut khỏi đạo quân trên sông Meuse. Cuộc hành quân mười ngày đã mở đường cho họ tiến về Bruxelles.

Nhưng Léopold I theo lời khuyên của Joseph Lebeau — người mà người ta gọi là « Người Luân-Đôn » — cấp tốc cầu cứu Louis Philippe để được viện trợ quân sự. Nhờ bá-tước Belliard đại diện Pháp ở Bruxelles, người Bỉ vui mừng nhìn thấy một đạo quân Pháp kéo đến thành Anvers do thống-chế Gérard chỉ huy. Quân Hòa-Lan tức giận triệt thoái.

Nhưng lúc ấy nước Anh, không rõ sợ mưu mô gì của Talleyrand, đòi cho được quân của Gérard rút lui. Ngày 14-10-1831 Hội-nghị Luân - Đôn quyết dứt khoát các điều khoản của Hiệp-ước Hai Mươi Bốn Điều, lấy hẳn đi của Bỉ các miền : Maestricht, Venloo, Ruremonde và Limbourg nay thuộc Hòa-Lan, một nửa Luxembourg để lập

đại hầu-quốc Luxembourg hiện thời nhưng bấy giờ thì hiến cho vua Hòa-Lan trước tiên.

Ngoài ra, một thứ thuế thông-lưu trên sông Escaut thiết lập cho Hòa-Lan hưởng (thuế này ba mươi năm sau phải bãi bỏ).

Tại Bỉ mọi người thất vọng, sững sốt. Nhưng Guillaume I còn khước từ vì cho rằng Hiệp-ước... có lợi cho Bỉ nhiều quá. Mãi đến ngày 19-4-1839 văn kiện này mới được ký kết xong tại Luân-Đôn. Tại nghị-viện Bỉ một tháng trước đó Alexandre Gendebien từ chối không chịu phê chuẩn và kêu lên: « Không! Ba trăm tám mươi ngàn lần không cho con số ba trăm tám mươi ngàn người Bỉ mà các ông hy sinh cho sự sợ hãi ».— ám chỉ số người Limbourg và Luxembourg cắt ra khỏi nước Bỉ— Bốn mươi một người thuộc phe đối kháng theo ông. Năm mươi tám đại biểu thì cam chịu. Hiệp-ước 1839 tạo thành qui-chế pháp-lý trên trường quốc-tế cho nước Bỉ mãi đến năm 1914 mới tiêu diệt vì cuộc xâm lấn của Đức. Do qui chế này nước Bỉ tuyên bố là nước trung lập, một thứ trung lập vô trang, vĩnh viễn, bắt buộc và bảo đảm bằng các chữ ký của Pháp, Anh, Phổ, Áo và Nga.

Nước Bỉ, theo lời Louis Philippe trở thành « khung tò vò cho nền trật-tự Âu-châu ». Nhưng người ta thấy năm

1914 nước Đức đã xem thường « mảnh giấy lộn » bảo đảm cho qui-chế của Tân Quốc-gia ấy như thế nào. Những lãnh tụ khôn ngoan nhất, trong số có Joseph Lebeau là người trước tiên vạch rõ rằng trung lập không có nghĩa là bất lực, và cái chế-độ người ta phát-minh ở Luân-Đôn không thể xâm phạm vào chủ quyền của Bỉ. Dầu vậy nó vẫn là một thứ quyền sai áp nặng-nề chi-phối nước Bỉ suốt thế kỷ XIX. Trong một vài đảng phái, có những người, kể một người làm thí dụ, như bá tước Charles Woeste lấy cơ trung lập bắt buộc và đã được bảo đảm để ru ngủ dân-tộc Bỉ trong sự an ninh giả dối và làm tê liệt tất cả các nỗ lực để phòng thủ quốc-gia một cách hữu hiệu. Những người chống quân-phiệt thậm tệ ở Bỉ thường là những người thuộc phái bảo-thủ.

oOo

Léopold I kết duyên với Louise Marie, con gái Louis Philippe. Từ cuộc hôn nhân này sinh ra ba người con : Léopold, quận-công Brabant, ngày 9-4-1835 — về sau ông lên ngôi lấy tên là Léopold II; Philippe, bá-tước Flandre, cha của Albert, vị vua tương lai; và Charlotte, bà này kết hôn với đại quận công Maximilien, hoàng đế một ngày ở Mê-Tây-Cơ (Mexique) bị bắn ở Queretaro năm 1867. Sau tấn thảm kịch này bà hóa điên. Bà chết

khi tuổi đã cao ở lâu đài Bouchout gần Bruxelles mà tri khôn vẫn không phục-hồi.

Nền kinh tế Bỉ phát-triển rất mạnh dưới thời Léopold I, dân số tăng lên gấp đôi trong khoảng một thế-kỷ. Chính ở đất này đường thiết-lộ đầu tiên được đặt trên lục-địa (từ Bruxelles đến Malines).

Cuộc rối loạn năm 1848 không có phản hưởng gì nhiều đến nước Bỉ. Những cuộc Hội họp Cộng-hòa càng ngày càng nhiều ở Bruxelles. Hai ngàn thợ miền Lille toan xâm lấn Bỉ để gây ở đây một cuộc náo động cách-mạng. Họ bị mấy đạo bộ-binh trong quân đội Bỉ chặn lại ở Risquons-tout gần Mouseron không chút khó khăn. Léopold I là tay cáo giả cho kín đáo phao tin đến người Bỉ rằng ông có thể xin từ chức. Cố nhiên là người ta xin ông ở lại. Nghị sĩ Delfosse liền tuyên bố tại diễn-đàn nghị-viện: « Tự-do đi vòng quanh thế-giới không cần phải đi qua đất nước chúng ta. »

oOo

Nước Bỉ đã gặp nhiều khó khăn nhất về phía nước Pháp thời Napoléon III. Người của ngày 2-12 không khi nào tha thứ nước Bỉ đã rộng rãi tiếp nhận những người Pháp bị trục xuất. Những người này như Hugo, Quinet,

Proudhon, Ranc, Bancel, Challemel Lacour, Victor Considérant đã gây cho nước Bỉ một ảnh hưởng lành mạnh trên phương diện tinh thần. Họ là thứ men cần thiết cho lớp bột tốt trong xứ dậy lên, một xứ mà người ta chú trọng đến đời sống vật chất hơn đời sống tinh thần. Những nhà chính-trị lưu vong ngoại quốc khác như Karl Marx, sử-gia Ba-Lan Lelewel hay đại tướng Prim cũng được hưởng quyền tị nạn là một trong những truyền-thống cao quý nhất của nước Bỉ. Napoléon III muốn xâm phạm đến quyền này và cả quyền tự do báo chí. Tổng-trưởng bộ Ngoại-giao Bỉ trả lời: « Không bao giờ ! »

Bỉ trao cho tướng Brialmont, một trong những đứa con yêu của đất nước, người được Âu-châu coi như một kỹ sư quân sự thiên tài, việc thực hiện một hệ-thống pháo đài rất đầy đủ để ngăn chặn các cuộc xâm-lăng, phòng tuyến này đến 1914 bị phá hủy vì trái phá của Áo.

Léopold I từ trần ngày 10-12-1865 để lại cho mọi người bao niềm thương tiếc. Con trai cả ông, Léopold II lên ngôi vua lúc ba mươi tuổi. Ông là một người có nhiều trí lực phải ở trong cảnh chật hẹp của một xứ nhỏ dân chủ và lập hiến như nước Bỉ. Người ta nói về ông: « Ấy là một ông khổng lồ trong tầng nhà sát mặt đất. » Ông nhìn rộng. Là một ông vua thích xây cất ông có một thị hiếu của một ông hoàng Mạnh-Thường-quân thời Phục-

Hưng. Ông học rất rộng, đã du-lịch nhiều sang Phi-châu và Âu-châu trước khi tức-vị. Ông mơ màng một chính sách đế-quốc, những công cuộc đại kỹ-nghệ như ở Trung Hoa, Nga, Ấn-Độ và các nơi khác cho cái xứ bé nhỏ không thủy-quân, không cả quân đội lớn mạnh của ông. Ý kiến kỳ diệu của ông là việc sáng tạo ra công cuộc vĩ đại ở Congo nó đem cho nước Bỉ bé nhỏ ở giữa các địch thủ bạo cường một trong những thuộc địa rộng nhất và giàu nhất thế giới. Đó là một kiệt-tác của thuật ngoại-giao thời Léopold.

Năm 1876, Léopold II mở tại Bruxelles một hội-nghị địa-lý để nghiên-cứu trung-tâm châu Phi là nơi còn bí mật. Rồi đến việc thành lập Hội Quốc-tế Phi-châu, việc gửi những đoàn thám hiểm miền Đông, giữa Zanzibar và hồ Tanganyika. Và nhất là cuộc gặp gỡ của nhà vua với một nhà báo Mỹ gốc Anh, Stanley, đi tìm cha Livingstone. Giáo sĩ này là người đầu tiên đi xuyên lục-địa châu Phi từ đông sang tây và đã biết dòng sông Congo, ngày xưa là Zaïre.

Người ta đã biết đoạn cuối : việc thành lập Quốc-gia độc lập Congo, Léopold II trở thành chúa tể, đồng thời cũng là vị vua lập-hiến của nước Bỉ đa nghi với các cuộc xung đột với giới chánh-trị Bỉ vì một vài phương pháp khai thác xứ Congo. Cuối cùng năm 1908 nghị-viện Bỉ quyết

định sáp-nhập Congo mà Léopold II đã để lại cho Bỉ trong chúc thư năm 1889. Công cuộc nước Bỉ thực hiện trên đất này thực lớn lao. Quân sĩ chống chế-độ mại-nô ; nhà thông-thái chiến-đấu với các thứ bệnh truyền-nhiễm nhất là bệnh ngủ, nhà truyền-giáo mà người nhiệt thành cao cả nhất là Cha Damien đã đến với người hủi ở đảo Hawaii và qua đời ở đấy, tất cả đều đáng đợc nhân-loại ghi ơn.

oOo

Đồng thời với những giấc mộng phát-triển thương-mại, hàng-hải, và thuộc-địa và các kế-hoạch xây dựng, Léopold II còn một mối lo nghĩ lớn trong suốt triều-đại ông : tổ chức việc phòng-thủ quốc-gia.

Nước Bỉ thoát khỏi cuộc nhiễu-loạn năm 1870 một cách thần-kỳ. Bấy giờ Gladstone trình trọng tổng đạ cho hai đối phương biết rằng Anh sẽ chống tất cả các cuộc vi-phạm nền trung-lập Bỉ. Sau đó Léopold II nắm lấy tất cả cơ hội, thuyết-phục xứ (Anh) phải sửa soạn chống một cuộc xâm-lăng bất thần. Ngày 14-12-1909 trên giường hấp hối, một cái giường đơn sơ đặt trong những nhà gương của lâu đài Laeken, tòa lâu đài ông đã dày công trang hoàng, ông vua già hài lòng ký đạo luật thủ-tiêu việc rút thăm và việc đi lính thay, và, lập ra quân-dịch cá-nhân. Vị vua oai hùng

này có người con trai độc nhất lại chết trẻ. Người con yêu dấu mất đi để lại biết bao tiếc hận. Trong những bi kịch gia đình xen lẫn với hành vi chánh-trị của nhà vua có cái gì thống thiết như trong một bi-kịch của Shakespeare. Việc tranh giành kế-vị nhà vua cũng không kém thống thiết, trong đó các công-chúa bất hạnh đôi khi chính mình gây khổ cho mình chống với Quốc-gia Bỉ hoặc chống những cơ-cấu pháp-lý mà vị cố-hoàng đã tạo lập dưới bóng quốc-gia độc-lập Congo.

oOo

Léopold II không có con trai nối dõi, hoàng-tử Albert, cháu ông lên ngôi.

Nước Bỉ lúc bấy giờ đang ở thời kỳ thịnh-vượng, thế lực kinh-tế lên đến cực độ. Xứ này đất đai nhỏ hẹp nhưng trên địa-hạt kinh-tế chiếm một địa vị lớn (đứng thứ sáu và có khi lên hàng thứ ba) về hoạt động thương-mại trên thế giới.

Cùng với sự thịnh vượng vật chất, từ năm 1880, người ta phải chú ý đến sự phát triển rực rỡ về tinh thần và nghệ thuật.

Học-phái hội-họa và điêu-khắc của Bỉ về thế-kỷ XIX và XX là một trong những học-phái súc-tích nhất thế-giới.

Khoảng 1880-1890 nước Bỉ thêm vào cho đế quốc văn chương Pháp một tỉnh mới với những nhà văn như Charles de Coster, Camille Lemonnier, Maeterlinck, Emille Verhaeren và thế hệ ưu tú của nước Bỉ trẻ trung. Đồng thời một cuộc hồi xuân tương tự cũng phát hiện trong văn chương Flamand (nguyên ngữ của Hòa-Lan). Sau hết, âm nhạc cũng tiến bộ rất xa, miền Wallon với những thiên tài như César Franck hay Guillaume Lekeu, về phía Flamand có Gevaert, P. Benoît, Tinel. Ấy là chưa kể đến những cống hiến của nước Bỉ cận đại trong các khoa tự-nhiên học và sử-học đã chiếm được nhiều giải thưởng Nobel.

Nước Bỉ cũng như Bourgogne, rất sung sướng. Ở Bruxelles Anvers, Liège, Gand người ta thường tổ chức những cuộc triển lãm quốc tế khiến cho trong xứ lúc nào cũng có không khí hội hè liên miên không dứt. Cứ thế cho đến lúc cuộc chiến tranh 1914 bùng nổ,

ooo

Chúng ta không thể kết thúc chương này mà không nói vài lời đến vấn đề xã hội và phong trào thợ thuyền là những vấn đề quan trọng chính yếu về hậu bán thế kỷ XIX và khởi đầu thế kỷ XX. Về phương diện này, ở Âu-châu không có xứ nào đáng chú ý bằng nước Bỉ. Một nhà quan sát

Pháp trong một cuốn sách viết về Bỉ đã gọi xứ này là « Trường kinh-nghiem ».

Xứ này mới đầu là một xứ nhân-công rẻ, lương thấp và giờ làm việc nhiều. Karl Marx bị đày sang đây đã gọi xứ này là « Thiên-đường của Tư-bản ». Chủ nghĩa xã-hội đã thay đổi tất cả. Một chủ nghĩa xã-hội xây dựng, vừa lý-tưởng vừa thực-tế, có tính cách cụ thể. Nó không thích những cuộc tranh-luận vô vị chung quanh lý-thuyết. Marx đã sống ở Bruxelles. Nhưng các nhà xã-hội Bỉ không hề đọc đến tác phẩm của ông. Tuy thế, một trong những đệ-tử Pháp của Marx, nhà ngữ-học Hi-Lạp Bracke Desrousseaux thường nói : « Đảng xã-hội này mác-xít hơn tất cả các đảng xã-hội. »

Trước hết chúng ta hãy nhớ rằng Đảng thành lập năm 1886 tại một trong những ngôi nhà cũ kỹ của nghiệp-đoàn ở Công-Trường lớn tại Bruxelles, đảng không gọi là « Đảng Xã Hội » mà là Đảng Thợ thuyền Bỉ. Jean Volders, một trong những người sáng lập đã nói : « Chúng ta hãy cẩn thận, chữ xã-hội có thể làm cho nhiều người xa lánh chúng ta ». Người sáng-lập cố nhiên là những người tri-thức như bác-sĩ César De Paepe. Nhưng phần đông là thợ thuyền như Louis Bertrand thợ làm đá cẩm thạch, hay Edouard Anseele phát-ngôn-viên hăng hái của các thợ dệt ở Gand; có nhiều lúc họ biện-bác rất hay

như những nhà hùng-biến có thiên-tài. Tất cả đều là những người thực hành; họ đã lập hợp-tác-xã, nghiệp-đoàn, hội tương-tế. Lúc nào Đảng Thợ Thuyền Bỉ cũng dựa trên một hạ-tầng cơ-sở chắc chắn của tổ-chức kinh-tế. Khi người ta là xã-viên, đoàn-viên hay hội-viên tương-tế là tự-nhiên thành đảng-viên của Đảng.

Cuộc chiến-tranh 1940-1945 đã thay đổi tất cả; các nghiệp-đoàn tách ra khỏi Đảng, đòi quyền tự-trị tuyệt-đối. Ấy là chính-sách của « Hiến-ước Amiens » được thắng thế ngay do ảnh-hưởng càng ngày càng bành-trướng của những đảng-viên cộng-sản. Nhưng bọn này bộc-lộ mau chóng thâm ý của họ là muốn nắm lấy cơ-quan. Rõ rệt đến nỗi ngày nay nhiều hội liên-hiệp thợ thuyền, như ngành khoáng-sản hoặc ngành làm đá, không giấu rằng họ nhớ tiếc Đảng Thợ Thuyền Bỉ cũ mà nay Đảng Xã-Hội Bỉ đã thay thế. Cả những hợp-tác-xã và hội tương-tế say sưa tự trị không che đậy thiện cảm của họ đối với chủ-nghĩa xã-hội chính-trị và cũng không giấu rằng mình ủng-hộ chủ-nghĩa này.

Những nhà tri-thức lỗi lạc nhập vào Đảng Thợ Thuyền Bỉ rất nhiều. Danh tiếng nhất là Emile Vandervelde và Jules Dertrée. Người trước, mặc dầu tha thiết với chủ-nghĩa, mà ông là một trong những nhà chú-giải sáng suốt nhất, chú trọng đến thực tế, đến khuynh-hướng cải cách

có thể nói là di truyền từ bao giờ vốn là đặc tính của phong trào xã hội ở Bỉ. Do đấy ông luôn luôn có uy quyền lớn đối với các khối thợ thuyền, họ vẫn gọi ông một cách thân yêu: « Ông chủ ».

Chính nhờ lúc nào ông cũng tiếp xúc chặt chẽ với các khối thợ thuyền mà Paul-Henri Spaak có thể đem áp dụng chủ nghĩa thực dụng trong mọi hoạt động chính trị của ông, mà không có hại gì cho ông.

Henri Pirenne, trong cuốn « Lịch sử nước Bỉ » đã trình bày rằng Đảng Thợ Thuyền Bỉ với cơ sở vững vàng về công cuộc kinh tế (hợp tác xã, nghiệp đoàn, tương tế và cả đến những ngân hàng, xưởng máy và các hội bảo hiểm) trước hồi chiến tranh 1940 trở thành như một Nước trong Nước, năm người ta từ thuở còn ở trong nôi cho đến lúc xuống mồ.

Những cải cách rất tự nhiên: bình đẳng chính trị (phổ thông đầu phiếu, giáo dục bắt buộc, quân dịch, bị đa số người Thiên-chúa giáo chống đối mãi đến năm 1914, chứng tỏ chủ nghĩa xã hội Bỉ về hoạt động chính trị đã đứng riêng trên một lãnh vực rất cụ thể.

Đảng Thiên-chúa-giáo Bỉ cố cự mà từ lâu người cầm đầu đáng sợ vẫn là Charles Woeste, nắm toàn quyền từ năm 1886 đến 1914. Ông là hiện thân của Phản-động đối

với chủ nghĩa xã hội và đảng Tự Do xưa, đảng mà nhiều chính khách tên tuổi như Frère-Orban, Bara, Paul Janson, Paul Hymans đã làm nổi tiếng một thời.

Tuy thế từ 1890 phong trào dân chủ và xã hội mạnh mẽ đã lung lạc được một vài tầng lớp của phái Thiên-chúa-giáo này do ảnh hưởng của bá tước De Mun trước, sau do các chỉ dụ của Giáo-Hoàng : Rerum Novarum và Quadragesime anno.

Phái xã hội, cố nhiên, tố cáo các nghiệp đoàn Thiên-chúa-giáo đầu tiên như là những cái máy ru ngủ các tầng lớp thợ thuyền và làm cho họ rời bỏ Đảng Thợ Thuyền Bỉ. Bây giờ không còn ai có thể nghi ngờ lòng thành thực của những người như tu sĩ Daens, hay tu sĩ Pottiers mới đầu bị cấm truyền giáo, hay sử gia Godefroid Kurth đi đến mức tố cáo trong một bài diễn văn là « bọn tư bản nhiệt cuồng ». Chỉ có một người đã sống lâu hơn tất cả, nhắc lại thời kỳ anh dũng của phong trào dân chủ Thiên-Chúa giáo : bá tước Carton de Wiart.

Các nghiệp đoàn Thiên-Chúa giáo trở thành một lực lượng hùng hậu cần phải kể đến và ảnh hưởng cũng lớn trong đảng Xã-hội Thiên-Chúa-giáo là đảng kế vị cho đảng Thiên-Chúa giáo cũ và là đảng mà phái xã-hội ngày nay đang cộng tác trong chính-phủ.

Chỉ còn đảng cộng-sản là không mấy ai biết tới. Đảng thành lập ở Bỉ năm 1920 do những người cải-đảng của Đảng Thợ Thuyền vì cho rằng đảng này đã quá dè dặt. Đã lâu đảng cộng-sản vẫn chỉ có hai hay ba ghế ở nghị viện rồi lên được mười ghế so với tổng số hai trăm nghị sĩ. Sau chiến tranh 1940-1945, như đã dự phòng họ vượt một bước dài, nhưng họ cũng chỉ có được một phần mười tổng số trong nghị viện. Đảng xã hội xa lia họ rõ rệt về mưu lược, nếu không về chủ nghĩa.

Cũng nên ghi thêm việc tranh luận về ngôn ngữ, hay nói cho đúng hơn là cuộc đối-tính giữa Flandre và Wallonie thường làm phiền phức một cách nguy hiểm cho vấn đề chính trị Bỉ. Các đảng cổ truyền chia ra phái nói tiếng Flamand và phái chống nói tiếng Flamand. Người ta có thể nói là một cuộc chia ngang và chia dọc ở Bỉ.

Trước 1914 ở Bỉ có vấn đề Flamand. Phần nhiều yêu sách do phong trào Flamand đưa ra đều được thỏa mãn. Những người cầm đầu phong trào này ưa nói rằng ngày nay họ là kẻ « biền hộ ». Đúng hơn, đáng lẽ nói rằng họ muốn bảo thủ những vị trí đã đạt được.

Trái lại, nhất là sau chiến tranh 1940-1945, người ta đã thấy phát triển một phong trào Wallon rất hăng. Ngày nay có một tình trạng bất an của Wallon; nguyên do vì miền Flamand thắng thế trên phương diện nhân số hoặc kinh tế, còn miền Wallonie thì sút kém cả về phương diện sinh xuất lẫn phương diện tiến bộ về kỹ nghệ.

Người Wallon lúc nào cũng sợ bị lấn lướt vì mình thiếu số. Bởi vậy các khuynh hướng thành lập chế độ liên bang ngày càng bành trướng trong hàng ngũ của họ.



CHƯƠNG X

HAI TRẬN THỀ CHIẾN

Léopold II từ trần ngày 17-12-1909 không có con trai. Ngôi vua nước Bỉ vào tay cháu ông, hoàng tử Albert, con của Philippe, bá tước Flandre em vua vừa mất và của một công chúa dòng Hohenzollern Sigmaringen. Gần như một sự bất ngờ đã đưa vị hoàng tử đứng đắn, giản dị, ôn hòa, hơi nhút nhát, kết duyên với công chúa Elisabeth ở Bavières từ năm 1900 lên ngôi nước Bỉ. Chúng tôi đã nói Léopold II mất người con trai độc nhất và tiếp đó hoàng-tử Baudouin là anh cả của Albert, người đáng lẽ lên ngôi, cũng tạ thế. Dân Bỉ có cảm tình ngay với vua và hoàng hậu mới, Chúng ta đã biết ông vua trẻ này ham thích các vấn đề khoa học, kỹ-nghệ, xã-hội và thuộc địa. Ông cùng hoàng hậu tỏ ra thực có cảm tình với các văn nghệ-sĩ, họ là những người không hề được hậu đãi dưới hai triều vua trước.

Gia đình nhà vua tỏ ra một gia đình nề nếp trái hẳn một vài nếp « phóng dăng » đã có trong lúc cuối triều-đại oai hùng vừa qua, một vài kẻ quá nghiêm cần, thành thực hay nguy thiện, đã khai thác để chống người mà một nhà thơ trào phúng Áo đã gọi là « Léopold le Mal Aimé » trong nhan đề một cuốn sách gây nhiều tai tiếng. Trong xứ rất thịnh vượng, bằng chứng là các cuộc triển lãm quốc tế ở Liège năm 1905, ở Bruxelles năm 1910.

Tóm lại nước Bỉ, cũng như xứ Bourgogne, sống hạnh phúc, mặc dầu cuộc tranh chấp về chánh trị nội bộ rất gay go và cuộc tranh luận về ngôn ngữ bắt đầu trở nên sâu-sắc ; sự sâu sắc đã bộc lộ trong bức thư đệ trình đức Vua của Jules Destrée, thư mở đầu bằng những lời : « Tâu Hoàng Thượng, không có người Bỉ, Chỉ có người Flamands và người Wallons ». Hai đảng thiên tả : tự do và xã-hội tức bực vì từ 1884 đến giờ vẫn một chính phủ Thiên-Chúa giáo cầm đầu trong xứ tuy đa số đã bị sút kém đi lần lần, nhưng đến kỳ tuyển cử 1912 bá tước De Broqueville vận động khôn khéo lấy lại được đa số trái với sự chờ đợi của mọi người, trái với hy-vọng của các phái tả. Năm 1913 Đảng Thợ Thuyền Bỉ (xã-hội) quyết nghị một cuộc tổng đình công chánh trị, chống lại việc duy-trì phức-phiếu-chế làm sai lạc lối phổ-thông đầu phiếu lập ra từ 1893. Đã một lần, năm 1902, đảng này

phát khởi phong trào như vậy, không phải không gây ra một vài chương ngại nghiêm trọng. Hiệu quả ở Âu-châu rất lớn. Đảng Xã-Hội Áo cũng phản nản về chế độ tuyển cử của họ, một hôm họ đã kêu lên: «Chúng ta nữa, chúng ta cũng sắp nói năng như người Bỉ» và đòi tổng đình công về chính trị. Cuộc đình công năm 1913 ở Bỉ rất ôn hòa nhưng thật rộng lớn: tám trăm ngàn người dự. Những người cầm đầu nhắc lại với vị vua trẻ tuổi những lời mà họ đã kêu lên ngày vua đăng-quang, lúc vua tới bán-viên-đường trong nghị-viện để tuyên thệ theo hiến pháp: «Hoàng-thượng muôn năm! Chúng tôi muốn bình đẳng chính trị chứ không muốn gì khác. Đức vua thừa hiểu rằng phong trào của chúng tôi không chống lại ngài.»

De Broqueville, thủ tướng chính phủ cảm thấy cần phải nhượng bộ để vãn hồi tinh thần. Ông liền đưa Nghị viện biểu quyết một nghị án dự định xem xét lại hiến pháp với mục đích dân-chủ-hóa quyền đầu phiếu. Cuộc tổng đình công chấm dứt. Ta có thể nghĩ rằng: Ông vua trẻ Albert đóng vai trọng tài và cố vấn không lạ gì sáng kiến của bá tước De Broqueville là cho hai lãnh tụ đối lập: Paul Hymans phái tự do, Emile Vandewelde, phái xã-hội tham gia chính phủ ngay từ 4-8-1914 bởi trời Âu đã vẩn lên mây đen bão tố. Ít người Bỉ nhìn thấy. Họ có mắt nhưng họ không trông thấy. Nhưng có một người

nhận ra và biết rõ điều gì đang chờ đợi họ. Người đó là vua Albert. Ông đã nghe từ miệng Hoàng đế Đức thốt ra những lời đáng sợ, và viên thượng-thư của ông ở Berlin, nam-tước Beyens cũng thu lượm được những tin tức đe dọa, đến nỗi dầu họ hàng cả với Pháp và Đức vị vua trẻ vẫn lấy trách nhiệm thông báo mọi việc cho chánh phủ Pháp. Cuốn Hoàng-thư bộ ngoại-giao Pháp phát hành lúc bắt đầu chiến tranh 1914 có lưu dấu các chuyện cơ-mật này.

Đây không phải chỗ, cũng không phải lúc nhắc lại từng chi tiết cuộc sắp đặt chiến-tranh thế-giới đầu tiên ở Saajevo trong ngày chúa nhật 28-6-1914 bằng việc ám sát vợ chồng Hoàng Thái-tử Áo. Từ cuối tháng bảy người ta biết rằng hòa-bình như chuông treo chỉ mảnh, chỉ chờ một rắc-rối nhỏ là tan vỡ. Tuy thế dư luận Bỉ không lấy làm lo lắng. Người ta tự nhủ một cách ngây thơ : « Nếu tai họa xảy ra thì cũng như năm 1870. Nước Bỉ vẫn trung lập. Sự trung lập thường trực (xin các bạn nhớ cho) đã được các hiệp ước bảo đảm ». Lệnh tổng động binh ban hành ngày 31 tháng bảy chỉ có mục đích bảo đảm cho các biên giới, tất cả các biên giới, khỏi bị vi phạm.

Ngày 4 tháng 8, thượng thư Pháp ở Bruxelles đến tuyên bố với chánh phủ Bỉ rằng nước Pháp sẽ tôn trọng triệt-đề nền trung lập của Bỉ. Viên thượng thư Đức không

làm thế, nhưng người ta biết rằng ngày 29-4-1913 Von Jagow tổng trưởng ngoại-giao, đã tuyên bố ở nghị viện Đức : « Sự trung lập của Bỉ đã được các hiệp-ước quốc-tế xác định và nước Đức quyết kính trọng các hiệp ước này. »

Tuy thế sự lo ngại tăng lên khi ngày 8-8 ở Bruxelles người ta được tin binh Đức trong đêm vừa qua đã tràn vào hâu-quốc Luxembourg. Đến 5 giờ chiều, thượng thư Đức ở Bruxelles Von Below Saleske tuyên bố trên tờ Chiều và tờ Thế Kỷ XX cho yên lòng người : « Có lẽ các ông trông thấy cháy trên mái nhà người láng giềng, nhưng các ông không phải lo cho nhà mình. » Hai giờ sau, cũng nhà ngoại giao ấy chính thức trao cho Davignon Tổng-trưởng ngoại-giao Bỉ, một bức tối hậu thư như sau :

« Chính phủ Đức đã nhận được những nguồn tin chắc chắn, theo đó các đại binh Pháp có ý định tiến trên sông Meuse bằng lối Givet và Namur. Những tin này không còn cho ai nghi ngờ về ý định của Pháp tiến vào Đức do đất Bỉ. Chính-phủ hoàng-gia Đức không thể không lo rằng nước Bỉ, mặc dầu có hảo ý, không đủ sức đẩy lui bước tiến mạnh mẽ của Pháp như vậy mà không cần giúp đỡ. Trong việc này người ta nhận thấy chắc chắn một cuộc hăm dọa đối với Đức. Nước Đức có phận sự khẩn thiết tự bảo vệ để đề-phòng cuộc tấn công của địch. Chính-phủ Đức rất lấy làm tiếc nếu nước Bỉ coi việc Đức bắt

buộc phải vi phạm đến đất Bỉ vì các biện pháp quân sự của kẻ thù của Đức là một hành động gây hấn với Bỉ.

« Nếu nước Bỉ dùng thái độ chống đối với các đạo quân Đức và làm khó khăn cho cuộc tiến quân của Đức bằng cách cho các thành lũy trên sông Meuse kháng cự hay phá hủy đường xá, thiết lộ, đường hầm hay thành lũy nước Đức sẽ buộc lòng phải coi Bỉ như kẻ thù. »

« Trong trường hợp này nước Đức sẽ không cam-kết gì với qui-quốc, nhưng sẽ để cho võ-khí giải quyết những mối liên-lạc sau này giữa hai quốc gia. Chính phủ Đức có hy-vọng chính đáng rằng sự bất thần này sẽ không xảy ra, và chính phủ Bỉ sẽ biết dùng biện pháp thích hợp để ngăn cản cho nó khỏi xảy ra. Trong trường hợp này, các mối liên quan hữu-nghị liên-kết hai nước láng-diềng sẽ trở nên mật thiết và bền chặt hơn lên ».

Chính phủ Bỉ được mười hai giờ để trả lời.

Trong đêm ấy một Hội-đồng tổng trưởng họp dưới quyền chủ tọa của đức vua, quyết định gởi cho bức tối hậu thư phản bội kia lời phúc đáp dửng dưng cảm đã nâng cao mãi mãi tên nước Bỉ trước Lịch sử, Bức thư bắt đầu dùng lời khinh bỉ đánh tan luận cứ giả tạo là nước Pháp vi phạm nền trung lập của Bỉ. Thư nhắc lại chữ ký của một ông vua nước Phổ (Prusse) trên hiệp ước năm 1839,

bảo đảm sự trung lập vĩnh viễn của nước Bỉ, và thêm rằng :

« Nước Bỉ bao giờ cũng trung thành với các nghĩa vụ quốc-tế của mình. Bỉ đã làm tròn phận sự với một tinh thần thành thực vô tư. Bỉ không bỏ qua một cố gắng nào để gìn giữ và làm cho được kính trọng sự trung lập của mình. Xúc phạm vào nền độc lập của Bỉ như chính phủ Đức hăm dọa là vi-phạm hiển nhiên vào nhân quyền. Không một lợi ích chiến lược nào chứng minh cho sự vi phạm công pháp. Chấp nhận những điều kiện kể trên, là chính phủ Bỉ sẽ hy sinh danh dự quốc gia đồng thời phản bội hẳn phận mình đối với Âu-châu. Ý thức vai trò của mình giữ từ tám chục năm qua trong nền văn minh thế giới, chính phủ Bỉ không tin rằng Bỉ chỉ có thể giữ được độc lập bằng sự vi-phạm nền trung lập của mình. Nếu hy vọng này bất thành chính phủ Bỉ cương quyết đẩy lui mọi xúc phạm vào quyền mình bằng tất cả các phương tiện. »

Trong phiên họp ngày 4 tháng tám ở nghị viện Đức chính thủ tướng Đức là von Bethmann Hollweg cũng cho sự vi phạm trung lập Bỉ là một *hành vi trái nhân quyền* nhưng ông thêm ngay : « Khi người ta cần quá người ta không còn biết đến pháp luật. » Sau đó người ta biết rằng buổi sáng cùng ngày hôm ấy, chính Bethmann Hollweg đã sợ hãi nghe từ miệng Sir Edward Goschen đại sứ

nước Anh tuyên bố rằng nước Anh trung thành với chữ ký của mình sẽ bình vực Bỉ và bước vào vòng chiến chống Đức, ông ta đã nói một câu đầy ý nghĩa : « Ngăn ấy việc chỉ vì một tiếng : *trung lập*, ngăn ấy việc vì một tờ giấy lộn ! » Đây là ý kiến của nước Đức vĩnh viễn đối với các hiệp ước.

oOo

Khắp hoàn cầu đã biết đoạn sau. Từ 1914 đến 1918 nước Bỉ anh dũng và thống-khổ là ngọn cờ của Đồng-minh là sự hối hận sống của nước Đức tàn bạo đang tâm gia hình nạn nhân của mình. Một dân tộc thuần hòa, cần cù đã nhãng quên những đức tính chiến đấu, nay mang đầy vinh-quanh trong những trận đánh ở Liège, Gette, Yser con sông nhỏ trước kia không ai biết đến bây giờ trở thành danh tiếng như sông Danube hay sông Rhin.

Sự hi sinh của hàng ngàn người dân Flamand hay Wallon vô tội ở Louvain, Dinant, Tamines, Aerschot, Visé Andenne, Rossignol hay Latour do binh lính Đức hung tàn chém giết, hành hạ, càng gắn chặt tình đoàn kết của người Bỉ, làm cho cùng mang chung món nợ máu phải trả. Một đại tướng Leman, một thị trưởng Max, một giáo chủ Hồng y, một Gabrielle Petit người chị anh dũng của cô vú em Cavell trước cột hành hình là bấy nhiêu bức

trượng vẽ trên cửa kính thánh-đường, bấy nhiêu nhân vật phi thường trong truyện thần thoại, hay trong tranh truyền kỳ hóa thân của tinh thần kháng địch kỳ diệu của nước Bỉ khó chế ngự, của dân tộc Bỉ mà viên toàn quyền Von Bissing đã gọi là bất trị.

Người ta cũng phải thêm vào cái hào khí trầm lặng đó cái tinh thần hài hước. Cái thích khôi hài ở xứ Thyl Uylenspiegel và Tchantchet không bao giờ thiếu, và, được tận dụng trong vô số những tờ báo và ấn bản kháng chiến đem người Đức ra làm trò cười. Mỗi căm thù ghê gớm tràn ngập lòng người Bỉ. Mỗi căm thù đó gọi ra những tiếng kêu khích nộ của những «Cánh đỏ trong chiến-tranh» của nhà thi hào Emile Verhaeren, ông xưa nay vẫn là người hiền từ nhất trong mọi người và là một trong những sứ đồ nhiệt thành nhất của hòa bình thế giới. Verhaeren tự đứng lên diễn tả mỗi căm thù, ông tự thú trong một bức thư gửi cho Romain Rolland rằng nó làm cho ông đau lòng nhưng ông không thể nén đi được. Nhà thi hào đã ca tụng vua Albert, ông vua quân nhân, ông vua hiệp sĩ «người là Thánh George» trong bốn năm dòng đã bám chặt vào chéo đất sau con sông Yser, vào vãi đụn cát lơ mờ, song là «một mảnh cổ hương» đối với những người Bỉ.

Sự thực, dầu sức chịu đựng của người Bỉ trong trận

đại chiến cao đến thế nào cũng chính vua Albert là người tiêu biểu mãi mãi cho hùng khí của dân tộc Bỉ trước lịch-sử.

Ngày 4-8-1914, vị Quốc trưởng ấy, đồng thời cũng là chỉ huy quân đội, theo Hiến-Pháp, vận y phục hành quân đến trước hai viện tập hợp tuyên cáo những lời sau đây :

Khắp cả, ở Flandre và ở Wallonie, trong các thành thị và thôn quê, một tình cảm duy nhất siết chặt tâm can : lòng yêu nước. Một cảnh tượng duy nhất tràn ngập trí-não : nền độc lập của chúng ta lâm nguy. Một bồn phẫn duy nhất cường chế ý chí chúng ta : kháng chiến trường kỳ.

Trong hoàn cảnh nghiêm trọng này, hai đức tính rất cần thiết là sự can đảm, bình tĩnh nhưng quả quyết, và sự đoàn kết mật thiết của tất cả người Bỉ.

Hai đức tính này vừa phát hiện rực rỡ trước mắt đất nước đầy hoan hỷ,

Cuộc tổng động binh hoàn toàn của chúng ta, con số muôn vạn người tình nguyện nhập ngũ, sự tận tâm của quốc dân, lòng hy sinh của nhiều gia-đình đã chứng tỏ một cách không thể chối cãi được, đức dũng cảm úy lạo đang làm dân tộc Bỉ vô cùng phấn khởi. Lúc này là lúc phải hành động.

Trong xứ này không có ai là người lẩn tránh bổn phận.

Quân đội mạnh và có kỷ luật đủ sức làm tròn nhiệm vụ, chính phủ của tôi và chính tôi đầy tin tưởng ở các vị chỉ huy và quân sĩ. Cổ-kết với nhân dân, được nhân dân ủng hộ, chính-phủ hiểu biết trách nhiệm mình và sẽ đảm đương cho đến cùng, với sự vững tin rằng những nỗ lực của mọi người đoàn kết trong một tình yêu nước nhiệt thành nhất và cao cả nhất sẽ bảo toàn được hạnh phúc thiêng liêng cho xứ sở. Nếu ngoại bang, khinh thường nền trung lập mà chúng ta lúc nào cũng tuân thủ rất chu đáo các điều trói buộc, vi phạm lãnh thổ ta, họ sẽ gặp tất cả người Bỉ qui tụ chung quanh quốc vương là người không phản bội, không bao giờ phản bội lời thề với hiến-pháp, và chính phủ đã được tin nhiệm tuyệt đối của toàn quốc.

Tôi tin ở vận mệnh của chúng ta : một xứ tự bảo vệ lấy mình bắt buộc mọi người phải tôn trọng : xứ ấy không thể mất được.

*Thượng Đế sẽ che chở chúng ta trong chính nghĩa này.
Nước Bỉ độc lập muôn năm !*

Sau khi vua rời Nghị viện, ông De Broqueville thủ tướng chính phủ báo cho hai viện biết các quyết định của chính phủ và kết luận bằng những lời sau đây : « Giờ

này là giờ hành động. Một dân tộc chiến đấu cho quyền của mình có thể bị thua nhưng không bao giờ chịu hàng».

Ngày 22-11-1918 vua Albert, như một người công-dân quân-nhân đã làm tròn phận sự, trở lại trước hai nghị viện Bỉ đề tường trình nhiệm vụ : «Thưa quý vị, ông nói đề mở đầu, tôi mang đến quý vị lời chào của quân đội. Quân sĩ và tôi, chúng tôi vừa ở Yser về ngang các thành phố và làng mạc đã giải phóng.» Những lời nói giản dị biết bao, chứa đựng bao nhiêu cao quý! Sau những việc đã qua trong hơn bốn năm trường mỗi tiếng nói của ông mang nặng một ý nghĩa. Trong một xứ mà thỉnh thoảng người ta không cần đến sự hùng biện, vua Albert đã tự nhiên tìm thấy cái bí quyết của sự hùng biện thời xưa. Các diễn văn về chiến tranh của ông còn lưu trong văn-tập.

Lúc mà người Bỉ bị chia rẽ một cách khốc hại vì thái độ vua Léopod III suốt trong thời xứ này vị chiếm đóng lần nữa từ 1940 đến 1944, người ta tiếc rằng nhà vua trẻ này không cùng cảm nghĩ như vua cha oanh liệt và không như vua cha đến trước nghị viện Bỉ để tuyên cáo chống Đức lần thứ hai trong khoảng phần tư thế kỷ đã đến xâm lăng quê hương mình như ông đã tuyên thệ trước Nghị viện ngày 23-2-1934 lúc lên ngôi.

oOo

Sau trận thế chiến thứ nhất, nước Bỉ can đảm trở lại bắt tay vào việc, bằng lòng nhận một vài điều chỉnh biên giới khiêm tốn, chịu số bồi thường không mấy cao mà cũng chỉ tiếp được một phần nhỏ vì quyền ưu tiên Bỉ đã ghi trong hiệp ước ở Versailles.

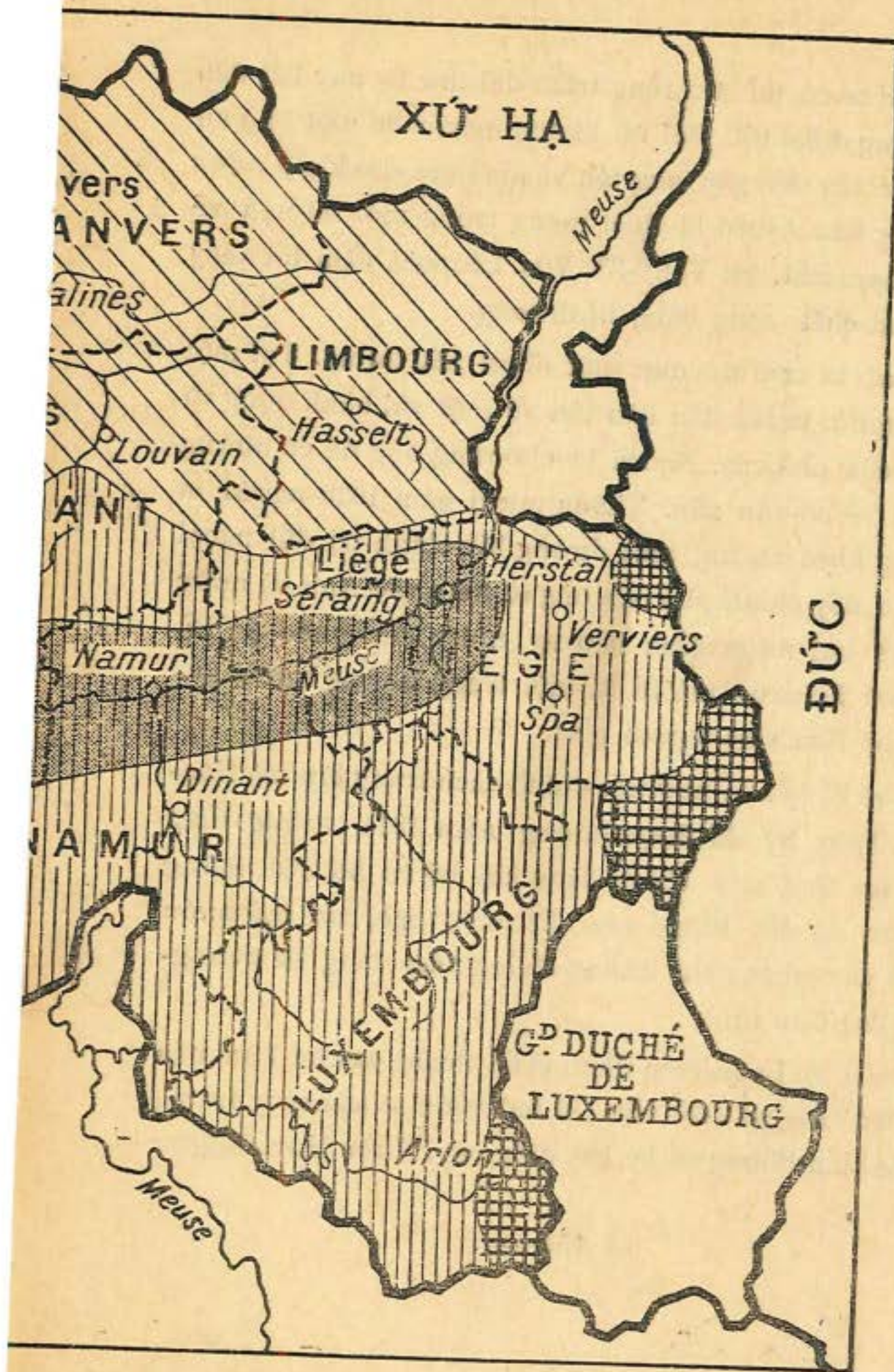
Mặc dầu những nỗi khó khăn về kinh tế và tiền tệ giữa hai trận thế chiến, nước Bỉ vẫn hoàn thành những tiến bộ lớn trong lãnh vực an ninh xã-hội. Rất ít xứ trên thế giới hiện nay có được một số vốn hùng hậu như thế trên lãnh vực này. Kết quả đó một phần lớn do tính cách rất thực tế của phong trào thợ thuyền và xã-hội mà sự lớn mạnh không thể tránh được của cộng-sản cũng không thể làm hư hỏng nhiều.

Cái chết bi thảm của vua Albert năm 1934 quả là một tai họa không riêng cho nước Bỉ mà cho tất cả thế giới. Con trai của ông mới cưới công chúa Astrid nước Thụy-Điển, duyên dáng và lòng tốt của công chúa chiếm được ngay lòng mộ mến của tất cả mọi người lên nối ngôi ngày 23-2-1934. Trước hai viện hội hợp, Léopold III tuyên thệ « tuân thủ hiến pháp và luật lệ của dân tộc Bỉ, giữ gìn nền độc lập quốc gia và lãnh thổ toàn vẹn ». Trong diễn văn đọc tiếp theo đó ông nhắc lại rằng Hoàng-gia phụng sự cho Đất-nước. Người ta hoan hô ông rất lâu khi ông nói giản dị : « Tôi tự hiến tất cả thân thế cho nước Bỉ ».

Bản đồ nước Bỉ - Chính



ri và Kinh-tế



Người ta có thể tin rằng triều-đại thứ tư này bắt đầu bằng những điềm tốt. Hỡi ôi, không mấy chốc một tai nạn thảm khốc xảy đến gây tang tóc và ảm đạm cho khắp nước Bỉ. Hoàng hậu Astrid bị thiệt mạng trong một tai nạn xe hơi ở Kussnacht, tại Thụy-Sĩ. Vua Léopold cầm lái may mắn thoát chết song cũng bị thương.

Người ta xem đó như một điềm bất tường. Tại một vài nơi người ta bắt đầu bàn tán về một vài hành động và thái độ của nhà vua. Người ta cho rằng ông đã có những cận thần và cố-vấn xấu. Tháng mười năm 1936 người ta nghi ông khởi xướng một đường lối chính trị đối ngoại mới theo đấy chính phủ của ông sẽ lìa nước Anh và nước Pháp, là hai nước đảm bảo tự nhiên của quốc-gia Bỉ. Hiệp ước Locarno mà Bỉ là một trong những nước ký-kết đã bị Reich đệ-tam tố giác.

Nước Bỉ hẳn là nhớ tiếc chính-sách trung lập mà Hòa-Lan và Thụy Sĩ đã được hưởng năm 1914, tưởng rằng mình làm một việc chính đáng khi tuyên bố bãi những thỏa ước do đấy Bỉ chỉ cam kết hiệp nghị với hai nước này về việc phòng thủ chung chống xâm lăng từ cường-quốc khác đưa tới.

Ba-Lê và Luân-Đôn đành chấp thuận và còn hứa nếu Bỉ bị đánh mà gọi tiếp viện thì hai nước sẽ sẵn sàng tương trợ mặc dầu không có ký kết điều này. Nước Đức cũng tự

nhiên hứa giúp đỡ như thế.

Năm 1940 Bỉ thêm một lần nữa được hiểu rõ thế nào là lời hứa của nước Đức. Chính sách của Bỉ theo đuổi từ tháng mười 1936, xui khiến bởi tình cảm — nói là những ảo tưởng đáng kính thì đúng hơn — đã bị biến cố năm 1940 đình chính một cách tàn nhẫn. Nhưng không phải đây là tất cả những gì một phần dư luận Bỉ trách cứ vua Léopold III.

Người ta phiền ông nhất về việc ông đã lìa xa chính phủ ông vào lúc quân đội tan vỡ hồi tháng năm tháng sáu 1940. Quân đội Bỉ làm tròn bổn phận mình trong cuộc hành quân mười tám ngày.

Ngày nay không còn ai dám bảo việc đầu hàng do nhà vua quyết định một mình với tư cách Tổng tư lệnh quân đội là nguyên nhân chính trong thảm họa suýt làm đổ vỡ nền tảng của tự do và dân-chủ trong nước.

Nhưng người ta trách nhà vua đã bỏ cuộc chiến đấu và không theo chính phủ đi lưu vong. Sau nữa người ta trách ông đã hội kiến với Hitler ở Bershtesgaden. Người ta còn trách ông — tại sao lại không nói — đến về cuộc hôn nhân không xứng đáng của ông (tiện-hôn).

Dầu sao mặc lòng (nhà vua cũng có một số người binh vực ông) ở đoạn cuối một cuốn sử tóm tắt như

cuốn này ta không nên có một phân xét quyết định đối với cuộc xung đột đau đớn và nghiêm trọng nhất mà nước Bỉ giải phóng phải giải quyết.

Ông được người Mỹ cứu thoát trên đất Áo là nơi mà quân Đức đã đưa ông đến trước khi họ rút khỏi đất Bỉ. Ông lại không về ngay Bruxelles, ở đây người ta đang nghị luận về cá nhân ông. Các nghị viện liền lo chọn người vào chức nhiếp-chính và cử em ông là hoàng tử Charles, người được toàn dân kính phục, lên làm Quốc trưởng.

Nhưng vấn đề chế-độ không phải đặt ra. Ngay lúc cá nhân vua Léopold III bắt đầu bị đem ra bàn luận, người ta còn hoài công tìm ở Bỉ dấu vết một phong trào Cộng-Hòa quan trọng, dù là một vài đảng phái đã có chế-độ Cộng-Hòa trong chương-trình.

Hết

ĐÍNH CHÍNH

Xin quý bạn đọc vui lòng sửa lại những sơ sót sau đây. Trân trọng cảm tạ.

Trang	Dòng	CHỮ	XIN ĐỌC
8	12	— Nil	Nil —
8	20	Bỉ kể cả	Bỉ — kể cả
22	8	Frandre	Flandre
23	10	nước Bỉ	nước Bỉ mới
27	3	quen	quen
27	4	Galo-Romains	Gallo-Romaines
28	22	trở	tiở
41	12	quốc-gia	quốc-gia —
41	14	xứ này	xứ này —
41	21	Régulier	Régulier
42	20	Gérard	Gérard
42	23	tranh thành	trung-thành
45	17	thế-kỹ	thế kỷ
46	3	gã	gã
48	4	ăng	lăng
56	20	vững	vững
59	21	gây	chịu
59	23	Frandre	Flandre
67	23	rẽ	rẽ
71	16	và tional	tiona
72	13	kiêu lãnh	kiêu hãnh
74	4	nổi	nổi
74	12	Vander	Van der
74	22	mien	mion
80	12	cộng sản	cộng sản
81	7	tích cách	tính cách

Trang	Dòng	CHỮ	XIN ĐỌC
83	2	các tòa án ghê tởm	còn những tòa án
		không chịu áp-dụng	áp-dụng
89	21	tòng vương	tòng quốc vương
89	23	— d'Orange	d'Orange
90	5	Théin	Thiên
95	3	Không làm gì	Không gì
105	4	Dumouriez	Dumouriez
109	8	mỹ nghệ	kỹ nghệ
110	10	provençal	provençal
112	3	thương mại về	thương mại và
117	9	thành, Lyon	thành Lyon,
121	5	Luxembourg	Luxembourg
122	11	Bautzen, và	Bautzen, Lutzen và
132	6	nguyên ngữ của Hòa-Lan	nguyên ngữ của Bỉ
134	22	Dertree	Destree
136	8	Quadragesime	Quadragesimo
137	19	rằng ngày nay họ	rằng họ
137	21	vị trí	địa vị
138	4	hoặc	và
139	16	họ là những người	là những người chỉ
		không hề	được chú ý chứ
			không hề
143	14	nhân	nhận
143	15	đại binh	đạo binh

NHỮNG SÁCH DỊCH

của VIỆN ĐẠI-HỌC HUẾ

TÊN SÁCH	NGƯỜI DỊCH	GIÁ TIỀN
— Chính-trị-học hiện-đại	TÔN-THẬT-TRẠCH	50 \$
— Quan-niệm và sáng-tác thơ	ĐOÀN-THÊM	50—
— Các vấn-đề triết-học	NGUYỄN-HỮU-TRỌNG	80—
— Quyển sách, nghề xuất-bản và bán sách	LÊ-THÁI-BẮNG	90—
— Những án-lệ quan-trọng	TRẦN-THỨC-LINH	70—
— Xung-đột trong đời sống quốc-tế	NGUYỄN-HIỀN-LÊ	75—
— Bốn phân hợp-lý	Bà NGUYỄN-KIM-OANH	85—
— Lịch-sử Ý-đại-lợi	THÁI-VĂN-KIỂM	40—
— Lịch-sử Gia-nã-đại	PHẠM-ĐÌNH-TÂN	30—

Mua nhiều, làm đại-lý xin hỏi :

TẠI TRUNG-PHẦN
Nhà xuất-bản Đại-học
HUẾ

TẠI NAM-PHẦN
290/11 Đại-lộ Công-Lý
SAIGON

LỊCH-SỬ NƯỚC BỈ

Bản dịch của THÙY-DƯƠNG. Nguyên-Tác
của LOUIS PIERO. Do Viện Đại-Học Huế xuất
bản. Giấy phép số 1442/XB do N.T.G.Đ.T.T.
cấp ngày 2-7-63. In tại nhà in riêng
của VIỆN ĐẠI-HỌC HUẾ — Ngoài
những bản thường có in thêm 100 bản
Đặc-Biệt những bản sau này không bán.